

HÀM SƠN

HẠNH HUỆ trích dịch



MỘNG  
DU  
TẬP



NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH



ebook | [www.vienchieu.org](http://www.vienchieu.org)

HÁM SƠN

# MỘNG DU TẬP

HẠNH HUỆ

Trích dịch

 NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP TP. HỒ CHÍ MINH





## Lời Nói Đầu

*Phật Tổ gá thân mộng, đạo cảnh mộng,  
giáo hóa người trong mộng, mong lất cả mau  
ra khỏi mộng dài sanh tử, làm người linh  
thức, tự tại thông dong.*

*Chúng tôi nhân đọc “Mộng Du Tập”  
của ngài Hàm Sơn, thâm cảm chỗ dạy chí  
linh của Ngài, nên mộng đem lời quê mùa  
cùng vốn liếng chữ Nho ít ỏi, trích dịch tập  
này, trước để tự xem, sau mong lất cả các bạn  
đồng mộng có duyên xem đến có được chút  
lợi ích nào chăng!*

*Hạnh Huệ*



## **Dạy Cư Sĩ Dung Ngọc**

Lúc tôi ở am Tam Nhất, có cư sĩ Vương Dung Ngọc ở Hóa Châu đến thưa rằng:

- Đệ tử tâm hướng về đạo đã lâu mà chí chưa được chuyên nhất. Con nghĩ rằng sống phải có danh giáo, lấy trung hiếu làm đầu, thẹn mình chưa được công danh để tỏ lòng trung với vua, chưa gánh đá để tỏ lòng hiếu với từ thân, tâm con chưa yên nên khó định chí.

Tôi bảo:

- Đúng thay! Trung hiếu thực là gốc của đạo cả, là sự tốt đẹp của lòng người. Đâu thể bỏ trung hiếu mà nói đạo, ngược với tâm tánh mà nói đức hạnh sao? Nhà Nho cho lời Phật dạy là bỏ nhân luân, dẹp trung hiếu, cho là ngược dòng (bối trì). Họ không biết chỗ ngược là vết tích, còn chỗ hướng đến là tâm. Truyện nói: “Muốn thờ cha mẹ, không thể không biết đến người, muốn biết người, không thể chẳng biết trời”. Người tức là lòng nhân, là đức của tánh vậy.

Xem đây thì luận về việc thờ cha mẹ mà không biết người, chẳng gọi là hiếu. Luận về biết người mà không biết trời, chẳng gọi là biết người. Nói biết trời mà không thấy tánh thì trời cũng

hoang mang không có chứng cứ. Thế thì tâm tánh tại ta tức là thiên chân sẵn có. Người biết được thiên tánh chân thật tức là chân nhân. Dùng cái hiểu của thiên chân tức là chân hiểu. Hay dụng công thấy tánh để tu là chân tu. Dùng cái vui của chân tánh để làm vui cho cha mẹ tức là diệu hạnh. Đó tức là hiểu, là chí hiểu vậy. Nhiều người cho rằng: “Lấy sự cung kính làm trọng, còn miệng và thân là nhẹ”, chỉ là đê ở ngọn.

Dung Ngọc thưa:

- Đệ tử lòng đã rõ lời chỉ dạy, biết công của sự thấy tánh thật lớn, lấy đây để làm cha mẹ được vui, sở nguyện đã vững. Nhưng đạo bao la như biển, mênh mông không ai chỉ lối về, mong thầy chỉ dạy công phu thẳng tắt.

Tôi nói:

- Cổ đức có nói: “Có một đường tắt tu hành là niệm Phật A-di-đà”. Tiếng Phật A-di-đà nghĩa là Vô Lượng Thọ, Phật là giác. Tức là giác tánh thiên chân sẵn có của chúng ta. Đó là diệu môn đệ nhất của sự thấy tánh. Tánh này vốn có trước thiên địa mà chẳng già, còn sau trời đất mà không phải chấm dứt, ở trong sanh tử mà chẳng bị biến đổi, ở chỗ đổi thay mà không dời chuyển, vượt trên vạn vật, không chỗ tận cùng, nên gọi là Vô Lượng Thọ. Thọ này chẳng lệ thuộc hình hài dài ngắn, năm tháng chóng chầy. Nếu chúng ta có thể thấy được tánh này thì gọi là Phật.

Hơn nữa, Phật chẳng phải tên gọi vị Thánh nhân ở phương Tây, mà là ta nhập được vào tự tánh chân thật của chính mình. Các vua Nghiêu, Thuấn, Vũ, Thang là bậc thiên dân tiên giác (Dân

trời biết trước), nhưng thiên dân do đối đãi mà biết được, còn thánh nhân sanh ra đã biết trước. Cái giác biết này chẳng phải là giác của Phật tánh sao? Mạnh Tử bảo Nghiêu, Thuấn đồng với người, chỗ đồng chính là đây. Nếu biết được giác tánh này thì mọi người đều có thể là Nghiêu, Thuấn. Mọi người đều có thể là Nghiêu, Thuấn thì mọi người đều có thể làm Phật, rõ ràng là thế. Than ôi! Người đời cứ khư khư ôm cái thấy nhỏ hẹp, chưa gặp bậc chân nhân chỉ dạy, chỉ bó buộc theo tục học, cho thức ăn của tai là chính đáng, không quái gỡ sao? Cứ mờ mịt không biết về chỗ an nghỉ.

Dung Ngọc thưa:

- Đệ tử nhờ ơn khai thị, tin biết tự tâm là Phật, tự tâm làm Phật, không cần tìm cầu bên ngoài. Nhưng con không biết yếu chỉ làm Phật, công phu hạ thủ, cúi mong thầy chỉ dạy.

Tôi nói:

- Chúng ta nếu biết tự tâm là Phật, cần phải xét nhân đâu mà làm chúng sanh? Vì chúng sanh và Phật như nước với băng, tâm mê thì Phật làm chúng sanh, tâm ngộ thì chúng sanh là Phật, như nước đóng thành băng, băng chảy thành nước, chỉ đổi tên chứ không đổi thể. Nếu mê thì chẳng giác, chẳng giác tức chúng sanh. Chẳng mê thì giác, giác tức chúng sanh là Phật. Ông muốn cầu Phật, chỉ cầu tự tâm. Tâm nếu có mê, chỉ cần nhớ Phật, Phật khởi lên tức giác, giác thì tự tánh sáng suốt, bày lộ rõ ràng, vọng tưởng tham, sân, si từ trước ngay đó như băng tiêu. Nghiệp cấu đã tiêu thì tự tâm thanh tịnh. Giải thoát không hệ lụy

thì khổ biến mất, còn lại an vui, tai họa bay đi, phước đức ở lại. Chân lạc đã còn thì không tánh nào chẳng vui, phước trời theo đây hiện thì gặp gì cũng an. Chỉ có đây là an lạc chân thật, há miệng và thân có thể đến, phú quý có thể với tới sao? Đây là chỗ nói “Tâm tịnh thì cõi Phật tịnh”. Công phụng sự tâm không ngoài đây, vốn liếng của tịnh độ cũng không ngoài đây.

Dung Ngọc thưa:

- Đệ tử nghe dạy tâm và mắt được mở sáng như thấy đường về nhà, không còn nghi ngờ gì nữa. Nhưng nếu cho niệm Phật là hiếu, làm sao đến cái hiếu này? Đó là chỗ con chưa an, xin thầy chỉ dạy.

Tôi nói:

- Ngày xưa, có người con hiếu đi xa, nhà có khách đến, người mẹ mong con không thấy về bèn cắn ngón tay, người con liền đau lòng, biết mẹ đang nghĩ đến mình, bèn trở về. Mẹ cắn ngón tay mà lòng con đau, tức là do cùng thể mà tâm là một vậy. Ông nếu thấy rõ được tự tâm, hốt nhiên sẽ giác ngộ tâm tức tâm mẹ. Dem cái giác của mình để giác cho mẹ, đem niệm của mình mong mẹ niệm. Mẹ đã yêu thương thân con, lại không yêu thương tâm con sao? Nếu mẹ yêu thân con thì thân lụy, tâm sẽ khổ, còn nếu mẹ yêu tâm con thì quên thân mà tâm được vui. Hơn nữa, thể của tâm mẹ và con là một. Xưa mẹ nhớ con, cắn ngón tay mà lòng con đau. Nay con nhớ mẹ quên thân, há lòng mẹ chẳng an vui hay sao? Nhưng sợ con phụng sự tâm chẳng hết lòng, tập quên chẳng đến nơi, không bằng được sự tha thiết của

mẹ nhớ con, để cảm được tâm mẹ vui. Vì thế, người con hiếu ngày xưa không dùng tam sanh, ngũ đảnh để nuôi dưỡng cha mẹ, mà mặc lấy áo sặc sỡ nô đùa. Người đại hiếu là làm vui lòng cha mẹ chứ chẳng phải nuôi dưỡng thân của cha mẹ, hiếu ở đời là thế. Nếu có thể khiến cho cha mẹ trong những năm cuối cuộc đời, đem tâm quay về tịnh độ, hưởng trọn cái vui của một ngày, vẫn hơn phú quý trăm năm. Còn khiến cha mẹ hằng ô m lòng lo lắng thì tuy phú quý mà cha mẹ chẳng vui, tức là vui mà lại có lý do chẳng vui tồn tại. Nay ông do niệm Phật mà có thể khiến mẹ ông vừa an lại vui, vui lại lâu, đó không phải là Vô Lượng Thọ sao? Mẹ thọ vô lượng, con cũng thọ vô lượng thì Tịnh độ do ta chứ chẳng do người, Phật tại tâm mà không ở vết tích. Ông hãy vững chí.





## **Dạy Thiên Nhân Tự Am Hữu Trụ Núi**

Phật dạy: “Tất cả chúng sanh lưu lãng trong sanh tử, đều do vọng tưởng điên đảo làm căn bản”. Nếu tưởng điên đảo diệt và khăng nhận tự tâm tức là thời tiết liễu thoát sanh tử, ra khỏi biển khổ. Nếu vọng tưởng chẳng dừng thì sanh tử khó ra. Nên nói: “Cuồng tâm chẳng dứt, nếu dứt tức Bồ-đề”. Chúng ta nếu quả thật có thể chóng dứt tâm cuồng loạn thì liền ra khỏi tam giới, dẹp quân ma, ngồi giữa trời xưng là đạo nhân vô sự. Lão Diêm-la mặt sắt dù có ác tâm, ra tay tàn độc cũng không mò bắt được, tha hồ ngang dọc, tự do tự tại, làm một người đại giải thoát. Thời tiết như thế thì dù gọi là Phật, là Tổ cũng chẳng chịu, huống nữa là kết bầy với bọn ruồi lẩn ngu ngốc trong cầu tiêu, tranh giành đồ hôi tanh, thối tha hay sao? Mười phương thế giới đều thành tịnh độ, lấy Đại Viên Giác làm già-lam của ta, thân tâm trùm khắp, cùng mười phương chư Phật nắm tay mà đi, được đại tự tại. Ở đây, am tức là mình, mình tức là am. Am tức là núi, núi tức là người, không trong, không ngoài, không kia, không đây. Như thế thì trụ không chỗ trụ, đi không chỗ đi, tu không chỗ tu, mới xứng là Tự Am. Còn nếu nuôi dưỡng sự biếng lười, mê ngủ thì ba đời sáu mươi kiếp chỉ là đầy tớ kẻ khác. Hãy nghĩ đó! Nghĩ đó!

# **Dạy Thiên Nhân Khánh Vân**

Người xuất gia cầu sáng việc lớn:

1- Cần chân thật vì sanh tử, tâm phải tha thiết.

2- Cần nhất chí quyết định ra khỏi sanh tử.

3- Cần liêu một đời đến chết không đổi tiết tháo.

4- Cần thật biết thế gian là khổ, hết sức nhàm chán xa lìa.

5- Cần gần gũi bậc tri thức cao tuyệt, đủ tri kiến chân chánh, luôn luôn thưa hỏi, vâng lời dạy dỗ, theo lời mà làm. Siêng năng chẳng lười, không bị ngũ dục phiền não ngăn chướng, chẳng bị thói quen xấu ác sai khiến, chẳng bị bạn ác lay chuyển, chẳng bị duyên ác cướp đoạt, chẳng cho căn cơ ngu độn mà sanh lui sụt. Phát tâm như thế, dốc lòng như thế, lâu dần sẽ thuần thực, tự nhiên ăn khớp với chỗ nguyện cầu xưa như hộp với nắp. Dù đời này chẳng liễu ngộ, thấy rõ tự tâm, thì trăm kiếp ngàn đời cũng lấy hôm nay làm nhân đầu tiên. Nếu không thế mà chỉ dùng tri kiến hẹp hòi, tập khí hèn nhát, rụt rè cầu an, muốn đem thiên đầu môi, tâm cuồng vọng, hơi dơ dục, gốc rễ tà kiến toan cho là chánh nghiệp xuất gia, lấy đây mong ra khỏi biển khổ thì vẫn là ưa nước Việt mà đến nước Yên, không chịu bước mà đòi tiến đến trước. Than ôi! Đời mạt pháp người chánh tín hiếm hoi, thiên nhân đã biết được chỗ hướng về, nên xét biết bản tâm, lấy quyết định chân thật làm nghĩa đệ nhất. Cố gắng! Cố gắng!

## **Dạy Thiên Nhân Như Thường**

Phật dạy: “Từ thân xuất gia, biết được tâm, đạt được gốc, hiểu pháp vô vi gọi là Sa-môn thường hành 250 giới”.

Lại nói: “Đoạn dục, trừ ái, biết nguồn tâm của mình, đạt lý sâu của Phật, ngộ pháp vô vi”.

Lại nói: “Cắt bỏ râu tóc mà làm Sa-môn, thọ nhận pháp Phật, bỏ tài sản thế gian, khát thực biết đủ, ăn ngày một bữa, ngủ dưới cây một đêm, cẩn thận không trở lại. Điều khiến người trở thành ngu tệ là ái và dục vậy”.

Những lời dặn dò tha thiết như thế đều là những điều thiết yếu để làm đệ tử Phật. Khi xuất gia, việc đầu tiên là lấy ly dục làm hạnh đệ nhất. Con cháu đời sau, thân tuy xuất gia mà tâm say trong ngũ dục, chẳng biết cái hại nào cần phải xa lìa, đạo nào là đạo ra khỏi khổ, cứ triền miên mê muội chẳng tự tỉnh giác, rồi lại giả bộ oai nghi, làm vẻ đạo đức, ngoài dối người, trong dối lòng, che đậy tỳ vết không chịu tự giác. Người này muốn được niệm chân chánh thật khó vậy!

Ngài Tịnh Danh nói: “Trực tâm là đạo tràng”. Như Thường đã có chí cầu pháp xuất ly, nên lấy trực tâm làm điều trên hết. Trân trọng.

## **Dạy Thị Giả Huệ**

Phật vì một đại sự nhân duyên nên xuất hiện ở đời. Đó là muốn cho chúng sanh khai thị ngộ nhập tri kiến Phật. Mà tri kiến của Phật tức là tri kiến của chúng sanh, tri kiến chúng sanh tức là tri kiến sanh tử. Nên nói: “Trên tri kiến lập hiểu biết tức gốc vô minh. Trên tri kiến không có hiểu biết tức là Niết-bàn” (Tri kiến lập tri tức vô minh bổn. Tri kiến vô kiến tư tức Niết-bàn). Thế thì tri kiến của phàm và thánh không phải là hai, mà có mê ngộ chẳng đồng, lỗi ở lập hay là chẳng lập. Tổ sư nói: “Nếu lập một trần, nước mất nhà tan”. Vì tri kiến vốn không phàm thánh, nếu có lập, tức có ngã. Có ngã thì các chướng chông nổi lên, không ngã thì muôn pháp lặng lẽ. Vậy ngã là gốc rễ sanh tử. Đâu phải riêng phàm phu tạo tham, sân, si mà bị ngã làm chướng, tất cả thánh nhân, những người tu hành nếu tri kiến chưa quên đều thuộc ngã chướng. Hơn nữa, vì gốc sanh tử khó nhổ, nên trong hai chướng có thô tế chẳng đồng.

Thô thì dễ đuổi, tế thì khó trừ. Vì rễ tri kiến trong tâm khó nhổ, nên kinh nói: “Còn ngã giác ngã đều là chướng ngại”. Đây chính là **Tri kiến lập tri** tiềm ẩn sâu xa như tính mạng, chẳng thể đoạn dứt. Do đó cổ nhân hai ba mươi năm tham học, dù cho ngộ được tự tánh đầy đủ như trăng sáng nơi đầm lạnh, tiếng chuông đêm vắng tùy ý gõ đánh không hề khuyết, chạm ba đào mà không tan, cũng vẫn là việc đầu bờ sanh tử. Đây là chỗ người xưa thật chẳng tự dối. Nếu tự dối mình dối người thì tự mình bị hoại và làm hoại người vậy.

Thị giả Phước Huệ sớm theo hầu lão nhân xuất gia. Lúc mới gặp lão nhân, ông là một người xuẩn xuẩn, biệt đi mười năm lại càng xuẩn xuẩn thêm, nhưng thường vui vì trong cái xuẩn xuẩn có chỗ tỉnh tỉnh không xuẩn. Đây là thị giả đem cái “xuẩn không xuẩn” này làm mạng căn. Nay đã được năm năm, cái xuẩn này ngày càng tăng, cái không xuẩn cũng âm thầm lớn lên. Do đây, người ta thấy thị giả xuẩn, thị giả cũng tự thấy mình xuẩn càng thêm xuẩn, mà người người chẳng tự biết đó là xuẩn. Hạ năm nay, lão nhân từ Tây Việt trở về núi, thị giả chột ra khỏi tình trạng xuẩn, lão nhân cả cười. Cái xuẩn này không còn có lúc ló ra được nữa. Nếu bảo đây là người xuẩn lập xuẩn là đã lỗi rồi. Nếu có thể lấy xuẩn này làm chỗ thọ dụng cũng có lẽ tự đủ, cũng có thể liễu thoát sanh tử, cũng không phụ việc xuất gia hành khước. Còn nếu lấy đây để lập thêm cái xuẩn thì bệnh chẳng khác gì **Tri kiến lập tri**. Thị giả nếu có thể đẩy ngã cái xuẩn này thì chẳng lo gì không được cùng lão nhân kết chặt lông mày.

## **Dạy Đặng Ti Trục**

Phật Tổ ra đời thuyết pháp Bát-nhã, dạy người tu hành phải lấy Bát-nhã làm gốc, Bát-nhã là tiếng Phạn, nghĩa là trí tuệ. Trí tuệ này là Phật tánh sẵn có của chúng ta. Còn gọi là tự tâm, tự tánh. Thế này xưa nay không mờ nên nói Quang minh, xưa nay rộng lớn bao dung nên nói là Hư không, xưa nay không vọng nên nói Nhất chân, xưa nay không động không biến nên nói Chân như, Như như, xưa nay viên mãn không đâu chẳng chiếu nên nói Viên giác, xưa nay tịch diệt nên nói Niết-bàn. Chư Phật chứng ngộ trọn vẹn nên nói Đại giác, còn gọi là Bồ-đề. Vì chư Phật sử dụng nên là thần thông diệu dụng. Bồ Tát tu gọi là diệu hạnh. Nhị thừa đặc gọi là giải thoát. Phạm phu mê thì là vọng tưởng nghiệp thức, từ đó phát ra tham, sân, si, kiêu, siểm, khi, trá, tạo nghiệp dâm, sát, vọng, trộm, kết quả là các thứ dụng cụ đau khổ: dao, cưa, sắt, mài cho đến vạc dầu, lò than... đều từ tâm mình biến hiện. Chính như người đang tỉnh táo vô sự, trước mắt có các việc

vui vẻ, bỗng chợp mắt ngủ mê, mộng thấy chịu đủ đắng cay khổ sở ở địa ngục, với các việc khổ khó kham khó nhẫn. Ngay lúc muốn cầu cứu mà chẳng thể được đó, khách ngồi trước nhà vẫn còn trò chuyện huyền ảo chưa dứt. Giật mình tỉnh giấc, ngáp dài mà dậy, thấy cảnh vui vẻ rõ ràng trước mắt, rượu còn ấm, đồ nhắm còn nóng. Chưa rời khỏi gối chiếu mà cảnh khổ vui đã chóng đổi khác. Điều cốt yếu là vui thì từ ngoài đến, khổ từ trong ra. Do đây mà xem thì thuyết thiên đường, địa ngục rõ ràng xuất hiện ở tâm mình, có gì là hư huyền kỳ quái? Đó đều vì mê mờ tâm mình mà ra cả. Kinh nói: “Tự tâm giữ tự tâm, không phải huyền mà thành pháp huyền”. Lại nói: “Pháp trong ba cõi trên dưới đều chỉ một tâm tạo”. Xét đó thì đâu phải riêng Phật pháp nói nhất tâm, Thánh hiền từ trước cho đến cả chín dòng dị thuật cũng đều từ một tâm này mà thành, chỉ có lớn nhỏ, nhiều ít, lành ác, tà chánh, sáng tối không đồng nên chỗ dùng khác nhau. Nên nói: “Sơn hà đại địa toàn lộ thân pháp vương. Vảy vò, cánh lông đều hiện sắc thân tam-muội”. Đây đều là chân quang của Bát-nhã, bóng dáng của tự tâm chúng ta.

Tâm thể sẵn có của chúng ta xưa nay bao dung rộng lớn, thanh tịnh quang minh như vậy, các cảnh tượng màu sắc trước mắt xen lẫn chập chùng, bốn bề la liệt lại đều là tâm ta hiện như thế. Chúng ta có cái tâm này mà chẳng biết, thật đáng thương! Lại còn ôm giữ những thứ do tâm hiện, cho là chỗ vui thích đáng yêu. Mắt hài lòng với sắc đẹp, tai thích tiếng dâm, mũi thích mùi



thơm, lưỡi thích vị ngon, thân ưa xúc chạm, tâm ưa các pháp. Chúng đều từ tâm mà ra, mình lại giữ lấy cho là sung sướng, rồi tham- sân- si, tạo các thứ huyễn nghiệp dâm- sát- trộm- vọng, chiêu lấy sự khổ kịch liệt trong tam đồ ở đời vị lai, như người mộng du không tỉnh, không rất đáng thương sao?

Vì tâm này cùng chư Phật đồng thể không hai, Lịch đại Tổ sư ngộ rõ chẳng khác. Riêng có chúng ta đầy đủ mà chẳng biết. Như đứa con thơ bỏ trốn quên đường trở về, cha mẹ nhớ thương tìm kiếm. Do đó, đức Thích-ca ra đời, tổ Đạt-ma từ Ấn Độ sang, cho đến ba mươi năm thuyết pháp ở Tào Khê, rồi chư Tổ có một ngàn bảy trăm công án đầy đủ để chỉ dạy người, đều là việc này vậy.

Kinh nói: “Chỉ một việc này là thực, có cái thứ hai thì chẳng phải chân”. Như vậy, ngoài một việc này, tất cả đều là lời của ma, là hý luận. Thế thì chư Phật chứng đủ mà không xuất thế thì cô phụ chúng sanh, chư Tổ ngộ mà không thuyết pháp thì cô phụ chư Phật, còn người có nghe mà không tin, không hiểu, không nhận, không hành thì cô phụ chính mình. Phụ chúng sanh thì kiêu mạn, phụ chư Phật thì đọa, phụ chính mình thì ngu si. Vậy thì có thể phụ Phật Tổ mà không thể phụ chính mình, vì sẵn có mà chẳng cầu, đầy đủ mà chẳng khéo dùng, ví như cầm châu báu mà đi ăn mày, không rất đáng thương sao?

Nay Ti Trục thân chạm biển trần, tâm đọa đường mê, bỗng nhiên mãnh tỉnh, quay đầu tìm cầu việc này, giống như đứa con cầm châu báu

hổ thẹn sống chung với bọn ăn mày, cứ hướng về người để cầu no đủ. Lão nhân vội đem pháp này chỉ thẳng cho, rõ ràng chỉ cho thần châu trong áo, nguyên là Ti Trực đã có sẵn, chứ chẳng phải lão nhân nắm đưa để lấy cảm tình. Nhưng bảo châu như ý này, tùy chỗ cầu mà ứng, các thứ sự nghiệp, hoàn cảnh nhận dùng chẳng chút thiếu thốn. Đến như cầu phương pháp để được đáp ứng thì cũng ở tự tâm của Ti Trực, nhờ sức khéo léo siêng năng, khắc khổ. Nếu quả có thể tự nhận, cực lực tự cầu, một ngày nào đó hoát nhiên đại ngộ thì một miệng có thể hợp hết sông núi, đất đai, các loài vảy, vỏ, lông, cánh cùng chư Phật ba đời, Lịch đại Tổ sư và cả sự nghiệp của Nghiêu, Trăn, Chu, Khổng chẳng nhờ vào sức ai khác. Nếu không thì y như cũ, chỉ là một chúng sanh mộng tưởng điên đảo, lấy cái gì mà xưng là đại trượng phu?

Ti Trực! Ti Trực! Ông thà có thể trên phụ Phật Tổ, dưới phụ lão nhân, muôn vạn lần chớ phụ chính mình, phụ vua, phụ người thân. Lão nhân hôm nay thuyết Bát-nhã, đều là pháp môn tâm địa của chư Phật Tổ ngàn xưa, tức là cùng với lời đại sư Lục Tổ thuyết đầu tiên không sai một chữ, và chỉ một mình ông là người nghe đầu tiên. Đã đem một người sánh với một ngàn hai trăm chúng ngày xưa, lão nhân hoan hỷ khôn cùng nên cũng vì ông thuyết Bát-nhã. Như Phật Tổ của chúng ta đã nói: “Như vì một người, vì chúng đông cũng thế”. Đặng Sinh giữ lấy điều này để tự lợi mình, lợi người, chưa chắc không phải là lưỡi rìu dài đầu nhé!

## **Dạy Hành Nhân Khoan Lưỡng**

Người xưa vì sanh tử đi hành khước. Người nay chỉ hành khước mà không biết sanh tử, rất đáng thương! Đó là dùng hàng ngày mà chẳng biết vậy. Lỗi tại không biết mình sẵn có, nếu người biết có, liền biết tự trọng, thì không bị vật chuyển mà có thể chuyển được vật. Có câu thơ: “Tâm ta chẳng phải đá, không thể chuyển”. Phải biết nếu không phải tâm địa kim cương thì đều bị vật chuyển, đã bị vật chuyển thì đi theo nó, còn xứng là nạp tử hành khước được sao?

Khoan Lưỡng từ Bắc đến Nam, tới đây tức là đã an ủi ta vậy. Ông không bị chuyển vì đường xá gian nan, đói lạnh khổ sở. Lão nhân chỉ biết gót chân này cứng nên gọi là CHÂN SẮT, nay thấy tâm ông chẳng đổi, nên lại đem hai chữ LÒNG SẮT khen ông. Nhưng lòng sắt là lão nhân biết, còn việc hành khước thì nhất định ông không biết. Nếu biết hành khước thì chẳng thành linh đi thẳng như thế. Lão nhân thương ông ngu, sợ ông không biết nên gửi thư này cho ông. Hành khước nữa đi! Nếu sau này rờ chẳng nhằm lỗ mũi, ngày nào đó chắc chắn khó gặp gỡ được như ngày hôm nay.



## **Dạy Chu Sướng Nhụ**

Chu Tử thỉnh ích tông chỉ pháp tướng. Lão nhân nhân đây nêu bài tụng **Thức Trí** của Lục Tổ:

*Đại viên cảnh trí, tánh thanh tịnh  
Bình đẳng tánh trí, tâm không bệnh  
Diệu quan sát trí, thấy không công,  
Thành sở tác trí đồng Viên cảnh.  
Năm, tám, sáu, bảy chuyển quả nhân  
Chỉ chuyển tên gọi không tánh thực,  
Nếu ở chỗ chuyển chẳng lưu tình,  
Xứ sở đông đúc thường đại định.*

(Đại viên cảnh trí, tánh thanh tịnh.  
Bình đẳng tánh trí, tâm vô bệnh  
Diệu quan sát trí, tánh phi công,  
Thành sở tác trí đồng Viên cảnh.)

Ngũ, bát, lục, thất quả nhân chuyển  
Đản chuyển danh ngôn vô thực tánh,  
Nhược ư chuyển xứ bất lưu tình,  
Phồn hưng vĩnh xứ Na-già định.)

Tám câu này đã phát ra hết cốt tủy của tâm Phật Tổ, nêu bày căn nguyên tánh tướng. Thường thường bọn đếm của báu, đếm số cát ham nhai cho nhiều mà chẳng nát, xem qua cho là đồ chơi, không chịu ngộ kỹ, thật đáng thương xót. Hoặc cho là Lục Tổ không biết chữ, chẳng thông kinh, dựa vào đâu mà nói thế này? Họ đâu biết rằng huệ mạng của Phật Tổ chỉ gồm trong tám chữ này không sót, đó là: “Tam giới duy tâm, vạn pháp duy thức”. Vì duy tâm nên ba cõi lạng lẽ, trọn không một vật, vì duy thức biến hiện nên vạn pháp rộ ràng. Vì vạn pháp từ duy thức biến hiện nên cầu tự tâm, tự tánh ở đó đâu thể được. Do đó Phật Tổ dạy người, chỉ nói: Ngoài tâm không một mảy may nào có được. Tức là ở Hoàng Mai nửa đêm lộ ra “Xưa nay không một vật”. Tức một lời này, mười phương ba đời chư Phật, Lịch đại Tổ sư chẻ ra chẳng bẻ, nên y bát dừng lại. Tức hai phái, năm tông đều từ một lời này tuôn ra, đâu từng có phân chia tánh hay tướng? Và tôi xem bài tụng **Thức Trí**, giải thích sơ lược:

Nếu trong ba cõi duy tâm, thì không có chỗ mở miệng. Do mê, tâm này biến thành thức nên mất tên Chân như, chỉ gọi là thức A-lại-da, cũng gọi là Tàng thức. Thức này là toàn thể chân như biến ra. Đây là chỗ nói sanh diệt cùng bất sanh diệt hòa hợp mà thành. Đây là căn bản của chơn vọng, mê ngộ, gốc của sanh tử, phàm thánh.

Kinh Lăng Già nói: “Biển tàng thức thường trụ, gió cảnh giới làm động, sóng mồi vỗ nơi hang tối, không có lúc đoạn dứt”. Đã nói tàng thức tức A-lại-da mà lại nói thường trụ thì vốn là không động, chỗ động không phải tàng thức mà là gió cảnh giới vậy. Kệ nói:

“Cảnh trước nếu không, tâm cũng không”. Thế thì chấp giữ cảnh giới không phải là tàng thức mà là tâm sanh diệt. Tâm sanh diệt này gượng gọi là thức thứ bảy, kỳ thực là sự động niệm của thức thứ tám. Nghĩa là sanh cơ. Nếu cơ này dứt, tiền cảnh (cảnh trước mắt) liền trở thành không, thức thứ sáu dù hay phân biệt cũng không bám vào đâu được. Như năm thức trước vốn không có thể riêng, chỉ là cái dụng ứng duyên của tàng thức, chỉ hay chiếu cảnh chứ không thể phân biệt, nên nói đồng Viên cảnh. Phân biệt năm trần không phải là năm thức mà là ý thức đồng thời, nên ý thức giữ lấy công. Nếu không khởi phân biệt thì thấy không công. Do đây mà quán, tàng thức vốn chân nên nói tánh thanh tịnh, lỗi ở một niệm sanh tâm, đó là tâm bịnh. Có sanh thì có diệt, duy cái sanh diệt này như dòng nước, chẳng phải ngoài nước có dòng riêng, nhưng tánh nước không dừng nên thấy có dòng, có dòng thì không phải nước vực sâu, rõ rồi vậy. Nên Lăng Già có nêu hai loại sanh–trụ–diệt là: tướng sanh–trụ–diệt và lưu chú sanh–trụ–diệt. Hai loại sanh diệt này đều thuộc tàng thức. Sanh diệt không diệt thì bảy thức trước sanh, sanh diệt nếu diệt thì chỉ một tinh chân. Tánh chân như này tự hồi phục

lại. Phục lại thì thức chẳng gọi là thức mà gọi là trí, nên nói tâm không bệnh.

Bài tụng của đại sư Lục Tổ căn cứ theo chuyển tám thức thành bốn trí: Đại viên cảnh trí là tàng thức chuyển, Bình đẳng tánh trí là thức bảy chuyển, Diệu quan sát trí là thức thứ sáu chuyển, Thành sở tác trí là năm thức trước chuyển. Vì vọng thuộc về dụng của tàng thức, nên chân cũng đồng Viên cảnh. Nhưng hai thức sáu và bảy chuyển trong nhân trước, còn các thức năm và tám một thể đến quả mới tròn. Như thế mà quán thì thức vốn không thực, vọng có hai tác dụng, nên nói chỉ chuyển tên gọi mà thôi, đổi tên không đổi thể. Thể này lại chẳng do thiên định, tu hành, chỉ ở chỗ dùng hàng ngày, tất cả phàm thánh đồng thời chuyển, chỉ ở trong chỗ lưu tình hay không lưu tình mà có mê ngộ, phàm thánh sai khác.

Chu Tử có chí ở đây, phải thật lòng hướng vào chỗ chuyển việc làm hàng ngày mà để mất. Thủ đảm đương xem!



## **Dạy Lưu Bình Tứ**

Hướng về đạo chẳng khó mà khó ở phát tâm. Học đạo chẳng khó mà khó ở cầu bên ngoài. Hội đạo chẳng khó mà khó ở giản trạch (chọn lựa). Vào đạo chẳng khó mà khó ở chỗ tự cho là đủ. Ngộ đạo chẳng khó mà khó ở chỗ cầu huyền diệu. Người học đạo ở đây mỗi mỗi khám phá ra được thì chẳng bị người lừa, tâm thênh thang, thần vui vẻ, thư thái bước một mình. Đây là bậc thông huyền vậy.

“Tánh tương cận, tập tương viễn”, lời này chỉ thẳng đường tắt tu hành từ ngàn xưa. Chúng ta nếu biết tự tánh vốn gần chỉ do tập khí làm xa, thì chóng có thể chặn dứt cửa bên trọng yếu. Tập khí bên trong không cho ra, tập khí bên ngoài không cho vào, ngồi dứt hai đầu, ở giữa độc lập. Chỗ một mình trở trọi chính là “như có chỗ đứng cao vót”. Nếu được chỗ cao vót độc lập thì tánh tự khôi phục.

Tử Dư có nói: “Đạo học vấn không có gì khác, mong là buông được tâm mà thôi”. Tuy

nhiên cũng có tâm chưa từng chẳng cầu mà người học hỏi vẫn chẳng sáng. Sao vậy? Bệnh tại không buông mà buông, cầu mà chẳng cầu lơ mờ phảng phất, xem nó thì bốn thước giống sáu thước. Nếu biết không buông mà buông thì tự chẳng buông, cầu mà không cầu tức là chân cầu. Tử Dư minh tâm kiến tánh, chỗ truyền riêng chỉ thẳng chỉ là đây mà thôi. Người có chí hướng về đạo nên lấy đây làm tiêu chuẩn.

Đạo ở chỗ dùng hàng ngày mà chẳng biết. Đạo ở trước mắt mà không thấy. Vì chỉ biết việc hàng ngày mà không biết đạo, thấy trước mắt mà không thấy đạo. Chẳng phải đạo xa người mà người tự xa đạo, nên nói: “Đạo ở trước mắt, chẳng phải là trước mắt. Pháp cũng chẳng lia trước mắt, nhưng chẳng phải chỗ tai mắt đến được”. Nếu có thể thấu qua cái trước mắt, thì chẳng phải bị lôi kéo theo cảnh khen chê, thuận nghịch, xoay mình đi thẳng. Dụng tâm như thế thì thánh nhân chẳng ở ba đời, xưa nay không lia một niệm. Ông có chí hướng về đạo, lúc mới phát tâm nên theo đây mà vào.



## **Dạy Lương Đăng Tiêu**

Bạc quân tử xử thế, ngay lúc chưa gặp thời, ai cũng có chí nguyện phò vua, giúp dân, xây dựng sự nghiệp bất hủ. Đến lúc lên làm quan, chỉ lo để tâm lập danh tiếng, quên mất lý do lập công, lâu ngày nhiễm dần thói tục, tâm thần bị vẩn đục, bất giác trôi vào đường phú quý đến nỗi danh dự cũng không có chỗ kiêng dè. Xét lại tâm ban đầu, chẳng thể được. Sao vậy? Vì chí nguyện đầu tiên không đặt trên căn bản thực tế mà đến, chỉ là vọng tưởng hâm mộ phù phiếm mà thôi, vốn không phải chí kiên cố không lay chuyển

được, thì đâu có thể lập nên sự nghiệp bất hủ!

Lương sinh Đàng Tiêu xương cứng, khí khoáng đậm, thật chẳng phải là người trong phong trần. Mỗi lần đi theo tôi, nghe câu nào, chữ nào cũng kinh tâm lo sợ. Lúc rảnh thường thưa hỏi, tôi bảo: Người học phải nên cầu chí ở đạo đức, phàm để chí ở đạo đức, trước hết phải nghiên cứu căn bản thực tế của chúng ta thiết yếu từ chân tánh lưu xuất. Chân tánh này rất rộng, rất lớn, quang minh, thanh tịnh, mảy bụi cũng quét sạch. Thể tánh của ta đây tức là nhân. Trong thể này một hạt bụi cũng chẳng lập. Nếu có một niệm vọng tưởng liền có ngã. Có ngã thì đối đãi với vật. Vật ngã đã phân thì ta- người hai bên đều lập. Ta- người đã lập thì thể đại đồng bị mờ mịt, bít lấp, là nhân sao được? Bốn thể bị bít lấp mờ mịt thì làm đủ các vọng. Dù có chí công danh, đều từ vọng tưởng phát huy, có hành động gì đều chẳng phải chân thật, căn bản đã vọng thì gót chân chẳng ổn. Do đó một lần nhập vào duyên đời là nhiễm liền thói tục.

Lương sinh từ nay nên làm công phu tự tánh, tham cứu căn bản từ thực tế, chỉ đem câu "**Không nghĩ thiện, không nghĩ ác**, ngay lúc đó thế nào là **Bản lai diện mục** của Thượng tọa?" của Lục Tổ chứa ở trong ngực suốt mười hai thời khẩn thiết tham cứu. Tham đến chỗ một niệm chẳng sanh, hốt nhiên biết được bản lai diện mục, mới thấy lão Lữ chẳng lừa dối ta.

# **Dạy Thiên Nhân Tịch Giác Lễ Phổ Đà**

Thiên nhân Tịch Giác sắp về phương Đông lễ Phổ Đà, xin dạy một lời quan trọng để hành khước. Lão nhân dạy rằng:

- Người xưa xuất gia đặc biệt vì việc lớn sanh tử nên đi các nơi hành khước, tham phỏng thiện tri thức, lên núi xuống sông, đến lúc triệt ngộ mới thôi. Nay người xuất gia mang suông cái tên hành khước, năm nay lên Ngũ Đài, Nga My, sang năm đến Phổ Đà, Phục Ngưu. Miệng nói là viếng danh sơn, tùy hỉ đạo trường, kỳ thực không biết danh sơn là vật gì? Đạo trường là việc gì? Lại chẳng biết người nào là thiện tri thức. Chỉ nhớ non cao, nước sâu, cháo cơm tùng lâm ngon dở mà thôi. Cứ lo chạy khắp thiên hạ, không có một lời trở về núi nhà nữa, chẳng đáng thương sao?

Biển Nam không bờ là biển sanh tử sóng trôi, mà núi Phổ Đà là pháp thân Đại sĩ thường trụ, biển động tiếng hải triều là đại sĩ Phổ Môn thuyết pháp. Thiên nhân nếu quả muốn qua biển sanh tử, gặp Đại sĩ ở Phổ Môn, nghe pháp âm ở bờ biển, thì hãy nghe ngược lại tự tánh, không cần ra khỏi cửa một bước, hà tất phải đợi đến Phổ Đà mới thấy! Nếu chưa như thế, đường lộ xa xôi, tới lui uống phí, Đại sĩ có hiện trên đỉnh đầu cũng chẳng nhỏ nghiệp căn sanh tử cho ông được. Thiên nhân tự nhận định xem! Nếu Đại sĩ có nói lời gì, trở về kể lại cho Lão nhân nghe. Cảnh thận chớ để uống phí tiền giày cỏ.



## **Dạy Lương Trọng Thiên**

Lương Tứ Tướng tự là Trọng Thiên, theo Lão nhân đi cả năm. Lão nhân mền tâm ông chất trực, khảng khái. Mỗi lần thấy việc bất bình, chẳng kể làm được hay không, nếu là việc nghĩa có thể làm thì ông buông bỏ thân mạng mà gánh vác. Mỗi lần như thế, lão nhân đều trách ông nông nổi, vì có đạo thể mà thiếu công hàm dưỡng, gìn giữ đức hạnh, như cỡi tuấn mã mà không có dây cương, chẳng khỏi bị ngã ngựa.

Lão nhân sắp đi, đưa nhau lên thuyền Thiệu Dương, ông thỉnh pháp ngữ để sửa mình. Tôi bèn viết lời này gởi ông. Tôi bảo:

- Lương Tử có đạo, chất trực không quanh co, đây là gốc đạo vậy. Khảng khái gần như dũng mãnh, hấp tấp gần như từ bi quên mình để theo là không lượng sức. Chẳng xét rõ quyền biến, chẳng tìm gốc mà lo ngọn, đều do khí sốc nổi sai

khiến, chẳng phải do đạo lực phát ra. Thánh nhân đời xưa giao thiệp với đời, có “thể và dụng” hoàn toàn, nên ứng xử đúng lúc như gương sáng soi rõ đẹp xấu, cân nhắc để định khinh trọng, thật chẳng lạm dụng khí huyết.

Lương Tử từ nay về sau, trước hết nên tẩy trừ tập khí, dụng tâm sâu vào đạo, đem câu “Bổn lai vô nhất vật” của Lục Tổ đặt trong ngực, giờ giờ khắc khắc để ý chỗ niệm khởi, không luận thiện ác, cứ đem thoại đầu đập một phát, ngay đó tiêu vong. Ông hãy miên miên mật mật, đem thoại đầu này làm bổn mạng nguyên thần, lâu ngày thuần thực tự nhiên tâm cảnh rộng rang. Hễ gặp động tĩnh lăng xăng thì thoại đầu hiện tiền liền, tức là chiếu dụng phân minh chẳng loạn, định lực gìn giữ, tự không rơi trong giới lỗ măng thô phù, chẳng chuyển theo gót người. Tức là đọc sách viết văn cũng không ngại bổn tham. Đọc xong, viết xong, buông xuống thì lại trở về **Bổn lai vô nhất vật**, tự nhiên trong ngực bình bình bén sát, lâu ngày chợt thấy vốn không tâm thể, như ở trong kho quang minh, khắp các lỗ chân lông đều là sự nghiệp lợi sanh, lại còn thân mạng nào để buông bỏ? Dụng tâm như thế, gìn giữ trường dưỡng, tâm tính sẽ hiện tiền, xem sách tức cùng thánh nhân tâm tâm soi chiếu, viết văn là từ tự tánh tuôn ra. Đây là việc đúng khả năng của bậc trượng phu khảng khái. Nghĩa là chốt cửa đã được vào khớp, đã được ứng dụng vô cùng, thì chỗ kiến lập công nghiệp đều thành bất hủ. Lương Tử đã có căn bản, lại lo gì mà chẳng làm đi!



## **Dạy Lưu Trọng An**

Tôi ở Ngũ Dương, một thuở có chúng đi theo, gặp được Lưu Tử, xương cứng, khí vận hồn hậu, có thể bảo là xưa đã đủ duyên Bát-nhã, có chủng tử gần với đạo. Tôi sắp đi Nam Nhạc, Lưu Tử đưa đến thuyền, xin chỉ dạy, thưa:

- Đệ tử đạo tâm rất tha thiết, nhưng vì tập khí cũ nồng hậu, bị vọng tưởng quấy nhiễu, không thể buông bỏ ngay mà hưởng thượng. Mong Thầy chỉ dạy.

Tôi bảo:

- Ông biết vọng tưởng thì vọng tưởng tự nó không thể quấy rối. Đã gọi là vọng tưởng thì vốn không có thể thật, ví như hoa đốm ở hư không, đâu thể kết thành trái ở hư không được? Do ông không đạt vọng tưởng vốn là không, cho nó là pháp thực, cùng nó đối đãi, niệm niệm chen lẫn, dồn dập tuyệt không có lúc một niệm dừng nghỉ. Thế thì chỉ do vọng tưởng làm chủ mà bản thể bị

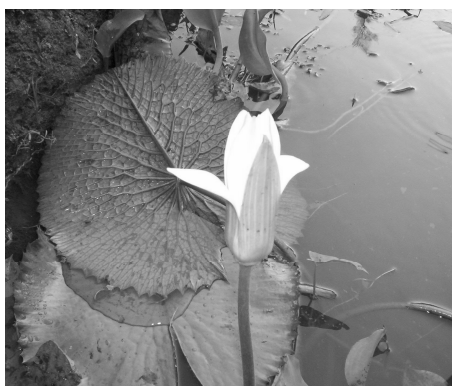
chôn vùi, vì thế thấy đến đạo rất khó. Há ông không thấy tăng hỏi Cổ Đức:

- Lúc vọng tưởng chẳng dừng thì thế nào?

Cổ Đức nói:

- Vọng tưởng chẳng ác.

Lục Tổ ở trên hội ngài Hoàng Mai, chỉ nói câu: **Bổn lai vô nhất vật**. Ông từ hôm nay dụng công phu, chỉ nên đem câu **Bổn lai không** làm thoại đầu, trong mười hai giờ thiết tha tham cứu. Chỉ cần xem chỗ khởi của vọng tưởng, chớ lưu chuyển theo nó, ngay đó đánh một cái, tự nhiên quét sạch mọi dấu vết.



## **Dạy Thiên Nhân Song Luân Chiếu**

Thiên nhân Song Luân Chiếu đến tham vấn. Lại bảo: “Sắp ẩn cư trong núi, riêng tham cứu việc hưởng thượng, xin Lão nhân pháp trụ núi”. Nhân đó dạy rằng:

- Cổ nhân trụ núi là chỗ bỏ thân mạng lớn, đâu phải việc nhỏ, chuyên yếu khéo dụng tâm mình. Pháp dụng tâm, đơn đề một niệm hưởng thượng. Phải thẳng hưởng chỗ Phật Tổ chẳng dung, đứng vững gót chân. Kế đó cần đem hết tất cả tri kiến, lời huyền, tiếng diệu tạp độc trong lòng, nhất tề mưa bỏ. Tiếp đó biết được bốn thể trọn không một pháp. Chẳng thể bị bóng dáng tạp khí vọng tưởng làm phát sanh các thứ cảnh giới, làm hoặc loạn chánh niệm. Rồi cần phải khán thoại đầu bốn tham. Như công án “Chẳng nghĩ thiện, chẳng nghĩ ác, cái gì là bốn lai diện

mục?” của Lục Tổ, cực lực đưa lên nhắc nhở. Nếu có tất cả ác tập hiện tiền, liền đem một lời “Bỏ lai không” khán phá. Cần chẳng được theo nó lưu chuyển, tương tục, cắn chặt hàm răng. Chỗ này nhất định nắm đứng, mới chẳng bị nó cướp đoạt. Dụng tâm như thế, mới là giờ giờ tỉnh tỉnh, chỗ chỗ ra sức, nếu dụng tâm ra sức thái quá, thì tâm giải đãi sanh, liền khởi hôn trầm nặng nề. Lúc này chỉ cần mau chóng vận dụng tinh thái. Chẳng thể rơi vào trong hang ổ hôn trầm, phải mau trì chú. Nương sức chú này, đủ địch ma này. Vì trong tàng thức tập khí ác nhiều đời, nay bị thoại đầu bức bách xuất hiện biến hóa thành cảnh giới vô cùng. Tất cả cảnh ma từ vọng tưởng sanh. Tất cả hôn trầm từ tán loạn sanh, chính ngay lúc dụng tâm, chợt có một niệm tán loạn liền rơi vào hôn trầm. Đây phải khéo biết. Tứ liệu giản “tịch tịch, tỉnh tỉnh” của Vĩnh Gia rất là thiết yếu. Cổ nhân dụng tâm, chỉ đem một câu thoại đầu bổn tham dựa chắc như vách sắt, núi bạc; nếu đem chỗ một niệm không sanh cũng là đắc lực, chẳng nên cho là hội được cứu cánh. Ngay đến công phu nhậm vận hồn nhiên chẳng nhờ tư duy, một niệm hoá nhiên thân tâm như thoát không, chỉ mới là chỗ công phu bắt tay vào, cũng chưa là cứu cánh. Nếu đến đây, có thể tự nhiên khinh an tự tại liền sanh hoan hỷ. Nhưng đây là việc bổn phận của mình, chưa có gì kỳ đặc. Nếu sanh ý tưởng kỳ đặc liền rơi vào ma hoan hỷ, rồi khởi tri giải cuồng điên vô cơ. Cửa này rất nguy hiểm. Lão nhân chỗ này đều có thử cả.

Xưa nói:

*Cây khô trước núi nhiều đường tẻ*

*Người đi đến đấy thấy sa đà.*

(Khô mộc nham tiền thổ lộ đa

Hành nhân đạo thử tận sa đà.)

Chẳng phải là việc nhỏ, cho dù có sức vượt qua các thứ cảnh giới, chính nên tu hành, chính nên bảo hộ, chưa phải là đến nhà. Nếu cho đây là đủ, liền khởi các thứ niệm về chuyện ngũ dục thế gian. Cửa này rất khó qua. Trăm người chỉ qua được một, hai. Sở dĩ chẳng đến được ruộng đất cổ nhân, chính là lỗi làm được ít cho là đủ. Dù người học các ông khổ tâm một đời được đến đất này, nếu bị ác tập này lôi kéo, vẫn là đọa lạc trong hầm sanh tử, công phu lúc trước vất bỏ hết, chẳng đáng buồn sao? Chuyện như thế, lời cổ nhân ghi chép không ít. Lão nhân lược nêu lên, vì trong đời mật pháp khó được người học đạo chân chính, và cũng vì từng làm khách lãng tử, đáng thương!

Đại khái người xưa trụ núi chẳng phải nuôi dưỡng sự biếng lười mong khoái hoạt, mà riêng vì việc lớn sanh tử của chính mình, do đó chạy vào núi lạnh muôn trùng, tạo kế sống, không có gì khéo léo. Nếu tại đây lần lữa qua ngày, hao phí thời gian, há chẳng đáng buồn sao? Tuy nhiên dụng tâm sai biệt đã tự biết rồi. Trong núi những cảnh duyên huyễn biến trước mắt như nước chảy, gió thổi, vượn hú, chim hót, mây trôi, sương giăng; khuê động ở trước, lại bị ồn náo tạp nhạp. Lời “Thấy đạo quên núi” của Vĩnh Gia cần phải xem kỹ.

Lão nhân ban đầu lúc ở Long Môn Ngũ Đài, dưới núi lạnh vạn trượng, trong khối băng tuyết như chôn người chết, núi lạnh thấu cả ngũ tạng, chỉ có một hơi thở nhỏ nhiệm, nhìn theo trong băng ra vào. Đến đây phản quan, tìm chỗ một niệm khởi của tự tâm trọn chẳng thể được. Cảnh này chính là duyên trợ đạo, lại lúc gió lớn nổi lên, tiếng rít cuồng nộ ở muôn hang, ngày đêm chẳng dừng, rồi tuyết tan, khe suối chảy, tiếng như sấm rền. Lại dường như thiên binh vạn mã phóng chạy. Cảnh giới tạp loạn như thế, ban đầu rất khó chống chọi. Nhân nghĩ người xưa có nói: “Nghe tiếng nước ba mươi năm không chuyển ý căn, có thể cho vào đạo”. Lão nhân bèn phát phần, ngồi ngay trên cầu độc mộc, trọn ngày nghe tiếng nước. Ban đầu om sòm rất khó tiêu, lâu dần quả thật hết nhiên tịch diệt. Từ đây tất cả cảnh giới đều tịch diệt. Nghĩa là vạn cảnh vốn nhàn, chỉ người tự ồn náo. Đây lại là dụng công phu đệ nhất của đạo nhân trụ núi. Thiên nhân nhớ lấy, chớ bỏ qua.



## **Dạy Thiên Nhân Quán Trí Vân**

Người học đạo:

Thứ nhất: Cần nhìn cho rõ ra tất cả cảnh giới thế gian để chẳng bị chuyển theo vọng duyên.

Thứ hai: Cần biện một tấm lòng sắt đá quyết định vì việc lớn sanh tử, chẳng bị vọng tưởng phan duyên đoạt mất chí mình.

Thứ ba: Cần đem những tri kiến, ác giác, tập khí cũ từ trước, tất cả rửa sạch không còn một mảy.

Thứ tư: Cần chơn thật buông bỏ thân mạng chẳng bị sanh tử, bệnh hoạn, ác duyên làm chướng ngại.

Thứ năm: Cần phát chánh tín, chánh kiến. Chẳng được nghe tà sư làm lầm lẫn.

Thứ sáu: Cần biết được chỗ dụng công chân thiết của người xưa, nắm lấy mà tham cứu thoại đầu.

Thứ bảy: Cần trong tất cả chỗ nhậ dụng được chánh niệm hiện tiền. Chẳng bị huyền hóa mê hoặc, tâm tâm không gián đoạn, động tĩnh như một.

Thứ tám: Cần trực niệm hướng đến trước. Không được đem tâm đợi ngộ.

Thứ chín: Cần có tâm lâu bền, chí không đến được ruộng đất cổ nhân, quyết không chịu thôi; không nên được chút ít cho là đủ.

Thứ mười: Trong lúc hạ thủ công phu, cần phải buông xả, thôi dứt. Xả rồi lại xả, thôi rồi lại thôi, xả đến chỗ không thể buông xả, thôi đến chỗ không thể thôi. Tự nhiên thấy được tin tức tốt. Người học dụng tâm như thế, mới cùng bốn phạm có chút phần tương ứng. Người có chí hướng thượng, nên lấy đây mà tự gắng sức.





## **Dạy Thiên Nhân Linh Giám Tây Đường Kính Sơn**

Kinh nói: “Tất cả pháp chẳng sanh. Ta nói là nghĩa sát-na. Vừa sanh tức có diệt chẳng vì người ngu mà nói”. Cổ Đức nói: “Người ngộ vô sanh, mới thấy sát-na”. Nhưng đã ngộ vô sanh, lại có sát-na nào có thể thấy? Nếu thấy có sát-na, thì chẳng phải ngộ vô sanh. Nay sao lại nói người ngộ vô sanh mới thấy sát-na thế thì vô sanh và sát-na là một hay khác? Phật y nơi bất sanh thuyết sát-na thì chẳng phải khác. Tổ sư nói: “Ngộ vô sanh mới thấy sát-na” thì vô sanh sát-na lại chẳng phải một; nếu lia một và khác mà cầu, thì ý vô sanh cũng là cọc cột lừa. Quy Sơn nói: “Người đời nay một niệm chóng rõ tự tâm, gọi là ngộ. Rồi đem sở ngộ tịnh trừ hiện nghiệp lưu thức,

gọi là tu”. Nhưng lưu thức là sanh diệt vi tế, tức là tâm sát-na vậy. Nói ngộ rồi tu tức là ngộ rồi sau mới thấy. Lại nữa, ngộ rồi sau mới thấy sát-na thì ngộ trước chưa phải là chân vô sanh; đã rõ vậy.

Nay tham thiền đề thoại đầu, tuy nói ra sức mà sanh diệt vi tế trôi chảy thâm thâm, như đá đè cỏ, đen tối chẳng thấy. Nếu chẳng đoạn sanh diệt, làm sao ngộ được vô sanh, lại lấy gì dịch lại sanh tử? Nếu ngộ rồi sau thấy, thì Thế Tôn y sát-na mà thuyết vô sanh lại là pháp thừa. Tây Đường ăn no nê giáo nghĩa, nay bỏ chỗ tập quen, riêng đề một đường hướng thượng. Ở đây thử định đúng xem! Nên chẳng được dùng nghĩa lý hòa hội, cũng chẳng hướng trong ý hiểu mà cầu, có thể ở trong một niệm sát-na chóng thấy vô sanh thì lỗ mũi Phật, Tổ một xâu xỏ hết.

## **Dạy Thiền Nhân Bảo Tạng Tượng Lễ Phổ Đà**

Quan Âm đại sĩ, chứng bốn căn viên thông đem pháp giới này tùy duyên ứng hiện, há nhất định ở núi Phổ Đà sao! Biển dụ cho sanh tử, núi dụ cho Niết-bàn. Đại sĩ đem pháp thân ứng khắp trong biển sanh tử, tức là chúng sanh trong nhật dụng tâm thường đều là oai thần Đại sĩ hiển hiện, trạm nhiên tịch diệt, ví như núi báu, nên lấy núi Phổ Đà trong biển để làm biểu tượng. Bởi vì chúng sanh trong biển phiền não, chúng sanh có

khổ tức là cái khổ của Đại sĩ. Nên một lần xưng danh hiệu liền được giải thoát, tức là chúng sanh gọi tỉnh Đại sĩ của tâm mình. Đại sĩ hiện tiền thì tịch diệt hiện tiền, tịch diệt thì khổ chẳng thể đến. Nên núi ở trong biển, ba đào không thể lay động. Thế nên gọi là Đại sĩ thường ở Phổ Đà. Chẳng phải cuộc ở hòn đá con trong biển cho là nơi Đại sĩ nương gá. Chúng sanh mê vọng, chẳng lẽ Đại sĩ tự tâm đích thân ngồi ở đạo tràng tịch diệt, nguy nguy bất động như núi trong biển, mà lặn lội núi sông hơn vài ngàn dặm, vấp vấp khổ cực, hưởng bên ngoài mà tìm. Quá mê vậy! Tuy như thế kinh lại nói: “Quy nguyên không hai, mà phương tiện nhiều cửa”. Nay chúng sanh khắp đại địa đều tin Đại sĩ ở biển Nam, nên hợp với căn cơ đó mà dẫn dắt tiến lên, khiến họ xuống biển lên núi, một lần niệm Đại sĩ mãnh tỉnh tự tâm, thì ba đào chạm mắt đều nhập vào cửa viên thông, ắt khiến tự tin mà thôi. Đồng với đây mà đi, nếu có một người tin lời này của lão nhân thì chẳng phụ một phen hành khước, không thể thì uổng phí tiền giày cỏ.



## **Dạy Thiên Nhân Dạ Đài**

Bồ Tát Văn-thù trụ núi Thanh Lương, cùng một vạn quyến thuộc thường diễn thuyết pháp. Nên sa-môn Tây Vực xa lễ núi này, cho là thế giới Kim Sắc. Kinh Hoa Nghiêm nói: “Văn-thù-sư-lợi đến từ tất cả chỗ, và tất cả chỗ đều là thế giới Kim Sắc”. Xem đây thì Văn-thù quả thường trụ ở núi này sao? Vì trong cõi chúng sanh phiền não tập hợp, là đất nhiệt nã, nếu hành nhân có thể mở con mắt trí tuệ, đạt được gốc, quên tình, biết tâm thể hợp, thì ngay đó mát mẻ thanh lương. Như thế thì chạm mắt không đâu chẳng phải là hóa cảnh của Văn-thù, bước bước chẳng rời đạo trường thanh lương. Đây là nghĩa tất cả chỗ đều là thế giới Kim Sắc của Văn-thù vậy.

Thiên nhân Dạ Đài trụ lâu ở Đài Sơn, ban đêm đi dạo nên được tên này. Nay đến phương Nam hành khước, tham lễ tri thức, thì ắt đích thân từ Văn-thù chỉ điểm mà đến. Như Thiện Tài đi lần về Nam, tuy trải qua 110 thành mà chưa hề động gót chân một bước, như trước chu hành mười phương thế giới, chưa rời cõi Kim Sắc, tại mỗi tri thức tùy pháp môn thuận nghịch, không đâu chẳng phải mắt trí huệ của Văn-thù. Nay ông gặp lão nhân ở ngọn núi Ngũ Nhũ, cùng thế giới kim sắc là đồng hay khác? Trong đây nếu biện được, thì chấp nhận ông thân thấy Văn-thù. Nếu như chưa được vậy, lại mua giày cỏ mà hành khước đi. Tham, tham!

## **Dạy Thiên Nhân Huệ Huyền Hưng Hậu**

Đông Hải là đất mà Phật pháp chẳng được lưu hành. Từ Linh Sơn, sư Quế Phong khai hóa, khiến người bỏ tà theo chánh chẳng ít. Lão nhân xưa ở chùa Hải Ấn, khen Sư pháp lợi hưng thịnh, hàng đệ tử của Sư có thể thuyết pháp rất nhiều. Nay học nhân Hưng Hậu là cháu đích tôn vậy. Lão nhân rời Linh Sơn đã có 28 năm, sau năm Tân Dậu, ông đến tham vấn ở Khuông Sơn, rồi cuối năm từ giã trở về núi cũ, thỉnh ích pháp yếu tu tâm. Lão nhân nhân đây dạy:

- Đức Phật rất quở trách hai thứ chướng phiền não và sở tri là căn bản sanh tử. Phiền não chướng là tham, sân, si, ái, đó là căn bản sanh tử của phàm phu. Còn sở tri chướng là tri kiến Phật pháp, đó là căn bản sanh tử của thánh nhân tam thừa. Nếu hai chướng chẳng trừ, thì khổ đau không do đâu mà ra khỏi được. Ôi, người đời nay

chẳng biết Phật pháp, cố nhiên chẳng có gì lạ. Mà ngay người học pháp Phật, chẳng đoạn trừ phiền não, lại đem sở học về Phật pháp làm sở tri chướng, sanh trưởng ngã mạn, tăng thêm phiền não, tâm địa nhiễm ô, chủng tử chạm đến liền phát sanh, hiện hạnh phóng dật, thân tâm chẳng thúc liễm mảy may, theo tình thức tạo nghiệp, há chẳng phải lầm lớn sao?

Học nhân nay nghe lão nhân khai thị, biết vì việc lớn sanh tử, phát tâm tham cầu công phu bốn địa. Đây là nguyện lực tối thắng. Nhưng nay, công tham cứu, chẳng cần cầu gì khác, chỉ cần đem chủng tử tập khí có sẵn trong lòng, nhất tề điểm mặt làm cho khô sạch trội trơn, chẳng cho xúc phát hiện hành. Rồi ở nhật dụng đối cảnh gặp duyên, lúc khởi tâm động niệm ngay đó xem rõ, chẳng cho tương tục. Sự dụng tâm hạ thủ này chỉ như kinh Lăng Nghiêm nói: “Nhĩ căn viên thông của Quan Âm, xoay ngược cơ quan nghe, nghe ngược lại tự tánh”. Một quán môn này là dụng tâm tốt nhất. Nếu ở chỗ thấy nghe hằng ngày thật có thể quán ngược lại tự tánh thì chẳng theo ngoại cảnh lưu chuyển, như thế niệm niệm trôi ngược về thì niệm niệm là đường quy chơn. Như thế dụng tâm, nếu tập khí chẳng trừ, xúc phát hiện hành thì nhất định là chẳng đắc lực. Đây hoàn toàn là do một phen ngược lại với hiện nghiệp làm hạnh tối thượng, tất yếu cũng là tâm sanh tử tha thiết, chịu hạ thủ công phu. Người học nếu thật vì sanh tử, cứ chân thiết dụng tâm là có thọ dụng, chẳng phải nói xong rồi thôi, tạo một thứ tri kiến Phật pháp.



## **Dạy Lão Túc Nhân Thiên Trì Kinh Pháp Hoa**

Đại đức Nhân Thiên tụng kinh Pháp Hoa hơn hai mươi năm sắp đi, bèn đến thỉnh ích. Lão tăng nhân đó bảo rằng:

- Pháp Hoa tối thượng thừa là bí yếu từ lâu của đức Phật chúng ta, là cuốn sách chứng cứ thọ ký các đệ tử. Lục Tổ nói: “Tâm mê Pháp Hoa chuyển, tâm ngộ chuyển Pháp Hoa. Tụng kinh không hiểu ý, cùng nghĩa thành oán cừu...” Tổ thứ 27 nói: “Thở vào không ở ấm giới, thở ra không giao thiệp các duyên, thường chuyển kinh như thế, trăm, ngàn, vạn, ức quyển”. Như hai Tổ trên nói thì Nhân Thiên rốt cuộc trì kinh này thế nào?

Kinh nói: “Pháp này chẳng phải chỗ tư lương phân biệt có thể hiểu”. Như thế thì Lục Tổ dù cho hiểu ý cũng chưa thể trì. Lại nói: “Kinh này mở cửa phương tiện để khai thị tướng chân thật của các pháp”, như thế thì sơn hà đại địa, cỏ cây, ngói, đá đều là thực tướng. Dù như Tổ thứ 27, rời hơi thở ra vào cũng chưa thể trì. Thế thì Nhân Thiên rốt cuộc trì như thế nào? Như Phật thuyết phẩm Trì: “Cho đến lần lượt người thứ năm mươi chuyển dạy trì kinh, công đức chẳng thể nghĩ lường”. Xem đây thì công đức chuyển giáo chẳng kể hiểu nghĩa hay không hiểu nghĩa, là hơi thở hay không là hơi thở; chỉ hay một niệm tin tâm, tự biết cái sẵn có của mình, thì huệ mạng chẳng đoạn.

Do đây lão nhân rất ca ngợi pháp xã Thanh Liên, lấy trì Pháp Hoa làm diệu hạnh. Vì một lần nghe kinh này, liền là gieo hạt giống chơn thật thành Phật. Nhân Thiên lấy việc này chuyển giáo nhiều người. Có thể như lời Phật khen ngợi tán thán. Lại có pháp nào hơn đây nữa?



## **Dạy Thiên Nhân Liễu Tế**

Tôi trung hưng Tào Khê, trùng tu Thiên đường Bảo Lâm để tiếp nạp tử tử bốn phương đến. Thời Lượng thiên nhân phát nguyện đi xin vật thực để cúng đại chúng. Ngay lúc bắt đầu kiết chế, thiên nhân niêm hương thỉnh ích. Tôi nhân đó dạy:

- Diệuhạnh lợi sanh của chư Phật nguyên chẳng phải một loại. Diệuhôn thành Phật của Bồ Tát cũng vốn không phải một đường. Xưa, Đại sĩ Duy-ma dùng một bát cơm mà làm Phật sự, có khoảng ba vạn hai ngàn chúng độ thức ăn này đều vào luật hạnh. Hãy nói đến nay, chén bát vẫn như cũ, cơm thơm như xưa mà người ăn cơm, luật hạnh ở đâu? Người mang cơm thần thông chỗ nào? Nếu ở đây thấu được chính là chỗ nói “Đối với thức ăn bình đẳng, đối với pháp cũng bình đẳng” (ư thực đẳng giả, ư pháp diệc đẳng). Nếu thấu chẳng được, lại phải tham phỏng tri thức, quyết trạch nghi tình, thẳng đến chỗ chẳng nghi, mới cùng bốn địa có chút phần tương ứng. Nếu chưa được thế thì chưa khỏi theo đuổi sóng mòi. Do đó, tăng tham vấn Triệu Châu nói: “Học nhân mới vào tông lâm xin Sư chỉ dạy”.

Triệu Châu hỏi: “Ăn cháo chưa?”

Tăng thưa : “Ăn rồi!”

Triệu Châu nói: “Rửa chén bát đi!”

Tăng ấy có tỉnh Thiên nhân nếu ở chỗ nói của Triệu Châu, chỗ tỉnh của tăng mà hội được liền cùng các thượng thiện nhân trong phương trượng của Duy-ma nắm tay cùng đi.



## **Dạy Thiền Nhân Huyền Hữu Hải Đường Chủ Kính Sơn**

Phật, Tổ một tâm; Giáo, Thiền một chí. Tông môn giáo ngoại biệt truyền chẳng phải lìa ngoài tâm riêng có một pháp có thể truyền. Chỉ là muốn người lìa hẳn ngôn ngữ văn tự, riêng ngộ ý chỉ ngoài lời vậy. Nay người tham thiền, động một chút liền quở trách kinh giáo, chẳng biết giáo hiển bày nhất tâm là gốc của thiền. Nhưng Phật thuyết nhất tâm là thuyết thấu hai đường mê ngộ, còn tông môn chỉ thẳng một tâm, chẳng thuộc mê ngộ, muốn người ngộ thấu, kỳ thực cứu cánh không hai. Trong Như Lai tạng, cầu việc đến, đi, mê, ngộ, sanh, tử trọn chẳng thể được. Đây há thuộc mê, ngộ sao? Nhị Tổ nói: “Tìm tâm trọn chẳng thể được”. Lục Tổ nói: “Bỏ lìa vô nhất vật” tức là Bát-nhã không có ngũ uẩn, căn, trần, thức, giới và pháp xuất thế tam thừa, vì không sở

đắc nên đắc Bồ-đề, cùng “tìm tâm trọn chẳng thể được”, há là hai pháp sao? Thì biết kinh nói nhất tâm, chỗ nhiều là phạm tình thánh giải vậy. Tham thiền chóng phá vô minh là tuyệt tình phạm, ngộ cũng mưa bỏ là tuyệt thánh giải vậy. Đó là thiền quở tri giải, mà giáo cũng chưa từng không quở.

Nay người tham thiền từ giáo hồi tâm, chẳng thể quên tri tuyệt giải, đề thoại đầu chẳng thể quên tình tuyệt tích, đều nằm trong chỗ bị quở, sao lại hủy giáo cho là chẳng đủ lưu tâm? Nay người bỏ giáo tham thiền, quả có thể trước tiên hiểu vốn không phạm thánh, chẳng thuộc mê ngộ, đó là kiến địa, y theo đây tham cứu. Đương nhân một niệm nếu còn một tơ hào tình kiến và tri giải huyền diệu đều là chưa thấu, đều là việc bên bờ sanh tử. Há có thể liền cho là đắc ư? Nay bậc tri thức mắt chưa sáng mà ấn chứng, nếu không dùng giáo ấn tâm, rốt cùng sẽ rơi vào tà ma ngoại đạo. Chỉ cần không nên đem ngôn ngữ văn tự của Phật thuyết và ngữ cú huyền diệu của Tổ sư cho là tri kiến của chính mình, thì chắc chắn sự tham cứu sẽ đến chỗ tương ứng. Như kinh nói: “Tất cả phiền não, ứng với niệm liền hóa thành tri giác vô thượng”. Như thế là hình thức đốn ngộ. Chẳng được đem tập khí phiền não, tri kiến tạp nhạp cho là diệu ngộ. Cũng chẳng phải có gì khác, chỉ là tiêu hết tập khí phiền não, lòi ra bộ mặt xưa nay. Nên nói: “Ngộ rồi lại đồng lúc chưa ngộ”. “Vẫn như cũ, chỉ là người thuở xưa. Chẳng đổi chỗ giẫm bước ngày cũ”. Há chẳng thấy Giáp Sơn lúc chưa gặp Thuyền Tử thượng đường có tăng hỏi:

- Thế nào là pháp thân?

Sơn nói:

- Pháp thân vô tướng.

Lại hỏi:

- Thế nào là pháp nhãn?

- Pháp nhãn không vết.

Đạo Ngô ở tại tòa bất giác cười.

Lúc đã gặp Thuyền Tử rồi, Đạo Ngô sai tăng đến hỏi:

- Thế nào là pháp thân?

Sơn vẫn đáp: - Pháp thân vô tướng.

Lại hỏi:

- Thế nào là pháp nhãn?

Sơn vẫn đáp: - Pháp nhãn không vết.

Tăng trở về kể lại Đạo Ngô, Ngô nói:

- Gã này bây giờ mới triệt.

Đây bèn là tọạ chủ lạnh lợi. Là hình thức bỏ giáo tham thiền. Đường chủ Hải từ lâu gần gũi giáo thừa, nay bỏ thói quen, riêng cầu một đường hướng thượng, hãy xem Giáp Sơn hai chuyển ngữ giống nhau, Đạo Ngô vì sao chịu sau mà chẳng chịu trước, thử xem chẳng chịu chỗ nào? Chịu chỗ nào? Ở đây nhận ra, chẳng kể Giáo ý, Tổ ý, nhất tề mưa hết. Ngày khác liền đem một Đại tạng kinh, một miệng nuốt hết, chữ chữ hóa thành tạng quang minh. Cát đằng chẳng ít. Trân trọng, trân trọng.

## **Dạy Thiền Nhân Bản Hoài Ấn**

Xưa đức Phật ở trên hội Linh Sơn muốn đem kinh Diệu Pháp Hoa phó chúc lại cho đời sau thọ trì, lưu bố rộng rãi, chẳng kể trời người, hàng trăm hàng vạn đều được thọ ký. Các vị đệ tử không có một ai dám ở cõi Ta-bà lưu truyền pháp này mà phải đợi chúng Bồ Tát ở dưới đất vọt lên gánh vác việc gìn giữ pháp này. Há là chuyện dễ dàng sao? Vì chúng sanh ở cõi ác ngũ trước phước mỏng tánh nết cang cường rất khó điều phục, cho nên đức Phật dạy người trì kinh lấy hạnh nhẫn nhục làm hạnh đệ nhất. Nên nói: “Như Lai diệt độ rồi, người muốn vì tứ chúng thuyết kinh này, phải vào nhà Như Lai, mặc áo Như Lai, ngồi tòa Như Lai mới có thể rộng nói kinh này”.

Nhà Như Lai tức là tâm đại từ bi trong tất cả chúng sanh, áo Như Lai là tâm nhu hòa nhẫn nhục, tòa Như Lai là tất cả pháp không. An trụ ở đây rồi sau dùng tâm không lưỡi biếng mới có thể vì chúng thuyết kinh Pháp Hoa này. Nên Phật tự thuật hạnh cầu pháp ngày xưa. Như Đề-bà-đạt-đa oán hại nhiều đời và Thường Bất Khinh lễ bái tứ chúng dù bị nhục mạ, hoặc bị dao gậy đánh đập, ngói đá liệng ném, dù mọi việc khổ đều hoan hỷ chịu đựng, không một ý chán nản lui sụt. Đây chính là dạy pháp Bồ Tát, là hạnh tối thắng để trì

kinh đời mạng pháp. Chúng ta là đệ tử Phật, nếu không hành nhẫn nhục thì lấy gì để gìn giữ huệ mạng Phật khiến cho không đứt mất? Rồi đến Bồ Tát nhận sự phó chúc trì kinh đã thề rằng: “Mọi việc khổ đều sẽ nhẫn được”, thế nên Phật thuyết “Quán ba ngàn đại thiên thế giới không có một chỗ nào nhỏ bằng hột cải mà không phải là chỗ Bồ Tát vì cầu Bồ-đề mà bỏ thân mạng, cho đến đầu, mắt, tủy, não không hề lẩn tiếc”. Nên dạy người trì kinh trước hết đem hạnh nhẫn thương xót đời mạng pháp này. Nếu không có sức nhẫn lớn làm sao có thể hộ trì Phật pháp?

Lão nhân mỗi mỗi lấy hạnh nhẫn khai thị thiên nhân. Thiên nhân nếu có thể dốc lòng tin Lão nhân, cũng có thể lấy sức nhẫn tự trì, thì nay chẳng những gìn giữ trọn vẹn đạo trường, cũng còn thành tựu hạnh của mình nữa. Cần yếu chẳng được dùng mắt tầm thường thế tục mà quán, ngoài điều này ra, lại cầu pháp sanh tử khác. Hơn nữa, kinh này đức Thế Tôn chúng ta vì một đại sự nhân duyên nên xuất hiện ở đời. Đại sự đó là tri kiến Phật sẵn có của chúng sanh. Tri kiến Phật là có thể thấy thực tướng của các pháp. Vì chúng sanh mê mất chân tri kiến, chỉ nhận ngũ uẩn huyền vọng làm thân tâm mà chẳng thấy tướng chân thật. Nếu thấy thực tướng thì ba cõi trên dưới, trọn không một pháp. Lại còn sanh tử nào có thể gá nữa? Như thế há chỉ tham thiền mới có thể thoát sanh tử còn trì kinh không thể thoát sanh tử sao? Như Nam Nhạc, Thiên Thai, các Đại tông sư đều ngộ thực tướng. Nếu các pháp lữ đọc tụng kinh này có một người như ngài Thiên Thai

ngộ nhập Pháp Hoa Tam Muội, thì một hội Linh Sơn này nghiêm nhiên chưa tan. Như thế thì người hộ trì đầy đủ hàng sa công đức chẳng thể nghĩ lường. Phật vì pháp này đời đời kiếp kiếp xả bỏ thân mạng. Thiên nhân nếu có thể bỏ một đời này, thành ích lợi lớn cho Phật pháp, thì đâu có còn mong cầu Phật pháp nào bên ngoài nữa? Nay dù chẳng thể thoát sanh tử cũng nương pháp này làm thuyền bè, nguyện lực gìn giữ trong biển sanh tử thì ắt cũng có lúc đến được bờ kia, vẫn hơn sống rỗng chết lảng như trước kia. Thiên nhân đã tin lời lão nhân từ đây phát khởi sức nhẫn lớn, sức tinh tấn lớn, gọi là chân pháp cúng dường Như Lai để thành đại hạnh của Phổ Hiền. Cần yếu chẳng được khởi tâm sanh diệt, lập cái thấy nhân ngã mà sanh ý lui sụt.



## **Dạy Thiền Nhân Bổn Nguyên Giác Ở Ngưỡng Sơn Tân An**

Bổn Nguyên Giác trùng hưng lại đạo tràng Ngưỡng Sơn hơn ba mươi năm, huyền bày các thứ trang nghiêm đều tự tâm lực, tụng hai kinh Viên Giác, Phạm Hạnh cũng hơn hai mươi năm, gìn giữ tịnh hạnh tinh nghiêm, đều từ trong Bát-nhã đã huân tập từ trước. Nay làm lễ Khuông Sơn<sup>1</sup> cầu thọ đại giới, đốt hương thỉnh giảng đại nghĩa Viên Giác. Lão nhân do đó dạy:

Phật nói các pháp trong ba cõi chỉ do một tâm tạo, nghĩa là Viên Giác lưu xuất tất cả thanh tịnh chơn như, Bồ-đề, Niết-bàn và Ba-la-mật dạy dỗ Bồ Tát. Vì thế là đệ tử Phật, nếu đạt được pháp môn duy tâm thì tất cả nhân quả nhiễm tịnh đều hiện tiền, niệm niệm chuyển biến. Nên nói: “Tâm tịnh cõi Phật tịnh”. Ngay như nhân duyên ở Ngưỡng Sơn, ngày xưa đều là núi đá cheo leo, cỏ

---

<sup>1</sup> Khuông Sơn: Hám Sơn



cây rậm rạp. Nay một sớm huyễn thành đạo tràng này như từ Trời rơi xuống, đều từ một niệm tối sơ, lòng tin bền chắc nên làm được Phật sự to lớn như thế. Lấy đây mà quán thì Tịnh Độ Tây Phương há từ ngoài tâm mà được? Lão nhân nay vì thiên nhân, truyền bảo giới Phạm Võng kim cương. Giới này gọi là pháp môn tâm địa của Phật Tỳ-lô-giá-na. Kinh nói: “Nếu thọ giới Phật, tức vào địa vị Phật”, thì biết một niệm tin tâm là mở tri kiến Phật, tất cả cõi Phật ứng niệm hiện tiền. Nên Tịnh Độ của chư Phật đều từ tâm địa kim cương mà kiến lập.

Thiên nhân quả có thể liễu tri pháp môn này, từ đây tiến tới, tất cả mọi việc hằng ngày rõ ràng đều từ tự tâm lưu xuất, niệm niệm chẳng quên, tâm tâm chẳng mờ, niệm đến động tĩnh không hai, thức ngủ như một, thì hiện tiền bước bước đều đạp trên Tịnh Độ, kinh hành trên đất báu. Ngay thân tâm này đã ngồi trong thai hoa sen, đến lúc mạng chung vừa bỏ thân này là hoa nở thấy Phật, như từ mộng thức dậy. Đến đây mới biết sanh tử như mộng, Tịnh Độ như huyễn, trong một niệm ở mãi chẳng lui sụt. Ngoài đây ra, lại còn có pháp nào vượt khỏi sanh tử nữa? Thiên nhân tu phạm hạnh đã lâu, mà chưa được nghe thiện tri thức phá cho giấc mộng vọng tưởng từ trước. Nếu rõ pháp do tâm, đâu cần cầu Phật pháp nào khác! Hãy nỗ lực. Trân trọng.

## **Dạy Trần Thiện Nhân**

Quận Sở Miện là nước văn hiến, nhưng thiện tri thức mang pháp môn qua đây giáo hóa rất hiếm. Thiện nhân Quán Trí dừng lại ở đây, đóng cửa ba năm, tạm thời giáo hóa chúng. Vừa may Thiện Nhân là đệ tử tín tâm quy y cũ từ xa đến tham vấn Khuông Sơn Lão Nhân, cầu khai thị để bạch lại đại chúng. Lão nhân nhân đó dạy rằng:

- Nam nữ tại gia có thể giữ gìn năm giới là chẳng giết hại, chẳng trộm cắp, chẳng tà dâm, chẳng nói dối, chẳng uống rượu ăn thịt. Lúc Phật còn ở đời, họ thường ở trong pháp hội được gọi là ưu-bà-tắc, ưu-bà-di, đây gọi là cận sự nam, cận sự nữ vì kham thân cận phụng sự Tam bảo vậy. Tu tập tinh trì ngũ giới thì khỏi đọa ba đường khổ, đó là phước của trời, người. Nên nói: “Năm giới chẳng giữ thì đường trời người dứt”. Nếu trì ngũ giới, quan trọng thứ nhất là tin rõ nhân quả, thiện ác báo ứng, như bóng theo hình, nghĩa là làm nhân lành được quả phước, nhất định sanh trong trời, người. Nếu tạo nhân ác thì quả xấu, ắt đọa ba đường khổ.

Lại xem quan cao chức trọng ở đời, phú quý vinh hoa, hạng này chắc là do đời trước tu phước, cúng dường Tam bảo, trai tăng, bố thí, in kinh, tạo tượng, sửa chùa, dựng tháp, cứu giúp kẻ nghèo khổ nên chiêu cảm. Còn người sống lâu đông con, cha hiền con hiếu, chồng xứng vợ

theo, anh thương em kính, nhất định do không sát sanh mà phóng sanh, giữ trai giới mà được.

Người ở tại nhà mà có thể giữ ngũ giới này tức đủ ngũ thường, nghĩa là bất sát là nhân, bất đạo là nghĩa, bất tà dâm là lễ, bất vọng ngữ là tín, bất ản tửu là trí. Nhà Nho nếu được thế, là bậc quân tử thành tựu mỹ đức. Trì trai há là việc ngoài bổn phận ư? Trong đó có bậc thượng trí cao minh đã giữ giới này, lại nghĩ cuộc đời vô thường như đèn trước gió, sợ sanh tử, một lần mất thân này, muôn kiếp khó được. Như thế suy nghĩ nhớ khổ sanh tử mong cầu xa lìa, tâm đã tha thiết nên phát tâm trì niệm Phật A-di-đà, đem một câu Phật này để nằm lòng, tâm tâm chẳng dứt, niệm niệm chẳng quên, sớm tối lễ Phật tụng kinh, hồi hướng Tây Phương, cầu sanh Tịnh Độ. Nếu niệm Phật đến một niệm thuần thực, nhất tâm chẳng loạn, lúc sắp mạng chung thấy Phật A-di-đà phóng quang tiếp dẫn, đầu thai trong hoa sen, hoa sen là cha mẹ, đến lúc hoa nở thấy Phật, từ đây trọn ra khỏi khổ sanh tử luân hồi, thoát ngoài ba cõi, gọi là Bồ Tát.

Công phu niệm Phật này, xưa nay nam nữ tại gia hành trì, một đời làm xong, người sanh Tây Phương chẳng ít. Nên nói: “Chỉ có đường tắt tu hành là niệm Phật A-di-đà, ngoài đây cầu gì khác đều là tà kiến, tà hạnh. Thiển nhân trì như thế và chuyển hóa đồng loại, một người, một nhà, cho đến một làng, một quận thông suốt đều là nước Phật vậy. Nếu nguyện nỗ lực tu hành, chỉ cần lòng tin chân thiết, một lòng vâng làm, chẳng cần cầu Phật pháp huyền diệu nào khác.

## **Dạy Thanh Liên Sinh**

Lão Tử nói: “Ta có hoạ lớn vì ta có thân. Nếu ta không thân đâu có hoạ gì!”. Kinh Viên Giác nói : “Nay thân này của ta, do bốn đại hợp thành, nên quán trong thân: chất cứng ngại thuộc đất, ẩm ướt thuộc nước, hơi nóng thuộc lửa, động chuyển thuộc gió. Lúc tứ đại phân li, thân hư vọng này sẽ ở đâu?” Như thế quán kỹ, tâm này lâu dần thuần thực, tướng của thân bỗng chợt thành không. Các thứ phiền não đều từ vọng tưởng điên đảo mà sanh, như mộng điên đảo xưa nay chẳng có. Nên lúc phiền não quán ngay tâm vọng tưởng này từ chỗ nào mà sanh? Truy mãi đến chỗ vốn vô sanh, thì vọng tưởng chẳng sanh. Vọng tưởng chẳng sanh thì phiền não không, thân tâm liền không, thì tất cả phiền não ngay đó tiêu diệt. Ứng niệm liền vào nước Cực Lạc mát mẻ. Quán cho miên mật chính là thuốc hay để thoát khổ. Nhưng sơ tâm quán chưa phải dễ thành. Chỉ đem “Phật A-di-đà” xét làm thoại đầu chân thật, tha thiết chẳng quên. Nên lúc vọng tưởng khởi, liền đề khởi thoại đầu thì vọng tưởng tự diệt. Vì bình thường không có chánh niệm, chuyên chạy theo vọng tưởng lưu chuyển, phan duyên chẳng dừng làm thêm khổ.

Tất cả các pháp đều từ tâm sanh, ngoài tâm không pháp. Nếu không quán tâm mà cầu đường thoát khổ cũng giống như bỏ bước đi mà cầu tiến tới trước. Chỉ cần phát tâm dũng mãnh, không được nói là “Không thể làm được”, nói thế là tự gây họa.



## **Dạy Ngô Khải Cao**

Khải Cao quy y Tam bảo đã lâu, giữ tâm trai cả năm, nay đến Khuông Sơn cầu thọ giới pháp, làm đệ tử của pháp môn để kết duyên xuất thế đời sau. Nhân đó tôi đặt tên là Phước Thường, hiệu là Tịnh Tâm cư sĩ, và truyền cho giới Ưu-bà-tắc; ông lại đốt hương thỉnh ích. Lão nhân nhân đó dạy rằng:

- Tất cả thế gian, dù mọi nghề nghiệp đều là vô thường, đều là nhân khổ, nên cảm sanh quốc độ Ta-bà. Chúng sanh tụ họp gọi là kham nhẫn. Người ngu mê cho khổ là vui, càng thêm tham ái, lại tăng gốc khổ. Chẳng biết cái cốt yếu ra khỏi khổ là vì điên đảo. Nên người ở đời nếu có một niệm biết là vô thường, khổ, không, phát tâm cầu xa lìa tức là người đại trí tuệ. Nếu có một niệm

phản tỉnh, phát khởi tâm ghét khổ liền là đường thoát khổ. Nếu có một niệm mong cầu sanh Tịnh Độ tức là gốc thành Phật. Do đó Phật nói giới pháp dạy người dừng ác tu thiện, vì ác dừng thì tâm tịnh, tu thiện thì khổ diệt, khổ diệt thì phước tăng. Tâm tịnh là nhân của Tịnh Độ, khổ diệt là gốc của Cực Lạc, phước tăng là quả của thường lạc. Như vậy biết một niệm phát khởi tâm thọ giới là có thể đoạn các khổ; có thể nhóm các phước, có thể ra khỏi sanh tử, có thể sanh Tịnh Độ, tất cả đều từ một niệm phát tâm tối sơ làm nhân địa.

Cư sĩ hôm nay đã có thể biết việc này, phát tâm này, nên hãy làm việc gì tức là hạnh xuất thế; tuy chưa xuất thế đã gọi là Phật tử. Từ nay nếu quả đem tâm trì giới niệm Phật, trừ sạch những cấu nhiễm xưa ở trong tâm: tham, sân, si, ái, các thứ phiền não thì tâm địa thanh tịnh. Đem tâm tịnh này niệm Phật, niệm niệm chẳng quên, niệm niệm chẳng dứt tức nhật dụng hiện tiền, sự sự đều là nhân Tịnh Độ. Nghĩa là bố thí các thứ tứ sự cúng dường Tam bảo đều là vốn liếng trang nghiêm tịnh độ. Chỗ nói “Tâm tịnh thì cõi Phật tịnh”, “Duy tâm Tịnh Độ, tự tánh Di-đà” nguyên chẳng lìa một niệm của đương nhân. Đó là pháp hạnh chơn thật. Nghĩa là “phước chân thường từ trong tâm tịnh” vậy.

Cư sĩ quả có thể tin chắc không nghi đâu cần cầu Phật pháp khác. Chỉ chẳng được làm việc thế gian tầm thường. Xem đó thì đạo niệm tự bền chắc, tín tâm ngày càng tăng trưởng. Trân trọng, trân trọng.

## **Dạy Thiên Nhân Vô Tri Giám**

Người xuất gia, trước phải cần biết xuất gia cất ái từ thân, vốn vì cầu ra khỏi sanh tử. Nếu vì việc lớn sanh tử, cần biết tất cả các pháp thế gian đều là gốc khổ, thân là nơi chứa nhóm sự khổ. Cần phải phát tâm tu hành, cầu đạo thoát khổ. Trước phải thấy cho ra tâm cảnh giới hiện tại, hãy quán thân này là đất nước gió lửa, tứ đại giả hợp thành hình. Tứ đại rời ra thì thân hư vọng này sẽ ở đâu? Nhìn cho ra như thế thì chẳng vì thân này mưu cầu các thứ vui thích thụ hưởng, kể đến phải nhìn ra hiện tiền, sự thấy nghe hiểu biết toàn do vọng tưởng, đều chẳng phải chơn tâm. Vì vọng tâm này tạo các thứ nghiệp, khởi tâm động niệm, không gì chẳng phải là nghiệp, không gì chẳng phải tội. Tức một niệm này liền là gốc khổ sanh tử, cần phải không theo vọng tưởng lưu chuyển. Hằng ngày thăm thăm quán sát chỗ vọng tưởng khởi, cốt phải xem cho thấu ngay đó tiêu diệt, không được tiếp tục theo nó, phan duyên đi mãi mà chẳng trở về.

Nếu quán sát chẳng định, lúc không có lỗ mũi, chỉ đem một câu A-di-đà làm thoại đầu, khăn khăn ôm chắc, niệm niệm chẳng quên. Có thoại đầu này làm chủ. Nếu thấy chỗ vọng tưởng khởi thì đề khởi Phật lên. Đó là chánh niệm hiện tiền thì vọng niệm chẳng đợi đuổi mà tự tiêu. Như thế trong mười hai thời thâm thâm dụng tâm. Chỉ một niệm này làm chủ, kỳ dư tất cả vọng tưởng đều là khách. Khách chủ nếu phân, lâu dần thuần thực thì vọng tưởng tự tiêu, chân tâm tự hiện.

Thiền nhân nếu quả có chí vì việc lớn sanh tử, chỉ lấy một niệm này làm chơn thật. Ngoài ra các thứ khéo léo ở thế gian: làm thơ, viết chữ, cho đến phan duyên, giao du, phóng lãng đều là việc điên đảo si mê. Nếu chẳng mộ thực hành, chuyên làm việc rỗng, tạm buông thả theo lục tình, nói đùa không căn cứ, mất hết ngày giờ, chẳng những sống rỗng chết uổng, còn e ác nghiệp khó trốn, ngàn đời trăm kiếp không có lúc ló đầu.





## **Dạy Từ Thanh Chi**

Phật thuyết các pháp thượng, hạ trong ba cõi chỉ do một tâm tạo; nói ba cõi thượng là Tứ Thánh xuất thế: Phật, Bồ Tát, Thanh Văn, Duyên Giác. Ba cõi hạ là phàm phu trong sáu đường: ba đường lành Thiên, nhân, A-tu-la; ba đường ác địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh. Tức là nhân quả thiện ác trong mười pháp giới. Y báo, chánh báo trang nghiêm đều do một tâm tạo. Nhưng một tâm này không phải gì khác mà là tâm phân biệt liễu tri nhật dụng hiện tiền của chúng ta. Đã là do tâm, chẳng phải thứ lớp, mà là hiện tiền chỗ dùng hằng ngày, niệm niệm tạo nghiệp ở trong mười pháp giới lưu chuyển.

Nếu một niệm do tham, sân, si tạo mười điều ác: thân ba, miệng bốn, ý ba, thì thành nhân của ba đường khổ. Nếu một niệm chuyển thập ác thành thập thiện thì làm nhân diệu lạc cõi Trời người.

Nếu một niệm thiện ác đều quên: trong không thấy có mình, ngoài chẳng thấy có người, một tâm tịch tĩnh, là nhân thoát khổ của Thanh Văn.

Nếu quán trước mắt khổ vui, nghịch thuận, do nhân duyên sanh diệt, trôi lăn rồi diệt thì thành nhân Duyên Giác.

Nếu một niệm rõ biết nhân pháp vô ngã, nhân duyên tánh không, không có người làm và chịu, mà chẳng ngại hiện hạnh bố thí, trì giới, nhẫn nhục, hành lục đạo hóa độ chúng sanh là nhân của Bồ Tát.

Nếu một niệm đốn ngộ tự tâm xưa nay quang minh quảng đại, bao dung khắp cả, tế độ hoàn toàn trọn không một pháp đương tình; chúng sanh và Phật bình đẳng tức là nhân thành Phật.

Nên một tâm này rộng lớn không gì ngoài, xưa nay thanh tịnh viên mãn quang minh. Nếu nhật dụng niệm niệm ngộ được, thì tuy ở trong trần lao mà là người xuất thế. Do đó, Duy-ma gọi đây là pháp môn bất nhị.

Cư sĩ nếu có thể theo đây mà hành thì tất cả ân oán, thị phi, nhân ngã, các tình căn phiền não, ứng niệm hóa thành quang minh tạng. Hằng ngày thử lấy đây xem xét tất cả cảnh giới, niệm niệm giác sát, nếu chẳng thể an nhẫn, bị phiền não chướng ngại thì vừa thấy chỗ khởi hãy đem một câu “Bản lai vô nhất vật” của Lục Tổ đề khởi như bảo kiếm Kim Cương Vương thì tất cả phiền não ngay đó băng tiêu, thân tâm trở thành hồ thanh lương. Như thế ra sức thực hành. Nếu có tình tấn chẳng lùi sụt thì chóng chứng đại giải thoát. Lại còn cầu Phật pháp nào ngoài đây nữa?

## **Dạy Thiên Nhân Nhược Đàm Thành**

Thiên nhân Thành, cùng những vị đồng chí ở Đông Thiên, Kim Sa kết Thanh Liên Xã để trì tụng kinh Pháp Hoa làm sự nghiệp. Phàm người nhập vào Xã trước hết phải thuộc lòng kinh này, nếu thuộc lòng được mới cho gia nhập. Chưa được vài năm, người có thể trì chừng vài mươi người, đi ở bất nhất, chỉ có Thiên nhân nhất quyết chẳng dời, toan lấy đây thực hành suốt đời, thỉnh ích Lão nhân, nhân đó dạy rằng:

- Kinh này do đức Phật Thích-ca, thầy chúng ta riêng vì khai thị tri kiến Phật của chúng sanh, là hạt giống chân thật thành Phật. Nên thuật lại nhân cũ ở thời Phật Đại Thông Trí Thắng, vì mười sáu vương tử được nghe kinh này, lần lượt truyền nhau trì tụng. Hễ người từng nghe theo, ắt đời đời kiếp kiếp cùng sống một nơi, trì kinh này làm hạnh. Xưa người được giáo hóa thẳng đến đời này ở trên hội Linh Sơn, mỗi mỗi được thọ ký thành Phật. Chính kinh này là hạt giống chân thật, là chính nhân thành Phật. Nên nói rõ pháp sư trì kinh thì sáu căn hiện đời do cha mẹ sanh đều được thanh tịnh, như kinh xác minh đầy đủ. Chính kim khẩu của đức Phật tuyên bày, chẳng phải lời hư dối.

Từ khi vào Trung Quốc, kinh này được nhiều người thọ trì. Riêng đại Thiên sư Nam Nhạc

Huệ Tư sở ngộ rất tinh thâm và Đại sư Trí Giả ở Thiên Thai tụng đọc kinh này bèn thấy hội Linh Sơn nghiêm nhiên chưa tan. Đại sư Tư nói: “Pháp Hoa Tam-muội này chẳng phải là ông thì không chứng được, không phải là ta thì không biết được”. Nên Thiên Thai nhân đó kiến lập diệu môn Chỉ Quán, phát minh yếu chỉ Bách Giới Thiên như thực tướng. Về sau người nương theo Chỉ Quán mà ngộ sáng nhất tâm như Vĩnh Gia trở xuống chẳng phải chỉ một người. Thì biết kinh này là diệu hạnh thành Phật đã rõ. Duy có Lục Tổ nói: “Tâm mê Pháp Hoa chuyển, tâm ngộ chuyển Pháp Hoa”.

Đây lại dạy trì kinh này là đệ nhất nghĩa môn. Thiền nhân nay trì kinh này thử hướng lúc chưa mở cuốn kinh ra, mở bưng con mắt chánh trên đánh môn chiếu phá vô minh, thực tướng của các pháp, chạm đến rỗng suốt thì thấy sắc nghe tiếng trước mắt hiện chứng. Thường chuyển một quyển chân kinh như thế, chóng đem hạt giống phiền não yêu ghét nhiều kiếp đến nay trong ruộng bát thức hóa hết thành quang minh tạng.

Thọ trì như thế là chân tinh tấn, là rõ được pháp cúng dường Như Lai chân thật. Nếu cứ cho giấy mực văn lời là diệu pháp, cho thực hành theo số chữ là trì kinh mà tâm địa chưa sạch, phiền não chưa không, như thế đâu khác gì lấy nước ao làm ma-ni, nấu cát cho là cơm, như thế thì da trâu chưa lụng, há toan che mắt mà thôi sao?

## **Dạy Thiên Nhân Quán Trí Vân**

Người học đạo lấy lời thề coi tâm như đã chết, làm đệ nhất nghĩa thoát sanh tử, lấy buông bỏ làm yếu chỉ nhập đạo. Cổ nhân nói: “Chỉ nên quy nhất, lâu ngày chẳng lui sụt, sẽ có ngày biết chỗ quay về diệu đạo”. Núi Ngũ Nhũ này là chỗ quy chân của Lão nhân. Thiên nhân có tâm quy y lão nhân đã nửa đời người. Nay may có đất cấm dùi này, chính là chỗ các ông buông bỏ thân mạng. Sống thì đồng tu, chết thì đồng về. Ông nên buông bỏ các duyên, nhất tâm tịch tĩnh. Ở đây nhóm họp hai, ba người đồng chí, người già chuyên tâm niệm Phật, tịnh tu tịnh nghiệp, thề chết làm hạn kỳ thì đạo pháp thường còn, huệ mạng chẳng dứt, thì chẳng phụ cái niệm quy y.

Chợt nhớ Tổ Lạc Thiên Công của ông với Lão nhân có tình bè bạn ba đời. Nên tự lấy nghĩa làm chất liệu, tuyệt không hai niệm. Nếu còn niệm khác thì chẳng phải là người chân thật vì sanh tử. Phàm ở đời thường cốt yếu lấy pháp làm bản hoài, nắm giềng mối của tông lâm, điều hòa đại chúng trong ngoài một thể, khách chủ một lòng, quên hết nhân ngã, chặn dứt thị phi, rõ được phiền não vốn không, liền là đường ra khỏi sanh tử. Tức tâm địa này thanh lương liền là yếu môn Tịnh Độ. Ông nên cố gắng! Cố gắng!

## **Dạy Thiền Nhân Ngung Súc Không**

Sự tu hành của Phật Tổ cốt yếu chỉ có hai môn Thiền, Tịnh, kiêm dùng vạn hạnh trang nghiêm. Đó là con đường tu hành chánh yếu. Trong số người đến học, người tham thiền phần nhiều bị tà sư lầm lẫn dẫn vào rừng rậm tà kiến, đọa vào ma ngã mạn, tăng hột giống ngoại đạo. Thật rất đáng lo. Hướng nữa trong mười người không được một người đến chỗ giải thoát. Như thế chẳng những tự lầm mà còn làm lầm người khác. Không đáng sợ sao? Thế nên Lão nhân cực lực chủ trương chân tu Tịnh Độ. Người đời chẳng biết đều khinh thị là tầm thường, chẳng biết cái diệu của niệm Phật, nên phần nhiều lầm lẫn vậy. Vả lại, niệm Phật tức là tham thiền không phải hai pháp khác nhau. Tức lúc niệm Phật trước hết phải đem tất cả phiền não vọng tưởng, tham, sân, si, ái, các thứ niệm tạp loạn nhất tề buông xuống. Buông đến chỗ không thể buông, từ từ đề lên một tiếng A-di-đà Phật, rõ ràng phân minh, trong tâm chẳng dứt, như chỉ râu hạt châu, lại như tên

tên chống nhau, khoảng giữa không có một chỗ hở cón con nào. Như thế ra sức, dựa cho chắc. Bất cứ lúc nào cũng chẳng bị cảnh duyên lôi đi làm quên mất. Nhật dụng như thế ở trong động chẳng tạp, chẳng loạn, thức ngủ như một. Dụng tâm như vậy niệm đến lúc lâm chung, nhất tâm bất loạn, chính là thời tiết siêu sanh tử, vãng sanh Tịnh Độ. Nếu chỉ miệng nói niệm Phật, tâm địa chẳng trong sạch, vọng tưởng chẳng trừ rồi cho niệm Phật không linh nghiệm, như thế dù cho đến ba kiếp sáu mươi đời cũng không bao giờ ló đầu nổi. Ông hãy cố gắng.



## **Trả Lời Đức Vương**

Thế theo lời Đại vương sai sứ giả đến phỏng vấn sơn tăng về pháp môn tu hành thẳng tắt: “Hỏi rằng Vương đã năng giữ giới chẳng sát sanh, ăn chay ba năm, chỉ nghĩ đến việc cuối cùng gấp gáp, có pháp nào tu trì để lúc lâm chung được an vui, đời sau chẳng mê”.

Đây thật là Đại vương nhiều đời trước đã huân tập gốc Bát-nhã sâu. Nay được địa vị giàu sang phú quý mà một niệm bốn lai chẳng mê mờ, tha thiết tham cầu pháp yếu. Sơn tăng ngu dốt, mạo muội lấy lòng thành thật mà trả lời: Đức Phật thuyết pháp độ người như dùng thuốc tỳ bệnh, phương tiện có nhiều cửa, chẳng phải một. Từ khi kinh điển đến đất này, xưa nay nương theo tu hành có hai môn Thiền và Giáo, mọi người cùng noi. Thiền thì chư Tổ truyền đăng, quý ở



chỗ liễu ngộ tự tâm. Sự hạ thủ công phu là tâm chỉ đưa thoạt đầu lên tham cứu một mạch đến khi thấy rõ tự tâm mới thôi. Đây chỉ dành cho người thượng thượng căn, nhất siêu trực nhập, lại phải có thiện tri thức luôn luôn hỗ trợ nhắc nhở mới được vào đường chánh. Các bậc vương thần xưa cũng có người hành được, nhưng chẳng thấy nhiều, là vì người xuất gia dễ thực hành hơn. Nay bậc đại vương tôn ở chỗ sâu kín đáo, chẳng dễ tiếp kiến thiện tri thức, nên chẳng dám khuyên tiến tu theo lối này.

Còn theo kinh giáo tu hành thì xưa có Thiên Thai Trí Giả bày môn chỉ quán Tiểu thừa và Đại thừa, là yếu môn thành Phật. Đại chỉ quán thì văn nhiều, khó lý hội, còn tiểu chỉ quán tuy giản dị, thực ra muốn giải thích cho minh bạch để hạ thủ an tâm cũng chẳng phải dễ vào, nghĩa là siêng tri, siêng hành, cũng khó được gần gũi. Hằng ngày đối với những cảnh giới nghịch thuận hiện tiền, áp dụng nhiều còn chẳng tiến nổi, huống việc lớn sau cùng. Pháp này cũng chẳng phải chỗ Đại vương dễ làm, cũng chẳng dám đề nghị.

Nay chỉ có một môn Phật thuyết Tây Phương Tịnh Độ, chuyên lấy một việc niệm Phật làm trọng yếu, lấy quán tưởng cảnh tịnh làm chính hạnh, lấy tụng kinh Đại thừa làm dẫn phát, lấy phát nguyện làm thú hưởng, lấy bố thí làm phước điền trang nghiêm. Đây thực là cổ kim cùng noi theo, chẳng kể quý tiện, trí ngu đều có thể chân thật hạ thủ công phu. Nên vạn người tu hành, vạn người hiệu nghiệm. Mong Đại vương lưu ý điều này. Cẩn thận dụng quy tắc nhật dụng,

điều lệ như sau:

Đức Phật chúng ta vì cứu các khổ của chúng sanh trong thế giới Ta-bà, chuyên nói pháp môn Tịnh Độ Tây Phương Cực Lạc. Chỉ chuyên dùng niệm Phật A-di-đà, phát nguyện vãng sanh. Có một quyển kinh Di-đà chứng minh, trong kinh này nói toàn sự thực về cảnh giới quốc độ rất là minh bạch, đầy đủ chi tiết về phương pháp tu hành. Như phép tắc công khóa của nhà chùa chẳng cần bó buộc theo, chỉ lấy niệm Phật làm chủ yếu. Mỗi ngày sáng sớm dậy lễ Phật tụng một quyển kinh Di Đà hoặc một quyển kinh Kim Cang, rồi trì, lần chuỗi niệm danh hiệu Phật A-di-đà, hoặc năm ba ngàn tiếng hoặc một vạn tiếng. Xong rồi thì đến trước Phật hồi hướng, phát nguyện vãng sanh nước Cực Lạc, lời ở trong kinh công khóa. Đây là công khóa buổi sáng, chiều cũng như thế. Hàng ngày cứ thế làm thời khóa nhất định, chắc chắn không thể thiếu.

Pháp này dạy cho quyển thuộc trong cung đúng như pháp cùng tu càng tốt. Đây chính là chỗ thực hành của Thánh Tông Nhân Hiếu Thánh Mẫu, dạy pháp trong cung vi. Người đến nay chẳng bỏ phước, đó là thường hành vậy. Còn về việc lớn cuối cùng thì công phu càng cần thân thiết, mỗi ngày trừ hai thời công khóa ra, ở trong mười hai thời, riêng đem một tiếng A-di-đà đặt vào lòng, niệm niệm chẳng quên, tâm tâm chẳng mờ, tất cả việc đời đều chẳng suy nghĩ. Chỉ đem một câu niệm Phật làm mạng căn của chính mình, cắn chặt hàm răng quyết không buông xả, cho đến ăn cơm, đi, ở; đi đứng nằm ngồi, một tiếng

Phật này lúc nào cũng hiện tiền. Khi gặp cảnh giới nghịch thuận, vui giận, phiền não, lúc tâm chẳng an, liền đem một tiếng Phật này để khởi một phát, tức thấy phiền não ngay đó tiêu diệt. Vì niệm niệm phiền não là gốc khổ sanh tử, nay lấy niệm Phật tiêu diệt phiền não, liền là Phật độ chỗ khổ sanh tử. Nếu niệm Phật tiêu được phiền não thì có thể thoát được sanh tử, lại không có pháp khác. Nếu niệm Phật, niệm đến lúc làm chủ được phiền não thì ở trong giấc mộng làm chủ được. Nếu ở giấc chiêm bao làm chủ được thì trong bệnh khổ làm chủ được. Nếu trong bệnh khổ làm chủ được thì lúc lâm chung phân minh rõ rệt, biết được chỗ đi vậy. Việc này chẳng khó hành, chỉ cốt lấy một niệm tâm vì sanh tử tha thiết, từ từ dựa chắc một tiếng Phật, lại chẳng tìm tòi suy nghĩ gì khác, lâu dần thuần thục, tự nhiên được đại an lạc tự tại, được đại hoan hỷ thọ dụng. Riêng chẳng phải cái vui ngũ dục thế gian có thể so sánh.

Đại vương chỉ cần lưu ý pháp này, đúng là chân thật tu hành, ngoài ra lại không có việc nào bằng tất khoẻ hơn nữa. Cần chớ nghe tà kiến, tà thuyết mà nghi hoặc. Còn nếu Đại vương muốn biết hướng đi lúc cuối cùng thì có thêm một diệu pháp, xin vì Ngài mà nói.

Pháp này ở tại trong tâm niệm Phật. Giờ giờ thăm thăm quán tưởng, tưởng trước mắt sanh ra một hoa sen lớn, chẳng kể xanh, vàng, đỏ, trắng, hình giống bánh xe lớn. Quán tưởng hình dáng hoa rõ ràng, rồi tưởng tự thân ngồi ở giữa hoa, trên nhụy của đài, ngay ngắn chẳng động, tưởng

Phật phóng ánh sáng đến chiếu thân mình. Lúc tưởng như thế, chẳng nệ đi đứng ngồi nằm, cũng chẳng kể năm, tháng, ngày, giờ, chỉ cốt quán cảnh phân minh, mở mắt, nhắm mắt, rõ rệt chẳng mờ, cho đến trong mộng cũng thấy Phật A-di-đà cùng Quan Âm, Thế Chí, cùng ở trong hoa, thấy rõ như ban ngày. Nếu sự tưởng hoa này thành tựu, tức là thời tiết thoát sanh tử, thẳng đến lúc lâm chung, hoa này hiện ra trước, tự thấy thân mình ngồi trong hoa sen, rồi có Di-đà, Quan Âm, Thế Chí đồng tiếp dẫn, trong khoảng một niệm liền được vãng sanh thế giới Cực Lạc Tây Phương, ở địa vị bất thối chuyển mãi mãi không còn chịu khổ sanh tử nữa. Đây là sự hiệu nghiệm thực sự của việc tu hành chân thật một đời lo xong.

Chỉ pháp môn này chẳng phải do Tăng nói mà trong kinh Phật chỗ chỗ đều khai mở, dẫn dắt pháp môn thẳng tắt. Nghĩa là chỉ có đường tắt tu hành, nếu mong phút cuối cùng sáng suốt, ngoài ra không có pháp nào minh bạch hơn nữa. Nếu sợ tật bệnh muốn học điều tức, vận khí cầu hết bệnh. Đây chẳng phải pháp hay. Nếu khí chẳng khéo vận, ngược lại sẽ mắc bệnh lớn, đến nỗi không thể điều trị được. Dù gì đi nữa chẳng thể ngờ vực điều này. Chỉ là một pháp môn niệm Phật vào được thân thiết, kỳ dư chẳng cần lưu tâm. Mong Đại vương thành thực tin chắc, chớ nên hoài nghi.

Lại,

Ngày 27 tháng giêng, tăng Ủản Chân vâng lệnh chỉ của Đại vương, đem duệ ngữ của Ngài

xuống hỏi. Sơn tăng cúi đọc hai, ba phen, đủ thấy Đại vương thể cứu việc lớn sanh tử, muốn rõ cội gốc tánh mạng, liễu đạt chỉ thú Thiên giáo của Phật Tổ. Sơn tăng ngu muội, chẳng dám vọng bàn. Kính cẩn noi theo kinh điển, mỗi mỗi việc Ngài hỏi xin đối đáp rõ ràng, trình bày như sau. Cúi xin duệ lãm.

Hỏi: Đạo Tam Thừa là nguồn của tính mệnh, thuyết của giáo thiên. Đạo của Đạt-ma, sao nói không một chữ, tâm địa chỗ nào dụng công? Rốt cùng đời người làm sao đạt được? Lại nói: “Có Phật không Phật, đầu đuôi thế nào?” Lại nói: “Trong lúc tĩnh, không ngã, không nhân, giống như thái hư, cứu kính thế nào?” Ngài có thể đem ngôn ngữ Thượng, Trung, Hạ thừa, niệm độ sanh của Phật Tổ, mổ xẻ giải thích tường tận từng điều. Đó là chỗ tôi mong được nghe.

Đáp: Tông chỉ Phật giáo chỉ lấy nhất tâm làm tông. Nguyên tâm này, xưa nay viên mãn, quang minh quảng đại, trọn không mảy bụi, thanh tịnh không một vật. Trong đây vốn không có mê-ngộ, sanh-tử, thánh-phàm chẳng lập, chúng sanh và Phật đồng thể không hai, không khác. Đây chính là tổ Đạt-ma từ Ấn Độ sang, chỉ thẳng chơn tâm sẵn có này, lấy làm Thiên tông. Nên Tổ đáp Vũ Đế rằng: “Rỗng rang không thánh”. Nếu có thể đốn ngộ tâm này, thì sanh tử dứt hẳn. Chỉ tại chính đương nhân một niệm đốn ngộ, tức gọi là Phật như như, chẳng thuộc tu chứng từng bậc, chẳng thuộc thứ lớp tam thừa. Thiên tông này được xem là một đường hướng thượng. Chư Tổ từ trước truyền trao là chỉ tâm này cho là cùng cực

của tông. Đó gọi là Thiên.

Tông này chẳng lập văn tự, chỉ quý minh tâm kiến tánh. Còn công phu tu tiến thì lúc đầu Đạt-ma dạy Nhị Tổ, hỏi rằng: “Ông làm gì?” Nhị Tổ nói: “Xin thầy an tâm cho con”. Đạt-ma đáp: “Đem tâm lại, ta an cho”. Nhị Tổ thưa: “Tìm tâm trọn chẳng thể được”. Đạt-ma liền ấn chứng cho và bảo: “Đã an tâm cho ông xong”. Tâm này chẳng thể được một lời. Đó là ý chỉ Tây lai. Nhị Tổ lại hỏi: “Há không có phương tiện?”. Đạt-ma đáp: “Ông chỉ ngoài dứt các duyên, trong không nghĩ tưởng, tâm như tường vách, có thể vào đạo”. Đây là dạy công phu đầu tiên để tham thiền. Đạo của Đạt-ma chỉ như thế mà thôi. Trừ tâm này ra lại không có pháp khác.

Về sau thiền đạo lâu ngày, người học chẳng thể đốn ngộ. Nên có thuyết tham thiền đề thoại đầu này chẳng kể là ai tùy đem một tấc công án của cổ nhân chứa trong lòng làm thoại đầu, hạ nghi tình thì không có một chữ tức là công án, ngay chỗ nghi này liền là tham cứu, tham qua tham lại, lâu dần hốt nhiên tâm địa khai mở, như tỉnh giấc mộng lớn, tức gọi là ngộ. Vì tham cứu là dụng công phu, chính lúc tham, trong tâm một niệm chẳng sanh, trọn không một vật, nên nói không ngã, không nhân, giống như thái hư, chỗ ngộ liền là cứu cánh. Đã liễu ngộ được tự tâm thì tình căn sanh tử bao nhiêu kiếp nhất tề đốn dứt. Đã ngộ tâm này, còn nói Phật và chúng sanh nào nữa? Nên từ đây đã vượt ba cõi, qua lại tùy ý độ sanh, dứt hẳn các khổ, chẳng bị sanh tử nắm giữ, gọi là Bồ Tát. Đây liền là tham thiền rốt ráo, tính

mạng từ đây rõ hết. Nếu không ngộ tâm này thì bị nghiệp thiện ác một đời lôi kéo, luân chuyển lục đạo trong các đường khổ, cuối cùng không chỗ hạ lạc. Chỗ nói biển khổ sanh tử, không có bờ kia chính là đây vậy.

Còn hỏi đạo Tam thừa tức là pháp môn phương tiện quyền xảo của chư Phật, vì độ chúng sanh nên tùy cơ lập bày. Một Đại tạng kinh đều là ý này. Nguyên là pháp nhất tâm, chúng sanh và Phật đồng một thể, vốn không có thân tâm. Bởi nhân một niệm vọng động tối sơ, mê mất tâm này, bèn kết thành thân tâm huyền vọng. Nghĩa là thân máu thịt của mỗi người hiện giờ gọi là sắc thân, cái tri giác suy nghĩ hiện nay là vọng tưởng, Tâm Kinh gọi là ngũ uẩn. Ngũ uẩn tức là sắc, thọ, tưởng, hành, thức. Nhục thân tức sắc uẩn, tâm tức bốn uẩn: thọ, tưởng, hành, thức. Do thân tâm biết khổ vui... là thọ; phân biệt, tham cầu, niệm niệm chẳng dứt là tưởng; tưởng này tiếp tục chẳng dứt là hành. Ba thứ này tức là tâm tri giác suy nghĩ. Còn thức là mạng căn. Ban đầu lúc chưa mê thì chỉ gọi là tánh. Chân tâm đã bị mê mờ nên có thân tâm huyền vọng này, thức gìn giữ liên tục thân này nên gọi là mạng. Tánh này là khởi nguyên của mạng vậy.

Đức Phật lúc mới xuất thế chỉ dạy người liễu ngộ tâm này mà thôi. Vì tâm bị mê mờ đã lâu chẳng thể liễu ngộ nên Phật bày phương tiện, trước dạy người biết thân này là gốc khổ. Khổ này do tham, sân, si, ái, phiền não nhóm họp mà sanh, vì thế muốn người trước hết đoạn phiền não để có thể ra khỏi khổ này. Người trung, hạ căn y

theo đây tu hành, dứt hết phiền não, quả nhiên được ra khỏi khổ sanh tử. Đây gọi là Thanh Văn, Duyên Giác, là Hạ - Trung Nhị thừa, vì họ chỉ có thể tự độ, chẳng thể độ người, chẳng biết ý chỉ đồng một thể, chỉ được một nửa nên gọi Tiểu thừa. Còn có chúng sanh tâm rộng lớn, đã có thể tự độ, lại có thể độ người, tự lợi lợi tha, rộng tu lục độ nghĩa là hay bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí tuệ; có sáu hạnh này thì tâm quảng đại, đó là Bồ Tát, nên gọi là Đại thừa, cũng nói là Thượng thừa. Hai pháp thừa này, cả Đại tạng kinh đều nói. Chỉ cần người liễu ngộ tâm này, cuối cùng hội quy về nhất tâm, tức gọi là Nhất thừa tối thượng. Đây gọi là Phật, là cực tấc của kinh.

Pháp tu hành tam thừa rất nhiều, nói không hết nổi. Chỉ y một pháp tu hành, đều được ra khỏi khổ sanh tử, chẳng phải chỉ là một mối. Mọi thứ phương tiện, liễu ngộ được tâm này mới là chỗ hạ lạc cuối cùng. Chưa ngộ tâm này đều là ở trong biển sanh tử chuyển theo thiện ác; nếu làm lành thì sanh trong loài người hoặc lên Trời, nếu làm ác, quá tham, sân, si, ái thì đọa tam đồ, thọ khổ vô lượng. Pháp tam thừa này, nếu học theo Trung-Hạ thừa mà tu, thì bây giờ đang một bề yêu mến thân này, tham đắm, thụ hưởng, tâm vọng tưởng chẳng thể đoạn trừ nên không thể tu được.

Nếu người học Thượng thừa tu, tuy có thể bố thí trì giới, còn bốn hạnh sau chẳng thể hoàn toàn, cũng không thể ra khỏi sanh tử. Dù tu pháp lành, sanh lên cõi trời, phước hết lại đọa, như



quay nước giếng trợn không có chỗ đặt chân; nếu cầu ngộ rõ tâm này có thể thoát khỏi sanh tử. Nhưng vì như nay, sự và pháp hiện tiền lẫn lộn, lại chẳng thể đem hết tâm tham cứu, dù tham cũng chẳng được thiện tri thức chân chính chỉ giáo, sợ dụng tâm lầm, ngược lại bị rơi vào tà đạo, như thế há chẳng uổng phí một đời, tuy muốn tìm chỗ đặt chân, rốt cuộc không chỗ đặt. Vì ở cõi trời hưởng phước chưa khỏi luân hồi nên Phật riêng bày phương tiện thẳng tắt. Một môn niệm Phật cầu vãng sanh Tịnh Độ thì một đời thành tựu. Lúc lâm chung nhất định có chỗ đặt chân. Nay đem pháp môn niệm Phật Tịnh Độ vì Đại vương mà trình bày vậy.

Còn hỏi pháp môn Tịnh Độ vì sao mà đặt ra? Là nhân Phật bày pháp Tam thừa, muốn người tu hành, chẳng phải một đời có thể thành tựu, sợ rơi vào biển khổ sanh tử, khó ra khỏi mau chóng. Còn muốn tham thiền, có thể một đời liễu ngộ, được thoát sanh tử thì lại nhân vì vọng tưởng lăng xăng, tập khí sâu dày, chẳng thể tham cứu. Nếu chưa ngộ sáng tâm này cũng chẳng khỏi luân hồi. Nên bày riêng một môn Tây Phương Tịnh Độ.

Đây chẳng kể là thượng, trung hay hạ căn, cùng nghèo, giàu, quý, tiện nếu chịu theo đây mà tu, một đời có thể thành tựu. Nghĩa là duy có đường tắt tu hành niệm A-di-đà Phật, không có xảo diệu gì nữa. Vì sao thế? Vì thế giới chúng ta hiện ở gọi là Ta-bà, là chỗ cực khổ. Nghĩa là sinh khổ, lão khổ, bệnh khổ, chết khổ, cho đến cầu bất đắc khổ, oan gia tụ hội khổ, nói không thể hết. Tuy là vương hầu khanh tướng thọ hưởng phú quý,

vui sướng đủ thứ cũng đều là nhân khổ. Vì ở đây cực khổ khó xa lìa được, nên nói Tây Phương Tịnh Độ gọi là Cực Lạc thế giới, vì trong cõi này chỉ hưởng các thú vui nên gọi Cực Lạc, vì cõi Phật kia tuyệt không dơ uế nên gọi là Tịnh Độ. Không có đàn bà, hoa sen hóa sanh nên không có sanh khổ; thọ mạng vô cùng nên không có lão-tử khổ, cơm áo tự nhiên nên không có cầu bất đắc khổ; các bậc thượng thiện nhân cùng ở một nơi, nên không có cái khổ oan gia tụ hội. Vì cõi nước đó bầy báu trang nghiêm nên không có ngói gạch, gai góc, đại tiểu tiện bất tịnh. Các thứ đều trong sạch, hoàn toàn không giống thế giới này. Tất cả chỗ nói trong kinh Di Đà đều là sự thật. Nay mọi người cầu sanh nước kia, không có pháp nào khác, chỉ nhất tâm niệm Phật lấy làm chánh hạnh. Ngày ngày hồi hướng, lại tâm tưởng thân ngồi trong hoa sen, thì lúc mạng chung sẽ thấy Phật A-di-đà phóng quang tiếp dẫn, thấy hoa sen vọt hiện lên trước mặt, thấy chính thân mình ngồi trên hoa, một niệm vãng sanh liền sanh vào nước kia, từ đây liền chẳng đọa vào đường khổ sanh tử nữa. Gọi là Bồ Tát Bất Thối Địa. Đó là kết quả tu hành một đời, chỗ hạ lạc đời sau, như thế đã rõ ràng. Ngoài đây ra, nói lâm chung có cảnh giới nào khác đều là tà thuyết. Nếu chẳng niệm Phật đến lúc mạng chung, tùy tạo nghiệp ác, cảnh ác hiện tiền, hối hận đã muộn. Đây là pháp môn tu hành thẳng tắt dễ dàng nhất, là phương tiện đặc biệt do Phật bày ra để tiếp dẫn. Tu Tịnh Độ chẳng cần cầu ngộ sáng tâm tánh, chuyên lấy niệm Phật quán tưởng làm chánh hạnh, lại lấy bố

thí trai tăng, tu các công đức phước điền để trợ giúp trang nghiêm cõi Phật.

Trong tâm niệm Phật, tuy phát nguyện vãng sanh, nhưng tất yếu phải biết trước đoạn gốc sanh tử mới mau có hiệu quả. Thế nào là gốc rễ sanh tử? Đó là ngày nay tham đắm thế gian, đủ thứ thụ hưởng, với sắc đẹp, tiếng dâm, mùi vị khoái khẩu, tất cả đều là gốc khổ, cùng tất cả tâm sân giận phẫn hận, tâm chấp trước, si ái cùng tất cả tà ma ngoại đạo do tà sư thuyết. Pháp tà giáo là như ngày nay, có một loại người tà, vọng xưng giáo lý viên đốn của Đạt-ma... vọng lập giáo lý Nam Dương Tịnh Không, vô vi, các kệ quy gia... Tất cả đều là người tà cận đại, hưởng trong hư không mà tác quái, loại ngôn ngữ này là pháp hoặc loạn người đời, đều cần phải tận tình mưa bỏ. Cho đến những thuyết tà luyện nội đan, ngoại đan, các thuật giữ lấy âm dương của phái Toàn Chân đều là pháp tà, đều chẳng đáng tin. Chỉ là một mình dốc lòng tin pháp môn niệm Phật, mỗi ngày tụng kinh A-di-đà hai quyển, niệm Phật chừng ấy, hoặc chẳng cần đếm số, chỉ là tâm tâm chẳng quên danh hiệu Phật, ngay đây liền là thoát đầu, chính là nguồn cội của tính mạng, chẳng cần hỏi thế nào là tánh mạng nữa.

Mặt mũi xưa nay của chính mình cũng có thuyết ba hồn bảy vía nguyên thần, cái đó toàn là trên cái thân máu thịt, bàn tán vọng nhận, vọng chỉ, đều không chỗ hạ lạc. Nếu hỏi lúc sống ra làm sao, lúc chết rồi thế nào? Thì lúc sống tạo ác, chết rồi cảnh ác hiện tiền, lúc sống niệm Phật cầu về Tịnh Độ, chết rồi cảnh Phật Tịnh Độ hiện

tiền, tội nguyên chỗ ta cầu. Đó là việc tốt. Nếu chẳng phải chỗ mình trong tâm cầu lành mà hiện ra thì đều là việc tà ma, quyết không được tin lầm, sẽ lầm đến trăm kiếp ngàn đời. Chỉ xem trong kinh Lăng Nghiêm thuyết rất rõ ràng. Nếu nói có tướng đều là vọng. Lời này là lời trong cửa tham thiền, chỉ riêng cầu chân tâm thanh tịnh chẳng dung một vật, nên nói có tướng đều vọng. Vì niệm Phật Tịnh Độ nguyên là tâm tướng được thành tựu. Kinh nói: “Tướng lắng đọng thành quốc độ”. Vì tham thiền cốt đoạn tâm vọng tướng rất khó, nên nay đem tướng thanh tịnh đối tượng ô nhiễm, hoa sen hiện tiền chính là quán tướng thành tựu, sao lại cho là tướng vọng mà bỏ đi? Tu hành mỗi thứ có đường lối chẳng đồng, chẳng nên nói gồm chung làm một.

Ở trên đã đáp, đều nương trong kinh giáo của Phật Tổ mỗi mỗi khảo chính, không phải nói dối. Nếu tham thiền thì lấy mình tâm kiến tánh làm chủ. Nếu niệm Phật một môn cầu sanh Tịnh Độ, bất tất phải minh tâm kiến tánh, chỉ riêng niệm Phật. Phật là giác, nếu niệm niệm chẳng quên Phật thì niệm niệm minh giác. Tự tâm nếu quên mất Phật liền là bất giác. Nếu niệm đến trong mộng cũng có thể niệm, tức là thường giác chẳng mê. Hiện tại nếu tâm này chẳng mê thì lúc lâm chung tâm này cũng chẳng mê. Ngay chỗ tâm này không mê tức là “hạ lạc”. Hiền vương như nay việc nước vạn thứ, quyết chẳng thể tham thiền, chỉ có niệm Phật là tốt nhất, chẳng kể nhàn rồi, bận rộn, động hay tĩnh, tất cả chỗ đều niệm được. Chỉ là nhất tâm chẳng quên, lại không có

pháp khéo léo nào khác. Còn biết trước là việc thần thông. Đây chẳng cần phải cầu. Lúc đương thời Phật chẳng cho học tập việc này. Nếu thành Phật rồi tự nhiên có thần thông, chẳng đợi cầu. Quý thần cũng biết trước, chẳng phải là người có thể học được. Cần thiết chẳng được nghĩ về những việc loại này. Nếu niệm Phật đến lúc mạng chung tự nhiên dự biết trước lúc đến cũng là tầm thường, do sức niệm thành tựu chẳng thể cưỡng được.

Mấy điều trên đây, cúi xin Hiền vương xem kỹ và lưu ý cho.



## **Đáp Tăng Hải Ấn ở Hồ Châu**

Hỏi: Người xưa tuy đã theo “Đơn truyền trực chỉ”, lại tu Tịnh nghiệp mà mong vãng sanh, là vì sao khi ngộ tùy nguyện khởi hạnh, hay là chưa ngộ mà kiêm tu hai hạnh? Nếu kiêm tu thì rớt vào “tâm trộm”, “tâm lối tẻ”, công phu đâu thành một phiền được? Còn như đã ngộ, thì mỗi hạt bụi đều là Hoa Tạng, chốn chốn đều ở Liên-miêu (đài sen), mười phương không đâu chẳng được. Sao chỉ ưa Tây Phương thôi?

Đáp: Kinh có nói Tịnh Độ có ba:

- Thường tịch quang độ
- Thật báo trang nghiêm độ
- Phương tiện hữu dư độ.

Như chư Phật, Bồ Tát, chư Tổ từ trước “Đơn truyền ngộ tâm” đều hưởng pháp lạc của tự tánh, không có người nào chẳng trở về Thường tịch quang độ. Đó là nghĩa Duy tâm tịnh độ.

Như tất cả các cõi nước đều là Tịnh độ tức Hoa Tạng Trang Nghiêm Thật Báo Độ, cũng là duy tâm mà hiện. Đối với người cầu sanh Tây Phương Tịnh Độ còn gọi là Phương Tiện Hữu Dư Độ, là một cõi trong Hoa Tạng Trần Sát vậy. Đây

là với người muốn cầu vãng sanh. Luận nói: “Chúng sanh mới học, sợ lòng tin khó thành, ý muốn lui sụt, nên Như Lai có phương tiện thù thắng giữ gìn lòng tin, bảo rằng: Chuyên niệm Phật A-di-đà ở thế giới Cực Lạc phương Tây, tu căn lành hồi hướng cầu nguyện, sẽ được vãng sanh, thường thấy quy y Phật, do đó trọn không lui sụt”. Đây là người chưa ngộ mà tu. Tức chỉ ý ngài Vĩnh Minh nói: “Nếu được thấy Di-đà, lo gì không khai ngộ”, vậy nếu tu gồm luôn hạnh này, như chỗ luận nói: “Nếu quán pháp thân chơn như của Phật kia, thường siêng năng tu tập, rốt cuộc được sanh trụ trong chánh định”. Đây há phải là “tâm trộm” ư? Đó là chưa đạt được ý của niệm Phật, chẳng biết ý của Tịnh Độ. Thì biết người đã ngộ, chẳng đợi cầu mà tự vãng sanh, thì người chưa ngộ cũng chẳng phải là đem “tâm trộm” mà niệm Phật, cũng có thể sanh vậy.

Hỏi: Tham thiền, quý ở chỗ một niệm chẳng sanh. Niệm Phật quý ở chỗ tịnh niệm tương tục. Đó là một môn tham cứu niệm Phật, ý tại diệu ngộ mà được vãng sanh. Nay lúc niệm Phật, tuy tâm với Phật phân minh, lúc tham thì cả hai đều ngồì dứt hết. Nên công tham thiền dần dần hơn, niệm Phật dần dần nhỏ nhiệm, lúc khác đâu được vừa ngộ vừa vãng sanh?

Đáp: Tham thiền quý ở một niệm chẳng sanh, đúng rồi! Nếu nói niệm Phật quý ở chỗ tịnh niệm tiếp nhau, tức là đem bốn chữ danh hiệu Phật bỏ vào trong tâm cho là tịnh niệm, mà chẳng biết rằng bốn chữ danh hiệu Phật nối nhau chẳng dứt nghĩa là cột niệm chớ chẳng phải tịnh

niệm. Vì người căn tánh bậc trung, hạ chuyên lấy niệm Phật để cầu sanh Tây Phương, đó cũng là một phương tiện Tịnh Độ.

Nay nói tham cứu niệm Phật ý tại diệu ngộ, là đem một tiếng “Phật” làm thoại đầu tham cứu, nghĩa là công án tham thiền “niệm Phật”. Như chư Tổ ngày trước đã dạy người tham thoại đầu với các công án: Cây bách trước sân, ba cên gai, cục cứt khô, con chó không có Phật tánh, buông xuống đi, núi Tu-di... tùy ý mà đưa lên thành một tắc, chứa ở trong ngực để âm thầm tham cứu. Chủ yếu mượn tắc này để dứt bật ý căn, khiến vọng tưởng chẳng khởi, lâu dần thoại đầu thành đắc lực, hốt nhiên “chặc” một tiếng như đậu nổ trong tro lạnh, đem hang ổ của nghiệp thức vô minh đập một cái tan thành trăm mảnh, đó là diệu ngộ, tham cứu niệm Phật cũng vậy, chỉ đưa lên một tiếng “Phật” rồi nghi xét xem là ai, thể cứu sâu xa: Phật này từ chỗ nào khởi, người niệm cuối cùng là ai? Cứ thế nghi tới nghi lui, tham rồi lại tham. Lâu dần đắc lực, hốt nhiên liễu ngộ. Đây là công án niệm Phật, xét thực cùng với thoại đầu tham cứu nguyên không có hai kiểu. Rốt cuộc cốt tham đến chỗ một niệm không sanh. Đó là tịnh niệm.

Chỉ Quán nói: “Nếu tâm rong ruổi tán loạn, phải nên thu nhiếp lại quay về chánh niệm”. Chánh niệm là vô niệm, vô niệm tức là tịnh niệm. Chỉ cần tịnh niệm này chẳng mờ liền là tương tục, há phải để tiếng niệm Phật không dứt mới cho là tịnh niệm sao? Nếu thế, thì chẳng biết tham thiền cũng chẳng biết niệm Phật. Nếu tham cứu quá



đến chỗ tịnh niệm hiện tiền thì Tịnh Độ chẳng cần tìm bên ngoài, lúc đó một niệm tức đến được thượng phẩm thượng sanh, là chỗ đến của hạnh này vậy.

Hỏi: Lý “Tức tâm tức Phật! Chẳng chạy cầu bên ngoài”, tin được, đã thấy được suốt thì liền tùy duyên tiêu nghiệp cũ, chẳng tạo ương mới, hồn nhiên hăng hái để chờ thức cạn tự được, hay lại nên khởi nghi tình tham cứu tận lực để cầu diệp ngộ?

Đáp: Tin được tức tâm là Phật, chỉ là tin suông. Phải cần thực hành để chứng ngộ. Nếu không hành chứng mà tin rộng cũng vô ích. Há chỉ lấy chữ “tin” liền cho đó là liễu triệt sao? Cổ nhơn nói: “Trước ngộ sau tu”, đó là sau khi ngộ chính nên tu hành. Cổ Đức nói: “Người học nếu được một niệm, chóng khế hợp với tự tâm, đó là diệp ngộ. Nhưng vẫn còn có chủng tử ác huân tập tử vô lượng kiếp đến nay gọi là hiện nghiệp lưu thức. Sau khi đã ngộ được đạo lý, trong mười hai thời, miên miên mật mật trừ sạch hiện nghiệp lưu thức, gọi đó là tu, chẳng phải bỏ cái ngộ này ra ngoài, lại có cái tu.

Tịnh trừ hiện nghiệp tức là tùy duyên tiêu nghiệp cũ, toàn nhờ vào công của ngộ mới có thể có sức trừ sạch thói ác. Nếu chỉ tin suông, lấy gì để tiêu thói xấu. Chỗ nói nghi tình tham cứu... chính là công phu trừ sạch hiện nghiệp, nếu lúc chưa ngộ phải tham cứu chỗ khởi của nghiệp tập lưu thức. Kinh nói: “Ngồi yên lặng trong núi rừng quán tự tâm trôi chảy...”

Nếu đã ngộ rồi, thì chỗ khởi của thói ác,

một phen chiếu đến liền tiêu, tự nhiên như mảnh tuyết trên lửa hồng.

Ngộ rồi tiêu nghiệp cùng với công phu lúc chưa ngộ, hơn nhau như ngày với kiếp, chẳng thể nói đồng ngày vậy.

Hỏi: Tham thiền tâm có lúc các niệm chẳng sanh. Thoại đầu liền đề chẳng khởi, đề cũng chẳng rơi. Lúc ứng duyên, nếu quản đới (đeo mang) lại bị cổ nhân quở trách, mặc kệ thì chẳng thể tiếp tục, chỉ là động tịnh hai bên, làm sao đưa lên tham cứu để chóng được tương ứng?

Đáp: Khi nói tham thiền tạm có lúc các niệm chẳng sanh, nghĩa là chẳng phải thật chẳng sanh, mà là chỗ thoại đầu đắc lực. Chỗ đắc lực này chẳng thể thường, lâu, đến lúc gặp duyên liền mất, hoặc nếu bị cảnh giới làm dao động, tự nhiên động tịnh hai bên, nên khởi diệt không dừng vậy. Nếu quả có thể dụng tâm, thì ngay lúc một niệm chưa sanh ra sức, lâu dần sẽ thuần thực, như thể bản thể của một niệm không sanh hiện tiền, thường quang rõ rệt, sáng tối không dời đổi, động tịnh nhất như mới làm thành một phiến. Đến đây, ứng duyên chẳng cần quản đới, thuận vật hợp đạo. Há có ý cổ như quở trách cái vô sanh chơn thật sao? Về công phu tham thiền, nếu ngay lúc một niệm chưa sanh mà ra sức đề cứu tự nhiên chóng được tương ứng. Nếu đem tam muội “ánh chớp” (lôi quang) cho là được, thì cuối cùng rơi vào hang của thức tình.

Hỏi: Vĩnh Gia nói: “Ai vô niệm ai vô sanh?”  
Vân Cư Tề nói: “Chẳng dứt phân biệt, chẳng bỏ tướng tâm”. Dường như sau khi ngộ, có tướng có

niệm. Còn Dũng Tuyền nói: “Chẳng cho tẩu tác”. Ngưỡng Sơn: “Thiên quý bất tri” và Thạch Sương: “Một niệm muôn năm”...

Lại hình như sau khi ngộ không có tướng niệm, chẳng lẽ ứng duyên thì có, lia duyên thì không? Hai nghĩa có không, mong được giải quyết?

Đáp: Người xưa ngộ tức là vọng tướng, vọng tướng tức là ngộ, nguyên không phải là hai loại. Người mê ngồi trong vọng tướng nên mong diệu ngộ, toan nói là có cái ngộ riêng.

Kinh Lăng Già nói: “Chư thánh từ trước lần lượt truyền trao, vọng tướng không có tánh, há có hai sao? Chỉ là lúc mê dùng vọng tướng, lúc ngộ dùng tự tâm, há có sau khi ngộ lại khởi vọng tướng sao?

Hỏi: Vĩnh Minh nói: “Trước do nghe, hiểu mà tin rồi vào. Sau lấy vô tư khế đồng (không riêng tư để khế hợp), một lần vào cửa tin, liền lên địa vị Tổ”. Phàm Tổ vị rất sâu, nghe hiểu làm sao có thể lên liền? Huống như Vân Môn “đã thấu pháp thân”, hay Động Sơn “tất khiến dứt ý thức” là chứng, chẳng phải hiểu. Chỗ hiểu xứng là Tổ vị này, chắc có nghĩa sâu xa?

Đáp: Kinh có **Tín giải hạnh chứng** là bốn cửa. Hiểu thì có cái hiểu của giải ngộ và cái hiểu của tri giải. Nếu như nghe mà tin nhập là việc của tri giải. Còn như Linh Vân thấy hoa đào, Hương Nghiêm nghe chạm trúc chóng rõ tự tâm, đây là cái hiểu của giải ngộ, một lần hiểu liền suốt được tự tâm, tức đem chữ “hiểu” mưa bỏ, nghĩa là vào

cửa này rồi, chẳng còn tri giải liền xứng Tổ vị. Nếu nghe việc trong nhà của người khác, hiểu được rồi cho là mình có, há có thể xứng là Tổ sư? Đã thấu nhập pháp thân nếu bóng dáng chẳng quên, chính là rơi vào thức tình, hoàn toàn còn tri giải, thế nên Cổ nhân chẳng quý nó. Nếu chơn thật ngộ không chỉ hiểu mới xứng là Tổ, mà ngay lúc mới phát tâm tức được Bồ-đề. Há có thể cùng tri giải đồng sao?

Hỏi: Sơ Tổ dạy Lăng Già để ấn tâm, Hoàng Mai khiến tụng Kim Cang mà kiến tánh, Câu Chi tụng Chuẩn Đề, Thủ Sơn trì Pháp Hoa, thì dường như tham thiền chẳng ngại việc trì tụng. Được Sơn chẳng cho xem kinh, Triệu Châu chẳng thích niệm Phật, cho đến Cao Phong nói: “Thoại đầu miên mật liền là một quyển kinh không dứt”, lại hình như cấm tuyệt tụng trì, mà quý ở chỗ đưa lên tâm ấn.

Đến sau lấy tham thoại đầu làm chính, kiêm trì Hoa Nghiêm và niệm Phật làm thời khóa. Nay muốn ngưng khóa này, duy tham thoại đầu, chỉ còn nguyện lực, chưa biết được không?

Đáp: Sơ Tổ và Tổ Hoàng Mai lấy Lăng Già và Kim Cang ấn tâm là vì đạo thiền mới đến sợ người học dụng tâm sai lầm, nên lấy kinh ấn cho chính tâm, không đến nổi lầm lẫn, chẳng phải đem kinh làm cái hiểu của mình.

Câu Chi trì Chuẩn Đề là dùng chú làm thoại đầu tham cứu, cũng theo duyên mà vào. Như Thủ Sơn tụng Pháp Hoa, là sau khi ngộ rồi dùng làm Phật sự, tức chỗ nói “Tâm ngộ chuyển Pháp Hoa” chẳng phải lấy tụng kinh làm công hạnh.

Còn không cho xem kinh niệm Phật chính là sợ người học mê mất tự kỷ, lấy làm pháp thực để hội. Như người tham thiền, lúc chưa ngộ, chẳng ngại trì tụng để mượn pháp lực gia trì, dùng làm trợ hạnh như ba kỳ sám hối. Cổ nhân tất chẳng thể thiếu. Nếu ngộ rồi tụng kinh thì chữ chữ tâm quang, bày lộ đều là diệu hạnh. Há so với bọn noi theo giấy mực, chim xuân kêu ngày sao?

Hỏi: “Chỉ lo không thành Phật, chớ buồn Phật không biết nói”, người xưa dạy thế. Người học đời nay chẳng vụ chân tu mà lo cơ phong, chuyển ngữ, làm vậy. Nhưng tự biết chưa ngộ, thì tha thiết nhắc nhở. Chỉ vì kiến địa chưa sáng sợ là tu mù luyện đui, nên giữa thầy trò, bạn đạo cần hỏi đáp thù xương. Đây chẳng lẽ hại ư? Hoặc giả sức học chẳng rành thương lượng, tất đợi ngộ rồi mới thốt lời thì kiến địa còn thiếu sót, từ đâu mà khởi hạnh? Hướng việc đào luyện lý tánh, quyết trạch đúng sai, như ba lần lên, chín lần trèo, vì một câu mà đi ngàn núi, đều ở khi chưa ngộ?

Đáp: Thời xưa người ngộ tâm gọi là người mắt sáng. Nếu bậc tác gia gặp gỡ, như hai gương chiếu nhau, chẳng câu nệ có lời hay không lời, tự nhiên chạm mắt đạo còn, chẳng cần nhất định phải thù tạc cơ phong, tranh hơn cho là cao. Người học về sau, cuồng vọng ruổi rong, miệng lưỡi lanh lợi, thật chẳng đủ lấy. Nếu là tham học có nghi thì trước người sáng mắt nên chân thành thỉnh ích, bày lộ bốn tâm. Như thế cũng chẳng phải gặp gỡ qua miệng lưỡi. Đến như rộng tham bậc tri thức, chỉ vì quyết trạch tâm này. Đâu ngại lời nói rơi trên cỏ, quanh co, thương lượng bình

thực mới là bốn sắc của đạo nhân. Nếu vụ cơ phong ứng thù thì là việc đầu cửa cuối song, chẳng phải chơn thật. Người chơn tham thực ngộ quyết chẳng rơi vào đây.

Hỏi: Người thấy tự tánh, được tự do đối với sanh tử làm chủ được, có thể chuyển nghiệp lúc lâm chung. Chư Tổ kia được tự do thì chẳng loạn, còn Thảo Đường Thanh, Thiền sư Ấn... sao cách đời lại mê? Há ngộ có cạn sâu, tu tập có nặng nhẹ ư? Hay cũng là đại bi tăng thượng, vốn cao thượng mà dấu vết thấp thỏi nhưng người không tự biết chăng? Không thế thì người học đâu còn tin ở pháp môn kiến tánh được?

Đáp: Cổ nhân nói: Một lần ngộ liền thoát sanh tử, tức là ngộ tự tánh pháp thân. Còn có hạt giống tập khí vô minh nhiều kiếp là nhân khổ sanh tử, chưa chóng hết được, nên phải nhiều kiếp tu hành mới thành Phật đạo. Lại như Bồ Tát Thất Tín, đã ngộ tự tánh, địa vị lên bậc bất thối, lại trải qua bốn mươi hai vị, dần dần dứt tập khí vô minh, mới thành Phật đạo, há có thể đem cái ngộ của thất tín liền cho là cứu cánh thoát sanh tử? Thì biết biến dịch sanh tử vẫn cùng với cái khổ nhỏ nhiệm tương ứng. Nên nói: “Bồ Tát có cái mê cách ấm”. Chỗ nói chuyển nghiệp chỉ là đạo lực thù thắng nên có chuyển mà chẳng phải nhất định tiêu được định nghiệp. Thực ngộ có cạn sâu, tập có dày mỏng, nhưng sau khi ngộ, ở trong sanh tử mà chẳng bị sanh tử giam giữ, đến đi tự tại, nên gọi là biến dị sanh tử. Người ngộ tâm này ở trong sanh tử, dù mê cũng dễ giác, ắt chẳng đến nỗi quá điên đảo. Kinh nói: “Một phen thành

thể vàng ròng, chẳng trở thành quặng nữa”. Há nên lo lắng sẽ mê lại, mà coi thường pháp môn kiến tánh. Nếu vốn cao mà vết thấp, lại chẳng lặn ở đây. Nhưng Phật chẳng thể thoát định nghiệp thì chẳng phải lỗi của ngộ tâm vậy.



## **Đáp Cáp Giác Đoạn Huyền Nhiên**

Hỏi: Chân tâm viên diệu, chưa có ai chẳng do ngũ ấm làm chướng sự nhập vào đất Như Lai, chưa có ai chẳng do phá trừ ngũ ấm mà thành. 55 vị trong Lăng Nghiêm thứ lớp rất tường tận. Từ cạn đến sâu, ắt do phá ấm nọ mà sau leo lên địa vị kia, lấy sự phá chướng để đối với thứ bậc. Chư gia hiểu còn chưa được rõ ràng, hướng là chỗ học vấn khó nghĩ đến, tìm tòi khó đến được. Chẳng lẽ bỏ qua sao? Kinh nói: “Người thọ ấm dứt rồi, tuy chưa được lậu tận, tâm không còn vướng vào hình tướng, từ thân phàm phu này, trải lên sáu mươi thánh vị của Bồ Tát, có thể thấy phá sắc ấm, chắc chắn ở ba thứ lớp không còn gì nghi nữa. Vả lại tu tập chơn thật, các công tăng tiến đều tại sắc thân mà khởi. Sự phá sắc ấm, nhất nhất đều có thể tỏ ra. Riêng đem thọ, tưởng... nhiếp vào trong sáu mươi vị, vẫn chưa phân biệt chắc chắn. Mà kinh nói: “Lại vì thức ấm nếu hết



như trong bình lưu ly sạch sẽ đựng mặt trăng báu”. Như thế là vượt hàng thập tín. Có thể thấy ngũ ấm gồm trong thứ lớp (tu hành) chỉ là vì người sau chưa để ý đến. Ấm kia chưa dứt thì chẳng thể siêu thập tín. Ấm nọ chưa tan thì chẳng thể siêu thập trụ... Đến khi thức ấm tiêu mất, sáu mươi vị thứ mới siêu. Nay nếu nói: “Phá ấm là việc của phá ấm, đâu cần quy hết về sáu mươi vị, vị thứ là riêng của vị thứ, đâu cần quy hết về phá ấm” thì, có hai cửa vậy.

Lại nữa, trải qua các địa vị mà không cùng nhập vào ngũ ấm, thì trong thứ lớp tu sẽ thiếu công phá ma, thứ lớp chẳng thành thứ lớp. Phá ấm mà không cùng nhập vào Tam hiền, Thập thánh thì trong phá ấm thiếu vị thứ tu chứng, thì phá ấm chẳng thành phá ấm. Mong Thầy mỗi mỗi phân tích giảng rõ mở cái chấp mê của con. Nay bọn cướp tông đoạt án, chỉ quý mắt sáng chẳng quý thực hành, bảo là đi trên đảnh Tỳ-lô, còn có ngũ ấm nào? Có thứ lớp nào? Thật là đại vọng ngữ, tai hại vô cùng. Ngay đến Tổ đặc đạo của tông môn cũng nói: “Một xong, tất cả xong, chẳng trải ba kỳ kiếp”. Nay chẳng bàn về thần thông của thập địa, chỉ như Bồ Tát thập trụ tùy tâm nguyện có thể đạo mười phương, chỗ đến tùy nguyện, các bậc cao hiền truyền đăng (nhà thiền) có thủ đoạn này không? “Lúc mới phát tâm liền thành Chánh giác” e mới thuộc trong sơ càn huệ, chưa chắc là hậu tâm Kim Cang càn huệ. Kế đó lại thấy Cổ Sơn chủ, bài văn “thức ấm tan, các căn hồ dụng” tức Viên giáo trong giới thất tín, tương tự tứ hoặc đã hết, có thể vào Kim Cang càn

huệ, từ địa vị tương tự siêu nhập hậu tâm Đẳng giác.

Thiên Thai nói rõ Viên giáo: “Người lợi căn một đời có thể siêu nhập đến Thập địa” cũng phù hợp với ở đây. Vừa nghe văn này bất giác vỗ tay nói: “Thức ấm nếu hết, như thế là siêu Thập tín, Thập trụ, Thập hồi hương, Thập địa, Đẳng giác... Chữ “siêu” là chẳng trải qua 55 địa vị vậy. Thế thì từ ba thứ lớp về sau tức phá ngũ ấm. Ấm nếu phá thì 55 địa vị có thể siêu hết chăng? Nếu thế thì ngoài “hành bố” (thứ lớp tu tập) có một loại pháp môn khác, mong Thầy chỉ dạy rõ cho con. Nhà nông mắc hạn mong mưa, một ngày xem như một năm, lần thỉnh ích này, càng thêm thiết tha sâu xa, mong Thầy chớ tiếc sự giúp đỡ quý báu này.

Vũ Xương Đoạn Nhiên cúi lạy.

Đáp: Đọc đến chỗ hỏi Lăng Nghiêm phá ấm có cạn sâu, cùng 55 vị đối nhau đồng hay khác. Đây là chư Phật và Bồ Tát trụ trong tam-ma-địa (định), cảnh giới thân chứng, chẳng phải phàm tình có thể vọng lường. Nghĩa này chư sư ngày xưa cũng chưa nghi đến. Ngay Tông Cảnh tuy nghiên cứu tột cùng tánh tướng, nhưng cũng chưa bàn đến đây. Và người học một cách đại khái nên cũng chưa thể lưu tâm. Riêng tôi (sơn dã), thông suốt nghĩa chỉ ở ba thứ lớp và văn kết vị, tuy có phát huy một chút, cũng chưa tường sự phối hợp các vị thứ; những câu hỏi trên có cái thấy rất sâu! Tôi (sơn dã) thô thiển tối tăm, lại thiền định chưa sâu, ngũ ấm chưa phá, nên cảnh giới trong định đâu dám đối nói. Cư sĩ vì pháp mà có tâm thiết

tha, ý hỏi thành khẩn, nên tôi chỉ dám y theo thánh ngôn lượng, lược trình bày khái quát.

Chỗ nói ngũ ấm là tất cả chúng sanh đều chịu cái khổ cụ (dụng cụ chịu khổ) sanh tử. Đối với bậc tu hành, chưa có ai không phá ngũ ấm mà có thể vượt sanh tử, nên Như Lai ra đời chăm chăm chỉ cốt phá cái dụng cụ ngũ ấm sanh tử của chúng sanh, tức thời giáo một đời đều bàn về phá ấm. Tản mạn trong năm thời không đâu không thuyết, nhưng chưa có thứ lớp. Duy chỉ có một cuốn kinh Lăng Nghiêm, thâu hết thời giáo một đời, thống nhiếp nhân quả tu chứng mê ngộ, đủ hết hai đường thánh-phàm để tiện cho người tu hành làm một đường Niết-bàn môn. Nên vị thứ tu chứng đầu đuôi nêu tường tận. Hơn nữa lại đặc biệt nêu ra cảnh giới phá ấm trong định.

Vì kinh này, người chơn thật tu hành chuyên lấy một cửa thiền định thâm nhập mà dùng phá ấm để nghiệm sự cạn sâu. Nên vị thứ chẳng đồng với Hoa Nghiêm, Anh Lạc... thuyết. Vì Hoa Nghiêm tròn đầy biển quả, một vị đầy đủ tất cả vị, tuy bày thứ lớp, chẳng thuyết đoan chứng, cốt ở chỗ mượn thứ lớp để hiển viên dung. Nên “Lúc mới phát tâm liền thành Chánh giác”, là lấy quả giác làm nhân tâm. Trong kinh Anh Lạc, tuy vị thứ rành rẽ, mà ý ở chỗ phân đoan, phân chứng, nên theo kiến-tư, trần sa, vô minh để định thứ lớp tu chứng (hành bố). Như chỗ giải thích của Thiên Thai, kinh này cùng hai kinh kia rõ ràng không đồng.

Riêng theo Lăng Nghiêm đại định đốn ngộ tiệm tu nên lấy tâm không sanh diệt làm gốc tu

nhân. Thì trước ngộ chân tâm diệu viên làm gốc phát tâm, nghĩa là dùng tâm này dứt dần tập khí để định vị thứ cận sâu. Chính trong Khởi Tín Luận: “Phát tâm tu hành lấy ngộ chơn như làm gốc”. Đến chỗ đoạn hoặc, luận lại phân nhiều y theo đoạn chứng của tướng tông, riêng theo lục thô tam tế để định vị thứ. Đây là trước ngộ sau tu. Nên luận lấy phá hoặc để định vị thì dễ rõ. Kinh này lấy phá ấm để định vị thì khó hợp. Vì sao? Nếu theo luận thì Tín vị đoạn chấp thủ, kế danh tự, khởi nghiệp là ba loại hoặc thô. Tam Hiền đoạn trí tướng, tướng tục là hai hoặc: tế trong thô và thô trong tế. Từ Sơ địa đến Thất địa đoạn Hiện tướng trong tam tế. Bát địa đến Đẳng giác đoạn Chuyển tướng. Kim Cang tối hậu đoạn Nghiệp tướng. Trong kinh này, vẫn nói rõ về đoạn và chứng. Nay nếu lấy ngũ ấm đối với hoặc, hợp vị thứ cao thấp, thì nghĩa kinh phần lớn chẳng đúng vậy.

Vì kinh có nói rõ: “Lý phải đốn ngộ, nương ngộ đều tiêu”. Đây không trải qua các vị. “Sự phải dần trừ, nhân thứ lớp mà hết”. Đây lại căn cứ theo sự đoạn để xác minh vị. Theo kinh này thì trước ngộ sau tu, chính là phù hợp với nghĩa luận vậy. Nếu theo nghĩa luận, trước đoạn hoặc nghiệp tại Tam hiền, sau đoạn vô minh thì đẳng địa, như thế cùng kinh này có khác chút ít. Tướng tận văn kinh này trong ba thứ lớp, tức được vô sanh pháp nhãn. Từ đây tiệm tu, an lập thánh vị. Nhưng vô sanh pháp nhãn là đẳng địa, đã chứng chơn như bình đẳng, mới được nghĩa này. Ý kinh lấy trong ba thứ lớp chuyên dùng chơn như làm gốc hạnh.

Lại nói:

*Ngược dòng toàn nhất  
Quốc độ mười phương  
Vị như lưu ly  
Sáu dụng chẳng hành  
Rõ ràng thanh tịnh  
Trong đựng trăng báu.*

(Phản lưu toàn nhất  
Thập phương quốc độ  
Thí như lưu ly  
Lục dụng bất hành  
Kiểu nhiên thanh tịnh  
Nội hàm bảo nguyệt.)

Đoạn văn sau nói: “Thức ấm nếu hết, như lưu ly sạch, trong đựng trăng báu”. Như thế là vượt Thập tín cho đến Đẳng giác viên minh nhập vào biển Như Lai Đại Trang Nghiêm. Lấy lời này của Phật làm chứng, thì ở trong ba thứ lớp đã vượt các vị, ứng với lúc trước chưa đăng vị, đã phá thức ấm, chẳng đợi đến tương tợ tín vị, lại đâu dám vọng đem phá thức ấm thứ lớp phối hợp các vị sao? Xem kỹ ý Phật, thì chẳng đúng vậy.

Nghĩa chính của kinh này phần lớn cùng các kinh không đồng. Vì các kinh tùy thời tùy cơ bàn nghĩa một đoạn trong tu chứng, chỗ phá hoặc cũng tùy cơ mà tùy chỗ nghiêng nặng, tức là thuốc ứng với bệnh trong một lúc. Kinh này gồm hết thời giáo một đời. Không cơ nào chẳng nhiếp, coi trọng chỗ chuyên phá cội gốc sanh tử. Chuyên chỉ tập khí dâm dục là gốc rễ sanh tử. Đại định là dụng cụ phá địch... nên kinh đặc biệt đưa ra hai loại vô minh phát nghiệp và nhuận sinh,

là đem đại định phá ngay tám thức căn bản vô minh mà dùng định chặt đến cùng. Dù bát thức chưa phá mà kiến-tư hoặc, trần-sa hoặc tự nhiên (nhậm vận) rơi trước. Đến như dùng tâm bất sanh diệt làm gốc tu nhân, chính là dùng tâm Kim Cang làm gốc thiền định. Nên kinh nói: “Đây gọi là Diệu Liên Hoa, Kim Cang Vương Bảo Giác”.

Do đây quán thì lúc mới tu định, ở trong ba thứ lớp, lấy định nghiên cứu tận cùng đá phá bát thức, thấu suốt tâm địa Kim Cang. Đây là lý tu đốn ngộ, nương ngộ đều tiêu, thì có thể siêu việt các vị vậy. Nếu nói: “Từ đây an lập thánh vị”, thì việc này phải dần trừ, nhân thứ lớp hết, tức là theo sự xâm nhập, đoạn trừ tập khí vô minh nhiều kiếp. Riêng lấy sự dày mỏng, nhẹ nặng, theo địa vị để phán định sâu cạn, cao thấp vậy. Đây là theo đốn ngộ tiệm tu, do phá ấm mà nhập vị, nguyên không có hai đường.

Nghĩa này chính cùng với Quy Sơn nói: “Nếu người một niệm chóng rõ tự tâm, thì gọi là ngộ, rồi đem chỗ ngộ trừ sạch hiện nghiệp lưu thức, gọi là tu. Chẳng phải ngoài đây có cái tu khác. Vì chúng sanh theo dòng sanh tử (dòng có bốn loại: dục lưu, hữu lưu, kiến lưu và vô minh lưu), nay trong ba thứ lớp; dục ái khô sạch, căn cảnh chẳng gặp, hiện tiền những gì còn sót chẳng sanh lại nữa, tức là đoạn ba dòng: dục, hữu và kiến.

Gọi Càn huệ địa là bảo Càn huệ này chỉ khô sạch hữu, chưa cùng với nước pháp lưu của Như Lai tiếp xúc, tức là dòng vô minh vẫn chưa khô vậy. Dòng vô minh này là dòng vô minh trong

tâm Kim Cương. Tông môn xem đó là chơn thường lưu chú.

Nên văn kết hợp các địa vị của kinh nói: “Thì biết mới được sơ Càn huệ địa trong tâm Kim Cang”. Đây nói về thứ lớp (tiệm thứ) trước được càn huệ, về sau thẳng đến Đẳng giác, lúc đó dòng tập khí vô minh trong tâm Kim Cang mới được khô vụn. Do đây mà quán thì ở trong ba thứ lớp đã phá bát thức, đốn ngộ tự tâm, từ nhập vào Tín vị về sau thẳng đến Đẳng giác thông đoạn tập khí vô minh, chính là phải dần trừ, do đó từ từ hết. Vì thế vô minh ắt phải trải qua các vị, sau đó mới hết. Vì từ trong cảnh giới chơn tịnh, khi vừa sanh một niệm vô minh, sanh tử liền khởi lên, vô lượng kiếp đến nay khởi hoặc, tạo nghiệp, đều là lỗi của vô minh vọng tưởng. Vì ở trong thời gian dài sanh tử, bao kiếp nhiễm trước ái dục, tập khí sâu dày, nên cần phải dùng tâm Kim Cương lớp lớp mài luyện, mới được trở về tâm địa cội nguồn. Cho nên từ Tín vị nói: “Viên diệu mở bày, trung đạo thuần chơn”. Cuối cùng bèn nói: “Lớp lớp như thế, đơn, kép có mười hai lớp”. Chính là nêu rõ việc đem công phu đại định này làm tiêu mòn tập khí. Lại như kinh nói: “Ngũ ấm mỗi mỗi đều lấy vọng tưởng làm gốc”. Nếu lấy phá ấm so với các địa thì kinh ban đầu trong tín văn nói: “Đem tâm này lưu nhập vào trong, tất cả vọng tưởng sẽ diệt hết không sót”. Thế thì đâu thể đem ấm mà nhập vào các vị được? Nếu đem vọng tưởng mà tu thì chẳng gọi là chơn tu. Lại trong ba thứ lớp, hiện tiền mất hết không sanh lại nữa, thì đây đã ra khỏi ba cõi sanh tử rồi.

Vấn sau nói thức ấm hết tức siêu mạng trước há chỉ phá thức ấm thôi sao? Thọ là chấp thọ tứ đại có khổ, vui... Nếu thọ ấm chẳng phá, thì chẳng được chánh thọ. Nếu tưởng ấm chưa phá, thì khó vào Xa-ma-tha (chỉ). Nếu hành ấm chưa phá, thì sanh diệt chẳng dừng, chẳng phải là chánh định. Nếu thức ấm chẳng phá, thì chưa ngộ chơn tâm, khó đứng vào các vị. Do chứng đắc như thế, thì trong ba thứ lớp đã phá ngũ ấm, quyết chẳng đem ngũ ấm đối chiếu với các vị, thật là rõ ràng, há có thể riêng phá sắc ấm! Do ngũ ấm đều phá, mới gọi là chơn ngộ. Do phá bát thức tiến tu gọi là chơn tu. Đó là phá ngũ ấm mà đốn ngộ lý này. Sau đó đối với các vị, chỉ căn cứ đại định để tiêu ma tập khí vô minh nhiều kiếp. Chính là nói sự phải trừ dần. Đến như 55 vị, các điều công đức, vì trong Như Lai tàng đủ có hằng sa công đức, xứng tánh rồi bị vô minh biến làm hằng sa nghiệp tập sanh tử, nên nay dùng tam-muội kim cương như huyền, mài luyện nghiệp tập (tập khí vọng nghiệp) hóa làm thần thông diệu dụng.

Vì chỗ hóa cạn nên vị thấp, chỗ hóa sâu nên vị cao.

Khuê Sơn nói: “Biết điều trước, điều trước là sai, gọi sau, sau mới định vị” (Giác tiền tiền phi, danh hậu hậu vị). Lấy đây mà quán đại nghĩa kinh này, chỉ lấy việc quán tâm nghiên cứu kỳ cùng, tiến phá vô minh, theo vị để xác minh sự cạn sâu của chứng nhập, thì chẳng phải phân đoạn, phần chứng có thể so sánh vậy. Do trước phá ấm mà sau nhập vị. Chẳng phải căn cứ phá



ngũ ấm để phối hợp với các vị, điều này đã rõ ràng. Đâu thể chấp cứng rằng tùy theo sự phá ấm mà xếp đặt vị thứ được? Nhưng nói “phá ấm” là vì Phật sợ các người tu hành được chút ít cho là đủ, lâm loạn tu tập, nên đặc biệt nêu rõ để ngừa tà lầm. Chẳng phải lấy đây để xác minh vị thứ. Hơn nữa thức ấm chưa phá, dễ rơi vào Nhị thừa, điều này thật dễ biết. Chỉ có Thiên môn đốn ngộ tự tâm, chóng ra khỏi sanh tử thì chẳng rơi vào giai cấp. Như thế trong ba tiệm thứ (thứ lớp), chóng phá bát thức, tự nhiên siêu vượt các vị. Nhưng Tổ sư tuy nói “siêu vượt” là chỉ nói pháp thân Phật thôi, chưa hẳn đủ có tướng quang trang nghiêm, thần thông diệu dụng. Nghĩa là chư Phật Như Lai chưa ai không ngộ tự tâm mà thành Phật. Nếu một lần ngộ mà được vô sự ngay, thì chư Phật vì sao lại trải qua ba đại a-tăng-kỳ kiếp? Nay người ngồi trên bồ đoàn chưa ổn, muốn đem cái thông minh thế trí, ăn trộm công án cổ nhân, tự khoe tri kiến, vọng nói chứng thánh, tự cho siêu Phật vượt Tổ, thật là người tăng thượng mạn, chưa được mà nói được, đọa đại vọng ngữ chẳng đáng sợ sao? Bọn này há có thể đem phá ấm hay chẳng phá ấm cùng với bậc chơn tu ra so sánh ngang hàng sao? Vừa rồi đi về phía Đông, thấy thiền giả rất nhiều, mà người rơi vào thượng mạn chẳng ít, tôi (sơn dã), đặc biệt nêu phá ấm để ấn chính. Người nghe hổ thẹn mà phục, có thể bẻ gãy cái tà. Thấy cư sĩ (bạch y) bàn thiền, phần nhiều rơi vào bệnh này. Bây giờ nếu chơn thật tu hành, chỉ lấy ba thứ lớp (giai đoạn) thực hành, chỉ tự tâm, quyết một phen mau ra khỏi sanh tử là việc gấp. Nếu tự tâm một lần sáng, thức ấm phá

được thì bốn ấm trước, chẳng đợi phá mà tự phá.  
Lại như:

*Đưa đầu vào kiếm bén  
Giống như chém gió xuân.*

(Tương đầu lâm bạch nhãn  
Nhất tợ trảm xuân phong.)

Há sắc ấm có thể làm ngại được. Lại nói: “Lão tăng hay chuyển mười hai thời”. Lại nói: “Thở vào không ở trong ấm giới, thở ra chẳng dính các duyên”, há nằm trong thọ, tưởng, hành ấm sao? Lục Tổ lúc lâm chung tự biết chỗ đi, há chẳng phải chỗ đến tùy nguyện sao?

Như thế thì chẳng phải chỗ cho người nói bừa là chứng thánh, có thể nghĩ tới. Chúng ta chỉ quý tham cứu cho sáng tự tâm, cầu một phen ra khỏi sanh tử, chẳng cần phải bàn luận phá ấm cùng vị thứ có hợp hay chẳng hợp. Dem lý mà suy lường, lấy lời thánh chứng minh. Cái thấy dở tệ của tôi như thế đó, bậc cao minh có gì xin dạy cho.



## Tây Đường Quảng Trí

Thỉnh ích giáo thừa, có sáu điều nghi:

1- Hỏi: Cổ nhân phân giáo nói:

Song thù lưỡng tướng  
Nhị thủy đồng thời  
Sơ thuyết Hoa Nghiêm  
Bốn bị Đại thừa  
Nhị thừa tuyệt phần.

(Hai lần chỉ dạy – Hai tướng khác nhau – Hai sự bắt đầu một lúc. Đầu tiên thuyết Hoa Nghiêm – Vốn dành cho Đại thừa – Nhị thừa chẳng có phần).

Lúc chuyển Tứ đế tại vườn Lộc Uyển, Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên còn chưa bỏ tà xuất gia, cố sao trong văn kết thúc Hoa Nghiêm có Thanh văn Xá-lợi-phất... Nếu căn cứ theo văn kết thì Nhị thừa được nghe Hoa Nghiêm, cố sao trách rằng Nhị thừa không phần? Văn nghĩa đều trái nhau, mong Thầy rủ lòng phân tích rõ.

Đáp: Trong kinh nói chư Phật mười phương đồng một thân, một trí huệ như nhau nên trong cõi Phật mười phương chỉ nói pháp Nhất thừa. Do đó trong trường Bồ-đề lúc mới thành Chánh giác, Phật liền thuyết Hoa Nghiêm là pháp Nhất thừa tối thượng dành riêng cho chúng sanh đại căn, là

nói xứng hợp với thực trí mà thuyết. Đâu dè chúng sanh căn cơ bất nhất. Có cái hiểu trung, liệt, chẳng thấy nghe thì gọi là tuyệt phần. Nên tùy căn cơ hạ liệt mà Phật cảm hiện hóa thân nhỏ bé, có tám tướng thành đạo ở Lộc Dã Uyển nói pháp tam thừa. Nghĩa là pháp thân chân thật của Phật giống như hư không, ứng vật hiện hình như trăng trong nước. Vì chỉ tùy cơ cảm nên hiện thân như vậy. Chỗ thuyết pháp là dùng quyền trí phương tiện.

Trên hội Hoa Nghiêm, trong rừng Thệ Đa, Tượng vương của Văn-thù xoay mình thì Xá-lợi-phất... và sáu ngàn Tỳ-kheo thành đạo ngay dưới lời. Đó cũng là Bồ Tát địa thượng gọi là Đại A-la-hán. Nay Phật đã hiện ứng thân nhỏ bé, thị hiện sanh trong nhân gian mà các ngoại đạo chấp chặt ngã kiến, chưa dễ nhiếp hóa, nên Xá-lợi-phất... cũng tùy hiện tướng Thanh văn, phụ giúp tuyên dương Phật pháp giáo hóa để gây ảnh hưởng đến mọi người. Chỗ nói những người “nội bí ngoại hiện” chẳng phải là thực Thanh văn. Còn trách nhiệm thừa không có phần là trách Thanh văn thực hành chấp tướng mà Xá-lợi-phất... chịu nghe quả trách. Chính là phương pháp đánh trống thổi tiêu để giáo hóa vậy. Giống như trên sân khấu, mỗi người một vai để diễn tả tình tiết buồn vui, lia hợp. Đến lúc văn tuồng thì không dính dáng gì với mình cả. Nên Bồ Tát lợi sanh như đùa chơi vậy: điều hòa mà ứng, ngẫu nhiên mà hợp. Há là pháp thực sao?

2- Hỏi: Trong kinh Hoa Nghiêm, Phổ Nhân chẳng thấy Phổ Hiền, như thế ba phen nhập định,

xem khắp tam thiên đại thiên thế giới cũng chẳng thấy. Liền đến bạch Phật, Phật dạy: “Ông trong tam-muội lặng lẽ, khởi niệm sẽ thấy”. Phổ Nhân vừa khởi một niệm, liền thấy đức Phổ Hiền ở trong hư không.

Nếu thân Phổ Hiền là nhất chân pháp giới, đáng lẽ ở trong tam-muội thấy được, cố sao lại chẳng thấy. Nếu Phổ Hiền là thân sắc tướng, lúc chưa nhập định phải thấy. Cố sao Phật dạy khởi niệm mới thấy?

Đáp: Pháp thân vô tướng, dù cho Phổ Nhân cũng chẳng nhìn thấy. Ở trong định, cầu mà chẳng thấy. Vì pháp thân không có kia, đây để có thể thấy lẫn nhau. Thì biết có thể thấy là cửa thứ hai, nên khởi niệm mới thấy.

### 3- Hỏi: Trong Khởi Tín Luận:

Chân như huân bên trong nên có vọng tâm, rồi chán khổ sanh tử, mong cầu Niết-bàn. Vọng tâm có hai:

- Phàm phu, Nhị thừa nương sự thức huân tu.
- Bồ Tát nương nghiệp thức huân tu.

Nay người học tham cứu, chỉ nương sự thức, chẳng thể nương nghiệp thức. Tham thiền vốn là pháp môn Đại thừa, nếu y sự thức mà tham thì trở thành hạnh quả phàm phu, Nhị thừa. Nếu lúc tham, hai thức cùng dùng thì lại trái lời cổ nhân nói: “Lìa tâm, ý, thức mà tham”. Mong Thầy rủ lòng khai quyết.

Đáp: Kinh thuyết phàm phu, Nhị thừa nương sự thức tu. Bồ Tát nương nghiệp thức tu là căn cứ chỗ nương thức phát tâm thủ chứng vậy. Nay

người tham thiền phát tâm, tuy từ sự thức mà dùng chỉ cốt phá ngay thùng sơn nghiệp thức, thấy thẳng một lần hưởng thượng trước lúc chưa mê. Chẳng rơi vào hang ổ của hai thức. Nếu được chút ít cho là đủ thì chẳng thể lia tâm, ý, thức vậy.

4- Hỏi: Cổ nhân nói: “Chẳng quý chỗ thực hành (hành lý) của ông, chỉ quý kiến địa của ông”. Lại nói: “Kiến địa chẳng sáng, rơi xuống hầm hố”. Nay các nơi giải nói có hai:

- Thuyết học rộng kinh luận, nương chỗ hiểu gọi là kiến địa.

-Thuyết sau khi ngộ sáng rồi mới là kiến địa.

Nếu học hiểu là kiến địa, cứ sao tông môn chẳng cho xem kinh? Nếu sau khi ngộ mới là kiến địa thì nay người sơ tâm thực hành lấy pháp nào làm kiến địa để tránh khỏi tai họa rơi hầm?

Đáp: Hiểu là kiến địa có ba loại chẳng đồng: có học hiểu, có tin hiểu và có ngộ hiểu. Nếu theo lời dạy, hoặc trên công án Tổ sư hiểu được chỗ cứu cánh của Phật Tổ chẳng rơi lối tẻ. Đây gọi là học hiểu, nghĩa là nương địa sinh hiểu.

Lại có người chưa gần ngôn giáo, nhưng chỉ quyết định tin tự tâm, trọn không một vật. Đó là tin hiểu (tín giải).

Nếu tham cứu, một sáng rõ được bốn hữu đây là ngộ hiểu (ngộ giải).

Ba cái này đều gọi là kiến địa. Nếu nương theo cái khác mà hiểu đều rơi vào chướng tri kiến. Còn tin hiểu như vậy, cũng cần tu tập để đến chỗ thực chứng. Còn ngộ giải tuy một niệm đốn ngộ

còn có hoặc chương vi tế từ vô thủy cũng cần trừ sạch.

Ba kiến địa này tuy quý, nếu chẳng thực hành, trọn khó được cứu cánh. Nay, cổ nhân quý kiến địa chỉ lấy căn khí làm gốc. Chẳng phải hoàn toàn không thực hành. Lời nói một lần của cổ nhân chẳng thể cho là thực pháp để hội.

5- Hỏi: Cổ nhân nói: Tham cứu ở chỗ bữa củi, gánh nước, hành cước mà tham. Nay người học cốt ở ngồi yên lặng. Công tham có sức. Nếu ở trong bốn oai nghi cùng vật giao tiếp, tâm niệm bay nhảy thì thoạt đầu chìm mất. Nếu chỉ tĩnh tọa thì lại trái với sự luyện tập của cổ nhân. Nếu cùng vật giao tiếp thì trọn ngày tán tâm. Làm sao khiến người học trong nhật dụng, động tĩnh không trái nhau?

Đáp: Cổ nhân hành công phu, cốt ở đi, đứng, nằm, ngồi, trong bốn oai nghi khán giữ, chẳng phải dạy ông ngồi chết khô. Vì mới vào thiền, tâm phần nhiều tán loạn, quấy động, mới phải ngồi yên nhiếp tâm. Kỳ thực cốt đem việc làm trong tĩnh lặng đi vào chỗ động nghiệm xem thể nào? Nếu dụng tâm miên mật tự nhiên động tĩnh như một, làm thành một mảnh. Nay đối cảnh tâm niệm bay nhảy, là đối với thoạt đầu toàn không đắc lực. Há là người chân tham sao? Nay chỉ cần thoạt đầu đắc lực, chẳng câu nệ động tĩnh, tự nhiên chẳng bị chúng chuyển.

6- Hỏi: Kinh nói: “Tâm, Phật, chúng sinh cả ba không sai khác”. Lại nói: “Cõi Phật đồng, cõi chúng sanh đồng”. Lại nói: “Độ hết chúng sanh mới thành Phật đạo”. Nếu chúng sanh và Phật

bình đẳng, Phật không có nghĩa độ sanh. Làm sao độ hết chúng sanh mới thành Phật đạo? Nếu Phật, Bồ Tát độ hết chúng sanh, cõi Phật dường như tăng dần, cõi chúng sanh dường như giảm dần. Làm sao bảo chúng sanh và Phật bình đẳng?

Đáp: Tâm, Phật, chúng sanh xưa nay bình đẳng vì chúng sanh là chúng sanh trong tâm Phật, nên Phật độ chúng sanh của tự tâm. Nếu tướng chúng sanh đã không, tức là độ tận chúng sanh, tức thành Phật của tự tâm. Dù một tâm đều làm chúng sanh, thì chúng sanh tự làm chúng sanh của tự tâm, mà cõi Phật chẳng giảm. Dù cõi chúng sanh hết, chỉ là tiêu hết mỗi mỗi cõi chúng sanh, vì tâm bình đẳng nên cõi Phật cũng chẳng thêm. Phật quán cõi chúng sanh không. Nếu chúng sanh tự tâm chẳng không thì chúng sanh cũng chẳng giảm. Ví như bầu trời mây mù, u ám, hư không cũng chẳng giảm, mây tan sương tiêu, hư không cũng chẳng tiêu, mà thể hư không vẫn lặng lẽ. Thế thì cõi Phật há có tăng giảm sao?





## **Đáp Đại Khiết**

Có sáu câu:

1- Hỏi: Người trì luật nói: Mới học không biết trì luật e cử động sai lầm. Thọ giới có thứ tự quyết không nên mãng liệt. Nhưng trong đây Đại, Tiểu thừa quyền thực ứng dụng. Tuy căn cơ nhân nơi lợi, độn, tùy cận sâu không phải là không có tệ đoan, may có nêu ra quĩ tắc để khiến người lãnh lợi kính mộ tuân theo và người độn căn bắt chước hay chăng?

Đáp: Phật thiết giới, bộ Luật ghi đã rõ ràng. Bổn ý vì chúng sanh có tám vạn bốn ngàn phiền não nên đặt tám vạn bốn ngàn luật nghi làm thuốc trị bệnh. Muốn khiến bệnh phiền não tiêu trừ, pháp thân được thanh tịnh. Vì căn cơ có lớn, nhỏ. Nên giới có ba bậc: Sa-di 10 giới, Tỳ-kheo 250 giới, Bồ Tát 10 giới trọng, 48 giới khinh. Vì hai loại giới Sa-di, Tỳ-kheo là nhân sự mà đặt nên gọi là giá giới, nghĩa là ngăn dứt lỗi lầm. Tuy Đại, Tiểu thừa đều tuân theo mà phần nhiều vì Tiểu thừa chỉ chấp thân không hành; có người có thể

chấp tâm chẳng khởi tức là Đại thừa, cũng ở sự tướng mà đặt giới. Đến như kinh Phạm Võng nói giới 10 trọng, 48 khinh, gọi là tánh giới, là báo thân Phật Bản sư Lô-xá-na thuyết; pháp môn tâm địa của chư Phật, gọi là Kim Cang bảo giới, trao cho Thích-ca Văn Phật lần lượt truyền hóa, nói tánh giới nghĩa là liễu đạt tự tánh thanh tịnh, xưa nay chẳng nhiễm, chóng ngộ pháp thân thanh tịnh sẵn có, tánh tự đầy đủ, nên gọi là giới.

Kinh nói: “Nếu người thọ giới Phật tức nhập địa vị Phật”. Nên đức Thích-ca trong 49 năm thuyết pháp, chỉ truyền giới pháp này mà thôi. Cuối cùng niêm hoa chỉ dạy, cũng dạy giới tánh này mà thôi. Chỗ ngộ của Lịch đại Tổ sư cũng là viên thành giới quang này mà thôi. Nên quán tất cả chúng sanh, hạt giống Phật tánh xưa nay bình đẳng, vì đồng đủ pháp thân bình đẳng. Lấy Phật tánh mà quán chúng sanh thì phạm khởi một niệm sát, đạo, dâm, vọng cho đến nói lỗi của tứ chúng, tự khen mình, chê người, báng Tam bảo tức đoạn huệ mạng Phật, cùng giết Phật không khác. Nên kể khoa 10 tội nặng. Nếu đem pháp thân bình đẳng mà quán chúng sanh thì không thể sát, đạo, dâm, vọng cho đến hủy báng, vậy là viên mãn chốn giới. Nhưng quan trọng là riêng tại chúng tử Phật tánh tức huệ mạng Phật, do đó chẳng những thượng căn lợi trí có thể thọ mà hoàng môn hai căn, dâm nam, dâm nữ, cho đến quỷ thần, nếu hiểu lời pháp sư đều kham thọ lãnh. Chỉ cần tin chúng tử Phật tánh của tất cả chúng sanh tức là pháp thân bình đẳng. Nếu có thể quán như thế, thì đối với tất cả việc làm trước

mắt hàng ngày, cảnh giới gặp gỡ đều là ánh giới sáng soi. Như thế chẳng những chấp thân chẳng hành mà ở sát, đạo, dâm, vọng, chạm mắt, niệm niệm Phật tánh hiện tiền, ắt chóng hóa thành khối ánh sáng (quang minh tự), há chỉ chấp tâm chẳng khởi mà thôi ư? Nhưng pháp trì giới tại giá giới đã đành là khó, đâu mối ở giữ gìn ba nghiệp, chế phục tội lỗi. Chỉ có tánh giới này mới thật khó. Cốt đem một mảnh tâm kim cương giữ gìn chẳng mất. Nếu một niệm mờ mất tức toàn thân đọa lạc. Há là việc nhỏ sao? Nên hàng sơ tâm Thập tín trong Hoa Nghiêm, trì giới này thuyết phẩm Tịnh Hạnh một trăm hai mươi đại nguyện thì chỗ dùng hàng ngày không rỉ chảy. Còn theo sự tướng đến như sơ tâm Thập trụ trì giới có phẩm hạnh quán xét lia tướng tức là phương pháp trì giới này. Sơ cơ thường trì hai phẩm kinh này, lâu dần tự nhiên tương ứng.

Nói “tệ” là tại giá giới có chấp tướng, tức là phần đông ngã mạn tự cao, có cái tệ ghét người hủy giới.

Người trì tánh giới thì có cái tệ chưa đắc nói đắc, buông lung mặc tình nhận giặc làm con. Trừ hai mối này, chẳng hỏi lợi, độn. Đều gọi là người chân thật giữ giới.

2- Hỏi: Tham thiền nói:

“Giữ luật chẳng bằng tự tánh”, trọn thuộc lầm lẫn. Muốn cầu kiến tánh không gì qua tham cứu, trong đó nghi- ngộ xen nhau, con- giặc khó đoán. Mong rủ lòng xem cho chắc để khỏi đọa hầm mê?

Đáp: Phật dạy sa-môn tu tập Giới- Định-

Huệ tam học. Luật tức là Giới học, tham cứu là Định học. Nhưng trong kinh bày định học là diệu môn Tam Quán, là đường tắt ngộ tâm. Sau nhân đạo Thiền đến, trong chỗ chỉ thẳng truyền riêng, kiến tánh là thiền mà chẳng nói định. Nhưng thiền tức là định vậy. Ban đầu Đạt-ma dạy Nhị Tổ chỉ là cái “Tìm tâm trọn chẳng được” gọi là đốn ngộ. Cho đến Lục Tổ chỉ là dạy người: “Chẳng nghĩ thiện, chẳng nghĩ ác, cái gì là bổn lai diện mục của chính mình?”. Tức từ đây câu ngược lại tự tâm liền là công phu tham cứu. Lúc đầu không có thuyết khán thoại đầu, hạ nghi tình, sau đến Hoàng Bá trở xuống mới dạy người khán thoại đầu, đem một tác công án của cổ nhân làm bổn tham, truyền nhau làm pháp thực. Kịp đến bây giờ, sư gia dạy người chỉ tham công án, chẳng cứu xét tự tâm. Nhân đây làm nghi lầm nhiều người. Nên nay người tham thiền tuy đông, chưa có được người chánh tri kiến. Hơn nữa, đem tham thiền hủy báng kinh là bởi vì chẳng phải chân thật tham thiền vậy. Riêng chẳng biết cổ nhân vì muốn người học có chỗ vào, đặc biệt dùng một lần phương tiện quyền nghi, chỉ cốt cho người biết bổn tâm mình. Phật Tổ há có hai tâm sao? Riêng chẳng biết đề thoại đầu, ngăn dứt ý căn, chẳng cho một niệm sinh diệt trôi chảy là yếu môn nhập định. Mà nay riêng làm cái tướng kỳ đặc nên phần nhiều tự lầm.

Nếu nay tham cứu thì không thể không tham thoại đầu, vì sơ tâm tán loạn khó chế phục. Cốt ở đây làm “lỗ mũi”, nên lúc chưa đề lên, phải cần trước hết đem thân tâm trong ngoài nhất tề buông

xuống, buông đến chỗ không thể buông; từ đây thông thả, hết sức đề khởi thoại đầu. Nhìn lại chỗ khởi, rốt cuộc là cái gì? Vì chưa thấy rõ tự tâm nên hạ nghi tình: “Thế nào là bốn mạng nguyên thần của chính mình?” Như thế truy cầu, gọi là tham cứu. Cần niệm niệm chẳng mê, tâm tâm chẳng đổi. Ngày đêm tựa chắc bỏ ngủ quên ăn. Hốt nhiên đậu nổ trong tro lạnh. Bốn thể một niệm hiện tiền. Đó là ngộ bốn tâm mình. Đến đây y nguyên chỉ là người thuở xưa. Lại không có một chỗ kỳ đặc mảy may nào. Nếu được một niệm hoan hỷ mà tự cho là đủ, gọi là nhận giặc làm con, hà hưởng tạo các thứ tri kiến, nói kệ, nói tụng làm của lạ ư? Cần thiết chẳng nên rơi vào lưới ma này.

3- Hỏi: Công án nói:

Thoại đầu phá nát rồi thì 1700 công án chẻ dễ như phá tre. Nhưng một tắc nếu sai lầm thì một loạt mây mù nổi dậy từ những cái phá nát trước, mới tin đó là cửa quý. Nếu chẳng biết cái tệ này mà đùa bốn tinh hồn thì tam đồ ẩn sẵn vậy.

Đáp: Người học quả có thể thấy rõ tự tâm, đến đất chẳng nghi thì cùng mười phương chư Phật, Lịch đại Tổ sư chung lỗ mũi thở ra. Lại nói cái gì là công án với chẳng công án? Việc này chẳng phải việc trên phần người sơ cơ. Hãy để riêng đó, chẳng cần để ý.

4- Hỏi: Ấn giáo nói: Người chẳng hướng trên kinh ấn chứng, thì chẳng được chánh tri kiến. Đây là lời dạy cũ của Hòa thượng. Nhưng đường nghĩa giải là tập khí cũ, tập khí cũ khó tiêu, như

dầu vào trong bún, nếu vụn nhất trong chỗ ấn có một tơ ý thức, thì người ngộ chuyển rơi vào ấm ma, rồi phát tà kiến, làm hại chẳng nhỏ. Mong chỉ bảo chỗ thắc mắc.

Đáp: Lão nhân tầm thường muốn người tu hành dùng giáo (kinh) ấn tâm. Nghĩa là vì chỗ thấy, chỗ biết của mình một bề không người sáng suốt chỉ dạy tà chánh, muốn đem kinh Phật ấn chính. Như trong kinh Lăng Nghiêm, Lăng Già, Viên Giác đều thuyết công phu thiền định là cốt yếu của ngộ tâm. Đem tự tâm đối chiếu xem. Như chỗ Phật nói ra chẳng bằng Phật không nói. Nên nói: “Lấy Thánh giáo làm gương sáng chiếu soi tự tâm”, chẳng phải đem câu lời huyền diệu trong kinh trở lại cho là cái hiểu của mình. Như chỗ hiểu của ông, chính là chẳng biết chỗ rơi của thoại đầu. Đến như chúng ta, các thứ bệnh tâm, chỉ có Phật mới bày tỏ hầu hết: như trạng thái thăng trầm bảy thứ, hình thức của năm mươi loại ấm ma trong kinh Lăng Nghiêm, tà kiến của ngoại đạo Nhị thừa trong kinh Lăng Già, Phật nói chẳng phải ít mà đâu biết sợ, còn theo ư? Ta nói ấn tâm là chỗ này vậy. Chỉ cốt lấy kinh chiếu tâm, chẳng ở nghĩa lộ (theo đường nghĩa giải). Chẳng phải chỗ nghĩa lộ đến, các thứ tập khí xưa lại chẳng chỉ ở nghĩa lộ vậy.

5- Hỏi: Xiển giáo nói: Pháp bố thí thì lớn, pháp cúng dường thì cao nhất. Do ngộ ấn giáo, tức ấn xiển giáo, tợ hồ khế hợp tri kiến Phật, chuyển Pháp luân lớn, nhưng ngộ chẳng phải chân ngộ. Do ấn tự tin, ấn chẳng phải chân ấn, do xiển dương (suy diễn) tự gánh vác, xóa sạch

các chú cước, riêng khoe cái sáng của mình. Là sư tử hay là chồn cáo: dễ đối với việc tự quấy động. Là xiển dương, là bán gièm: khó đối với sự tự tri. Mong rủ lòng phán định rõ. Xin vâng làm quy củ mãi.

Đáp: Làm đệ tử Phật, nhớ ơn Phật khó đền, chỉ có thay Phật truyền bá giáo pháp là người chơn thật báo ơn. Nên chư sư ngày xưa hoàng pháp có ba loại chẳng đồng:

\* Tự ngộ bốn tánh, khéo khéo hợp tâm Phật. Đối với lời dạy của Phật như từ trong ngực của mình lưu xuất. Tứ biện tài vô ngại. Hơn nữa, thâm nhập biển kinh, sóng bủa mông mênh, như các đại Tổ sư Thiên Thai, Thanh Lương, Khuê Phong vậy.

\* Tuy chưa ngộ tự tâm, y lời Phật dạy ấn định tự tâm, rộng dò biển giáo, như chỗ hiểu mà thuyết, chẳng lầm ý Phật. Đây tuy chưa vượt khỏi ngôn tượng mà chẳng dám vọng đem cái thấy của mình nói bừa, y theo giáo phô diễn, là như chư đại pháp sư từ trước.

\* Có chủng tử Bát-nhã huân tập sẵn như có công phu thiền định, tự sáng tâm mình, khéo khéo hợp ý Phật, chỉ chưa kinh nghiệm (quảng thiệp) nhiều, nghe nhiều, mà chính kiến chẳng lầm. Tuy có cái lỗi lấy cạn làm sâu mà không có tội hủy báng pháp. Chỗ hoàng dương đều lấy pháp thí làm tâm, chẳng cầu danh lợi cung kính của thế gian như là các lão Ôn Lăng, Tịch Âm vậy.

Đây đều là cái lớn của pháp thí. Còn có người thông minh lợi căn, chỉ cậy cái thấy của mình là được, bài xích cổ kim, rộng miệng bàn

ngang, chỉ dùng hoàng pháp làm lợi, đây chẳng những phá hoại Phật pháp, còn làm người sau làm đọa. Như thế há có thể xứng là xiển dương Phật pháp sao? Đây rõ ràng dễ thấy, chẳng hỏi cũng có thể biết.

6- Hỏi: Tụng Cổ nói: Cổ nhân ngộ rồi, tụng cổ như vẽ vờ hư không, không rơi vào sắc tướng. Nay người ngộ chưa thể triệt, vội dễ dàng tụng cổ, buông câu nghi thơ, cơ giống như hài hước, cho là lời ngộ, cảnh ngộ, như nem nướng đút miệng người. Một lần chuyển thân đọa vào loại hồ, điềm nhiên không biết sợ. Đây là lưu tệ thời mạt pháp. Chúng con dễ mắc vào hầm này. Mong ban lời khuyên ngăn, khắp nơi nhờ ơn sâu.

Đáp: Tụng Cổ từ trước đã có. Chẳng qua phát huy chỗ cổ nhân nêu sơ lược để dạy thi thiết (công việc tỉ mỉ) của môn đình. Vì làm sáng tỏ đại cơ đại dụng, và ra tay tha, bắt, giết chết, cứu sống. Chẳng phải lo nói cho đã miệng (thi khẩu tụng tình), lỡ mờ mà được. Tụng này, người xưa xiển dương giáo pháp có hai việc đều chẳng phải chỗ người sơ cơ nóng nảy làm. Đầu cần chuẩn bị. Cổ Đức nói: “Chỉ được liễu ngộ tự tâm, chẳng lo chẳng biết nói pháp”. Như thế thì người sơ tâm chỉ lấy việc tham cứu tâm, cầu sáng đại sự của mình là cấp thiết, không nên ôm cái thấy này vậy. Chúng ta nếu có thể liễu ngộ tự tâm, dù chẳng xiển dương giáo pháp, chẳng tụng cổ cũng là chơn thật xuất gia, chẳng phụ mặc áo cà-sa vậy.





## **Pháp Ngữ Tích Chiếu Khải Công Thỉnh Ích 8 Tác**

1- Hỏi: Kinh nói: “Huệ thanh tịnh vô ngại đều do thiên định sanh”. Tại sao Nam Nhạc bảo Mã Tổ rằng:

- Nếu học đạo tọa thiền, thì thiền chẳng phải là ngồi, nằm. Nếu học làm Phật, thì Phật chẳng phải là tướng định. Ở nơi pháp vô trụ, chẳng nên thủ, xả?

Hai thuyết này dường như có một đúng, một sai.

Đáp: Dưới cửa Tổ Sư, chẳng luận ngồi thiền hay làm Phật, chỉ quý kiến tánh. Nếu thấy tự tánh, rõ ràng phân minh thì không có thủ, xả. Vừa có thủ xả liền rơi vào đúng, sai.

2- Hỏi: Kinh Viên Giác nói: “Tứ đại của ta

bây giờ nghĩa là các thứ cứng, ướt, ấm, động, mỗi thứ hoàn lại đất, nước, lửa, gió. Thế thì khi tứ đại mỗi thứ chia lìa, vọng thân này sẽ ở chỗ nào? Chưa rõ thân này lúc chưa chết, mỗi thứ có lìa không? Hay đợi chết rồi mỗi thứ mới lìa?

Đáp: Cốt lúc chưa chết vứt xuống được, lúc sắp chết chẳng bị nó làm lụy. Đợi đến lúc chết muốn lìa thì khó rất khó như rùa sống lột mai. Người xưa nói: “Lúc nhàn làm, để lúc vội dùng” chính là đây vậy.

3- Hỏi: Kinh Lăng Nghiêm nói: “A-nan bạch Phật rằng:

- Từ đâu nhiếp phục gốc phát tâm để nhập tri kiến Phật?

Phật bảo:

- Các ông muốn vào tri kiến Phật, phải nên quán kỹ: nhân địa phát tâm cùng với quả địa giác ngộ là đồng hay khác? Nếu nơi nhân địa đem tâm sanh diệt làm gốc tu nhân mà cầu Phật thừa bất sanh bất diệt, thì không thể được”.

Chưa rõ hiện giờ cái tâm muốn ra khỏi sanh tử tham thiền học đạo, có phải là tâm sanh diệt không?

Đáp: Người học tham thiền, trước hết đoạn tâm sanh diệt, đến lúc phát minh thì thấy được tánh chẳng sanh diệt. Nếu dùng tâm sanh diệt để tham thì chỉ là theo vọng tưởng lưu chuyển chứ chẳng phải là tham cứu.

4- Hỏi: Thiền sư Bách Trượng Hoài Hải nói:

- Tham kiến thiện tri thức, tìm cầu một chút hiểu biết là ma thiện tri thức, vì việc đó sanh ngữ kiến vậy.

Nếu phát bốn thệ nguyện lớn, nguyện độ tất cả chúng sanh rồi mới thành Phật thì đó là ma Bồ Tát pháp trí, vì thệ nguyện chẳng xả vậy.

Nếu trì trai giới, tu thiền, học huệ là thiện căn hữu lậu, thì dù có ngòi đạo tràng thành Đẳng chánh giác, độ người như số cát sông Hằng, tận chứng quả Phật Bích-chi đó là ma thiện căn, do khởi tham đắm vậy.

Nếu ở các pháp đều không tham nhiễm chỉ còn thiền lý, thiền định rất sâu, lại không tăng tiến, đó là ma tam-muội, do đam mê nghiền ngẫm lâu dài.

Nay người tham thiền học đạo làm sao khỏi được ma này để vào đường tu hành chân chánh?

Đáp: Các người tu hành chỉ vì chẳng quên tâm, kiến nên động theo lưới ma. Nếu tâm, kiến tiêu mất thì Phật cũng chẳng lập.

5- Hỏi: Phá bốn đại, năm ấm, có trước sau chẳng?

Đáp: Kinh nói: Năm ấm phá từ từ, ắt phá sắc ấm trước. Nếu tham thiền đánh bể thùng sơn thì phá thức ấm trước. Thức ấm đã phá thì bốn đại không chỗ nương. Nên như cát nước, thổi ánh sáng. Trộn không chạm nhau.

6- Hỏi: Bốn câu kinh Kim Cang, xưa nay chưa có ai nói rõ. Hoặc chỉ sắc, thanh, hương... là bốn câu. Hoặc chỉ mắt, tai, mũi, lưỡi là bốn câu, hoặc chỉ các tướng chẳng phải tướng... hoặc chỉ

có đế, không đế... Đến Thiên Thân thì nói: “Ta lên Đâu Suất Đà Thiên, thỉnh hỏi Đức Từ Thị, thì Ngài bảo là không ngã tướng, không nhân tướng, không chúng sanh tướng, không thọ giả tướng”. Lục Tổ thì nói là Ma-ha Bát-nhã Ba-la-mật-đa. Đại sĩ Song Lâm lại nói: “Trong kinh trì bốn câu, nên phải không rời thân, người ngu xem tợ mộng, người trí chỉ thấy chân”. Từ xưa đến nay chẳng hề có lời nhất định là sao?

Đáp: Phật nói Bát-nhã như các thứ cỏ trên núi Tuyết, cái nào cũng là thuốc. Cần đến liền dùng, nhất định trừ hết bệnh. Nên cổ nhân đưa ra điều gì là bốn câu, mỗi điều đều là một cọng cỏ của núi Tuyết vậy.

7- Hỏi: Cổ nhân nói: “Thuần thanh tuyệt điểm” vẫn là chân thường lưu chú. Dù được “Không một pháp xứng tình” vẫn bị Ngưỡng Sơn kiểm điểm. Dù được “Khấp thân là chiếu”, vẫn ở chỗ rũ tay của con là nạp tăng. Dù được “ở mé Oai Âm trước bảy Phật tiến thủ”, vẫn là hội ở lời nói. Nay người học, quả thật có đến cảnh giới này chăng?

Đáp: Cổ nhân chỉ dạy, chỉ vì sợ người lạc ở giữa đường, người học dù đến đây, cũng là việc ở giữa đường, hướng là chưa đến đây, mà mở miệng nói Thiên, đều là tâm lừa dối.

8- Hỏi: Đại sư Viên Ngộ nói: “Có Tổ về sau, chỉ cốt truyền riêng chỉ thẳng, lấy lời đuổi lời, dùng cơ đoạt cơ, đem dụng phá dụng. Do đó có sự phân chia chi phái, mỗi phái chuyên chiếm môn phong. Phải là người có căn khí hưởng thượng, có chí thiệu long thánh chủng, sau đó

thâm nhập được vào chỗ yên áo, mới có thể được ấn chứng”. Điều này phải được xem là quý báu, sâu kín, chớ cho là dễ dàng. Nay thấy người học, phần đông chẳng xét căn khí của mình, liền muốn tham cứu việc hưởng thượng. Quả thật không cần luận căn khí chằng?

Đáp: Tổ sư chọn người luận căn khí tức như trong kinh Phật luận về chủng tánh. Nếu chẳng phải chủng tánh loại này, rốt cuộc cũng chỉ là dính da, bám xương. Nay người căn khí chẳng trong sạch, nhất định không được dự phần vào việc này. Nếu ai chịu lưu tâm đến việc này, từ đây chẳng lui sụt, lâu dần có thể thăng tiến. Đây là người thuộc hạng bất định tánh.



## **Am Vương Giới Chu Bạch Dân Thỉnh Ích**

Hỏi: Phật nói đốn giáo, tiệm giáo. Thiền mở đốn môn, tiệm môn. Hai giáo, hai môn là đồng hay khác?

Đáp: Phật Tổ ra đời, vốn không pháp có thể thuyết. Nhưng pháp vốn không thuyết, thì đâu có đốn, tiệm mà sai biệt? Nói đốn tiệm là chỉ vì căn cơ mà bày, chẳng liên can đến pháp.

Giáo có đốn tiệm là như Phật Tỳ-lô-giá-na lúc mới thành Chánh giác, tại đạo tràng Bồ-đề nói kinh Hoa Nghiêm, chóng chỉ pháp môn tâm địa pháp giới bình đẳng. Chỉ thẳng không sót. Như mặt trời vừa mọc trước chiếu núi cao. Sau những nhà phán giáo gọi là pháp môn viên đốn. Đây là đốn pháp của Phật chỉ dành cho một loại chúng sanh đại căn địa thượng, trong đó có bốn mươi hai thứ lớp. Đây là tiệm trong đốn vậy.

Ngoài ra, những người căn cơ hạ liệt tại tòa

như mù, như điếc, tuyệt nhiên không có phần. Đó là pháp tuy lớn mà nhiếp cơ chẳng rộng. Tức chỗ kinh nói: “Chỉ có một cửa mà lại nhỏ hẹp”. Như thế, há Phật thuyết pháp riêng cho một người sao? Do đó Phật hiện Ứng hóa thân thuyết pháp ba thừa tùy theo ba căn cơ mở bày. Ban đầu từ tiệm tu chứng, nghĩa là tiệm giáo vậy.

Sau đến Lăng Già, Pháp Hoa, Niết Bàn chóng chỉ chúng tử Phật tánh. Đó là do tiệm mà đến đốn vậy. Đây là sự phân đốn tiệm của Giáo.

Còn cửa Thiền, các kinh đều nói trong Lục độ của Bồ Tát có hai độ là Thiền định và Trí tuệ. Bồ Tát phán giáo căn cứ hai độ mà khai mở hai môn Chỉ Quán làm gốc tu hành. Đây là ở trong Giáo dùng đốn mà tiệm tu, ở Thiền là tiệm trong đốn. Thiền Đạt-ma là nhân Thế Tôn sau cùng đưa cành hoa, Ca-diếp “phá nhan vi tiểu” (tươi mặt mỉm cười). Phật bèn dạy đó là chánh pháp nhân tạng, Niết-bàn diệu tâm. Rồi thành ý chỉ giáo ngoại biệt truyền. Tại Tây Vực truyền đến 28 đời, rồi Đạt-ma qua Tàu truyền sáu lần, đến Tào Khê trở xuống, Truyền Đăng có ghi các Tổ là thiền “Truyền riêng chỉ thẳng một tâm”. Thiền trong lục độ chẳng thể so với đây được. Vì đây riêng dạy một tâm, lại không pháp khác. Ngay đó chóng thấy tự tâm, chẳng thuộc nhân quả tu chứng mê ngộ. Đặc biệt hiển bày chỗ Phật chưa xuất thế, đây là một đường hướng thượng gọi là Đại thừa đốn giáo. Đó là đốn của thiền.

Đến như Lịch đại Tổ sư, đốn ngộ tâm này, tuy ngay một lời, một câu, một gậy, một hét, liễu ngộ thẳng tắt, cũng do nhiều đời tu tập, gốc Bát-

nhã sâu, lúc nhân duyên đến, ngày nay thành thực. Cũng có người đời này tham cứu, công phu hai ba mươi năm, sau đó được ngộ. Như vậy, tuy đốn cũng từ tiệm mà thành. Như Quy Sơn nói: “Người học nếu có thể một niệm liễu ngộ tâm mình thì gọi là ngộ. Nhưng còn vô minh từ vô thủy trôi chảy nhỏ nhiệm, đem cái ngộ trừ sạch hiện nghiệp lưu thức, thì gọi là tu. Chẳng phải ngoài đây ra lại có cái tu khác. Lấy đây mà quán thì trong đốn chưa từng có không tiệm. Tôi thường xem Lăng Già, phân bốn môn đốn tiệm:

- 1- Đốn đốn
- 2- Đốn tiệm
- 3- Tiệm đốn
- 4- Tiệm tiệm.

Nên biết việc này chẳng thể chấp cứng mà luận. Tuy đốn ngộ mà chẳng bỏ tiệm tu. Tâm Phật và Tổ vốn không hai vậy.

2- Hỏi: Phật thuyết các kinh đều luận đàm xứng tánh, toàn là ý chỉ liễu nghĩa. Tại sao nói Đạt-ma từng khen Lăng Già rằng: “Kinh này là tâm yếu của ta”. Đến Hoàng Mai thì chỉ dùng Kim Cang. Còn các kinh khác có sai biệt gì không?

Đáp: Phật thuyết các kinh Đại thừa, tuy là bàn về liễu nghĩa xứng tánh nhưng là dựng lập cửa giáo hóa chẳng lìa mê ngộ, tánh tướng đối đãi. Cốt yếu phân vọng về chân, đều có sự hòa hội mới hiển nhất chân. Đến kinh Lăng Già chỉ thẳng một tâm, tuy có chân vọng mà dạy thức tàng tức Như Lai tàng, chẳng cần hòa hội. Riêng hiển bày cảnh giới Tự Giác Thánh Trí. Nếu rõ vọng tướng từ tâm hiện, không có tự tánh, tức là Thánh Trí chẳng cần chuyển nữa. Nghĩa là lối tu hành này chỉ quán ngay tự tâm lưu chú, vọng



tưởng hiện lượng, mau đạt được tự tâm, cũng chẳng lập địa vị, lập giai cấp, nên nhà phán giáo gọi là pháp môn đốn giáo. Cho nên Đạt-ma lấy kinh này làm tâm ấn, để dạy yếu quyết Thiền tông, vì kinh này khó rõ, hạng hiểu kém khó thâm nhập nên truyền đến Hoàng Mai thì lấy kinh Kim Cang ấn tâm.

Kinh Kim Cang là một trong tám bộ Bát-nhã, vẫn có sáu trăm quyển, chỉ riêng quyển này hợp tâm ấn Tổ sư. Lấy Bát-nhã làm cửa đầu tiên vào Đại thừa. Chính như Lăng Nghiêm nói: “Bồ Tát dùng tâm bất sanh diệt làm gốc tu nhân” mà Bát-nhã là Thực Trí căn bản của Phật, chính là tâm bất sanh diệt vậy. Kinh Kim Cang lấy vô trụ làm tông, dứt nghi làm dụng. Vì Nhị thừa vọng khởi các thứ trụ trước chúng sanh kiến, Phật kiến, Pháp kiến lớp lớp khởi nghi nên kinh này nhổ hết gốc nghi, đến thẳng đất chẳng nghi, tri kiến tiêu vong, chẳng lập một pháp, đuổi hết tâm trụ trước. Chính là cùng với thủ đoạn gỡ niêm tháo chốt của tông môn tương đồng. Chặt đứt ý lời, phân biệt, chính là chỗ tông môn chẳng cho nghi suy, chẳng mắc tư duy, thức tình khô sạch, thấu pháp thân hưởng thượng. Hoàng Mai lấy đây ấn tâm là có lý do vậy. Các kinh khác đều còn chỗ bám, kinh này cắt đứt, tham thiền rõ điều này thì dễ vào vậy.

3- Hỏi: Nói có Như Lai thiên, Tổ Sư thiên, hai thứ thiên này quả thật đồng hay khác? Hương Nghiêm chạm trúc có tỉnh, trình kệ: “Năm ngoái nghèo chưa thật nghèo” với Ngưỡng Sơn, Sơn bảo: “Mừng cho Sư huynh hội được Như Lai thiên, còn

Tổ Sư thiên chưa từng mộng thấy”. Dựa vào lời này thì thấy có Như Lai thiên, Tổ Sư thiên khác. Nếu từ Ca-diếp truyền đến Sơ tổ Tây lai, tổ tổ truyền nhau và Thủy Tổ các tông tức là Phật Thích-ca thì làm sao khác được?

Đáp: Như Lai thiên và Tổ Sư thiên xưa nay không hai. Nhưng Như Lai thiên là trong mê nói ngộ, cốt tu rồi sau nhập vào (chơn tánh). Tổ sư thiên một lần chẳng thuộc mê ngộ, chẳng nhờ tu tập, cốt người ngay đó chóng rõ tự tâm. Phàm rơi vào cửa mê ngộ tức là nghĩa thứ hai. Do đó Cổ Đức nói: “Tu hành thì chẳng phải không, mà nhiệm ô sao được?” Thế nên một đường hướng thượng của tông môn phải là “một cá nhân” mới được. Trong kinh Lăng Già nói bốn loại thiên, thì thiên tối thượng Nhất thừa, tức Tổ sư thiên, kỳ thực vốn không có khác.

Nếu căn khí bất tịnh, vọng khoe tri kiến thông minh để hội Tổ Sư thiên, như thế thì ngay cả Như Lai thiên cũng chưa hề mộng đến. Ví như người nghèo vọng xưng đế vương tự rước tội tru lục, không đáng sợ sao? Không đáng sợ sao?

## **Dạy Tiêu Huyền Phó Tông Bá**

(Thiên Khải Quý Hợi mùa đông, ngày 6-10  
từ đây tuyệt bút)

Nhập đạo, trước cần liễu ngộ tâm thể của đương nhân, xưa nay quang minh quảng đại, bao gồm tất cả, thanh tịnh tràn đầy, thánh phàm chẳng lập. Chẳng bị thân tâm thế giới làm trở ngại. Đây tức là một đường hướng thượng. Tâm ấn của Tổ sư chỉ thế mà thôi. Đã có thể ngộ suốt tâm này, thì ở chỗ ứng duyên hằng ngày tất cả cảnh giới như hình hiện trong gương, đến không chỗ dính mắc, đi không vết tích. Thế thì tất cả chỗ hành động đều từ trong mé thực chơn tâm lưu xuất. Mỗi sự nghiệp đều chân thật bất hủ, chẳng những cùng trời trăng đua ánh sáng mà đối với người mê khư khư kia, vọng tưởng làm những sự dối trá, há có thể so sánh ư? Một đoạn ánh sáng này, người người đầy đủ, vốn không kém thiếu, chỉ do ngã kiến kiên cố, hễ có làm gì ắt cho là công của mình, chấp chỗ thấy là đúng, phải trái xen lẫn, trọn không có luận nhất định. Sở dĩ như thế vì không có tâm của bậc đại công khoáng đạt mà muốn xây dựng sự nghiệp ngàn thu bất hủ, thật khó vậy.

Lại,

Tâm thể chúng ta xưa nay tròn đầy sáng suốt mà nay chẳng thể đốn ngộ, chẳng được thọ dụng hiện tiền bởi vì các thứ phiền não tham, sân, si, ái từ vô lượng kiếp đến nay ngăn che tự tâm. Do đó công tiệm tu chẳng thể thiếu.

Quy Sơn nói: “Người học có thể một niệm chóng ngộ tự tâm, nếu đem chỗ ngộ trừ sạch hiện nghiệp lưu thức, thì gọi là tu, chẳng phải ngoài đây có cái tu khác”. Nếu người học đạo chỉ cần đốn ngộ liền xong, toan bảo không công có thể dụng, vậy thì tập khí ẩn sâu, gặp cảnh lén phát, để lâu sẽ trôi vào cõi ma. Nhưng công tiệm tu cũng chẳng phải có thứ lớp, chỉ trong nhật dụng nhắm chỗ chưa khởi tâm động niệm, đứng vững gót chân phản quán nội chiếu. Ở chỗ một niệm khởi nên truy xét một niệm này từ chỗ nào khởi, truy đến chỗ một niệm sanh vốn tự vô sanh thì tất cả vọng tưởng, tình lự ngay đó băng tiêu. Nhưng kỳ nhất là không có sức dững mãnh, chẳng thể nắm chặt cổ họng, bất giác tương tục thì trôi đi mà chẳng quay lại được.



## **Dạy Chu Tử Dân**

Hôm nay trong núi, đại chúng kiết chế, Hải Ấn chiếm tòa thuyết kinh Pháp Hoa. Lúc đó túc hạ cầm thư đến, lại có quả đẹp, đủ đoán túc hạ là người trong pháp hội, là người trước được đạo quả. Đây chẳng phải bói mò. Thư trước nói rằng: Nhật nghiệp chín chắn như vậy chẳng sai, cũng có thể dần dần vào pháp môn bất nhị. Nếu trong đó hằng ngày niệm niệm đều là tâm hạnh sanh diệt, đâu thể “tịch diệt vi lạc”. Nếu muốn thọ dụng được tâm địa, lại phải nhắm lúc đọc sách, viết văn đã xong, chỗ các thứ ứng duyên, ngay đó thực sự dùng mãnh phản quán nội chiếu, quán mọi thứ tâm tác động sanh diệt, rốt cuộc từ chỗ nào khởi, rồi bây giờ diệt thì đi về đâu? Như thế quán cho thật sâu, lâu dần nhập vào chỗ nhỏ nhiệm kín đáo. Ở trong đây, nơi tất cả tập khí ngằm ngằm trôi chảy, nơi phiền não vô cơ nổi lên, nên thực sự nhìn xem cho chắc, xem chúng rất

cuộc là vật gì, từ chỗ nào khởi diệt, truy lùng đến chỗ quét sạch dấu vết, như trong nồi nước sôi nhỏ một cụm tuyết vậy. Như thế hằng ngày niệm niệm chẳng được lời lỏng. Ngay lúc có may mắn một tâm niệm lười biếng, giải đãi, cầu an, mưu cầu khoái hoạt, hưởng thụ phát sanh, thì đây chính là gốc bệnh phát tác, liền nhắm ngay đây mà dựng lông mày một cách mãnh liệt, chẳng thể bị chúng cột trói cứng. Vừa thấy bị cột trói, cần nhất là không nên để nó lôi đi. Rất kỵ! Rất kỵ! Mau dùng một tiếng Bồ Tát hoặc một tiếng Phật dựa vào cho chắc, vật lộn với nó. Khi gặp các thứ ác tập nổi lên, liền hết sức đem thoại đầu này mà đề khởi. Hưởng vào hư không quét một trận, chẳng kể là ma, là Phật, là tập khí phiền não, là thiện ác suy lường, tất cả tình trần nhất tề đốn dứt, như là chém cuộn chỉ rối. Hạ công phu như thế thì chẳng ngại đọc sách, chẳng ngại viết văn. Khi đọc sách, hãy xem việc đọc sách này nhắm chỗ nào gói gắm. Viết văn, hãy xem văn này từ đâu chạy ra? Cũng chẳng ngại tiếp đãi khách khứa, uống trà, ăn cơm, đại tiện, tiểu tiện. Tất cả chỗ không để lọt đường tơ kẽ tóc, nên như thế mà an tâm. Lại cùng với chỗ Vĩnh Gia nói:

*Khéo khéo lúc dụng tâm  
Khéo khéo không tâm dụng  
Không tâm khéo khéo dụng  
Thường dụng khéo khéo không.*

Là một loại hay chẳng phải một loại?

Chẳng biết túc hạ có thể tin lão Hải Ấn này không đối gạt chẳng? Tỉnh tự thử xem! Túc hạ nếu thấy tin chẳng lầm, mới biết Trang Tử tâm

tra ba tháng, thật là đáng buồn cười. Một bộ kinh Viên Giác, túc hạ đọc thuộc, mỗi ngày từ sáng đến chiều lấy làm công khóa, đợi đến mùa xuân gặp mặt sẽ cùng nhau quyết trạch. Tầm thường viết thư cho túc hạ, chẳng khỏi có vương chút tình thức, tự thẹn vì túc hạ chưa triệt, chẳng phải không triệt mà sợ túc hạ lòng tin chưa triệt. Nay thấy túc hạ lòng tin dần tăng, ngày càng thanh tịnh. Lúc này nếu không khoét tấm lòng son đưa túc hạ thì đến lúc nào mới triệt. Nếu túc hạ lần nữa chẳng chịu triệt thì Hải Ấn tự triệt vậy. Thế nào? Thế nào? Nhân thế đáng thương! Tuy nói đáng thương nhưng ngóng tâm túc hạ lại càng đáng thương hơn!

Lại,

Thư đến thưa hỏi thật là tha thiết. Vì túc hạ chưa được rõ hai chữ “không huyền” nên đối với tâm cảnh đều bị ngăn ngại, do đó công phu khó làm. Nay vì túc hạ nói phá để rõ ràng không còn nghi lo nữa.

Chỗ nói “không” không phải là cái không trống rỗng. Chính như tục ngữ nói: “Bên cạnh như không người”, há bên cạnh thực không có người sao? Nhưng mà trong con mắt coi như không có người đó vậy. Nói là “huyền” chẳng phải là cái huyền biến hóa quái dị, mà có nghĩa là có mà không thật. Giống như người làm trò ở chợ lấy trong ống đồng ra khá nhiều nhân vật, nhưng trong ống này vốn không có. Do vốn không có nên nói không. Vì thế nói: Ví như huyền hóa chẳng phải không có người huyền hóa, mà người huyền hóa chẳng phải người thật, người chẳng

phải thật, không phải là không sao? Phật nói chữ “không” nghĩa là phá cái chấp trước của người đời cho là thật có. Chẳng phải nghĩa đoạn diệt tuyệt không có gì. Lại sợ người đời chìm trong đoạn diệt, Ngài lại nói chữ “huyễn” để trừ cái thấy đoạn diệt. Thế nên tất cả thân tâm, các pháp nhân “huyễn” nên “không”, do “không” nên nói “như huyễn”, hõ tương mà quán thì chóng thấy chỗ kỳ diệu. Nói “không” tức huyễn có, nên quán không gọi là chân không. Nói “có” là vốn không mà huyễn có, gọi là diệu hữu. Do chân không nên tâm không phải là đoạn diệt, do diệu hữu nên cảnh là vô sanh, cảnh đã vô sanh thì tâm nắm bắt cái gì? Tâm đã chẳng phải đoạn thì vọng niệm chẳng còn, vậy đem tâm nào chấp cảnh? Cảnh vốn là huyễn thì lấy cảnh nào lôi tâm? Vậy chỉ cần tâm không giữ cảnh mà tâm chẳng phải đoạn diệt. Cảnh chẳng phải lôi tâm mà cảnh tự như như, chỗ nào chẳng vui? Đây là chỗ nói: “Tâm vốn không sanh, do cảnh mà có. Cảnh trước mắt nếu không thì tâm cũng không”. Nếu chỉ xem thấu như huyễn, chẳng thực thì gọi là như không; linh tâm riêng chiếu, vọng tâm chóng dứt cũng gọi là không. Chỗ này là không vọng tâm, đâu phải là tuyệt hẳn không có chân tâm! Thế nào là vọng tâm? Là người chấp cảnh chẳng biến đổi vậy. Thế nào là chân tâm? Là chẳng giữ tướng thân, tâm, cảnh giới, liễu liễu thường tri, linh nhiên tịch chiếu vậy.

Dụng tâm như thế có gì chướng ngại? Nên nói: “Tự tâm chấp giữ tự tâm, chẳng phải huyễn mà thành pháp huyễn”. Không chấp giữ, không



phi huyễn. Phi huyễn còn chẳng sanh, pháp huyễn làm sao lập?

Chính là chỗ nói:

*Cảnh duyên không tốt xấu  
Tốt xấu khởi nơi tâm  
Tâm nếu không gượng gọi  
Yêu ghét do đâu khởi?*

Đó là “Nếu tình không gá vật, vật há làm ngại người”. Vật đã chẳng thể làm chướng ngại người, người chẳng lẽ ngại với vật sao? Người đời sợ dĩ chẳng được tự tại chỉ vì không đạt tâm cảnh vô sanh, như huyễn không thực. Nếu đạt rõ được một niệm vô sanh như huyễn thì tất cả tình trạng khổ vui, lo lắng, được mất, yêu ghét, lấy bỏ, ngay đó gói bẻ bằng tiêu. Nên nói: “Biết huyễn tức lìa, chẳng tạo phương tiện, lìa huyễn tức giác, cũng không thứ lớp”. Đây là “một niệm chóng đến nhà Phật”, chẳng phải lời nói suông. Túc hạ nếu quán chỗ tất cả vọng niệm khởi diệt, chỗ tất cả cảnh giới khởi diệt, đều là huyễn hóa không thật thì tâm tự nhiên chẳng bôn ba theo cảnh, cảnh tự nhiên chẳng lôi kéo tâm. Qua lại ứng duyên, thì một niệm rộng sáng, rõ ràng riêng chiếu. Chiếu soi thân tâm hiện tiền như huyễn như hóa, như trăng trong nước, như bóng trong gương, như mây trong không, như sóng nắng ngựa hoang. Nên như thế nắm chắc, con mắt Kim Cang chớ động nữa. Mặc kệ tất cả cảnh giới, chạm tới liền tiêu, dù cho có vọng tâm nào, nhìn tới liền diệt. Dụng tâm như thế lại có vọng tâm nào quấy nhiễu? Lại có cảnh vọng nào có thể chạm đến tâm? Đây xét rõ lời nói, thật là Hải Ấn cực lực vì túc hạ hết

mình thố lộ, trình bày triệt để cặn kẽ, túc hạ chớ hoài nghi nữa. Cần chớ nên nghi trước tính sau, các thứ suy lường đều là ác giác, ác tập, đều là nhân duyên chướng đạo. Nếu được như lời nói này của lão nhân thì trước mắt đã là người cực lạc, thư tay mà trách bút bất giác viết lan man, tâm lão bà như vậy, lời thôi thế đó. Trân trọng.

Lại,

Một lần xa cách mới đó đã vài tháng. Thời gian chóng vánh, ngày tháng đối người. Mỗi lần nghe túc hạ tinh tấn gấp bội, tôi vui sướng ngập lòng. Ban đầu ý định tôn nhân đi rồi, ắt được vào núi gặp gỡ một phen, cùng nhau ấn chứng công phu đã qua để quyết trạch. Đây tưởng là chân thật, bất giác như các việc mộng. Đáng cười đạo nhân cũng rơi vào tình kiến như thế.

Thứ đến nói: Nhân ngồi để mong được tĩnh lặng, nhân tĩnh lặng để cầu tâm. Đây là cửa ban đầu vào đạo thích đáng nhất. Nhưng trong khi ngồi mà chưa sáng được chỗ ách yếu, do đó ngồi lâu mệt mỏi. Vì chẳng đạt sự thần diệu của tâm thể nên tĩnh lặng lâu lại muốn được nghe tiếng rồi lại nổi nghi như không có chỗ quay về. Bởi vì tâm năng cầu mà chưa được bí quyết, do đó một niệm cầu giác trở lại thì mệt nhọc. Đó là đem tâm tìm tâm. Đúng như con nai khát nước đuổi theo sóng nắng.

Truyện nói: “Biết dừng, sau có định”. Vì tâm túc hạ chưa biết dừng nên chẳng được định. Vì theo sự đòi hỏi nên có điều mục trị tâm như: bốn điều chớ làm, ba điều tỉnh yếu. Dẫn tâm này mà vào, giữ tâm này mà định. Đây là chỗ tĩnh- tâm-

khổ- thiết của túc hạ, nên bĩ nhân rất mong mỗi ở túc hạ. Nay đã nhận được tự tâm, lại trở lại giữ bí mật, tiếc rẽ ư? Hơn nữa, sợ túc hạ mới vào trong Phật pháp của ta, chưa được nghe nhiều đến nỗi phần nhiều chuyển lấy thói quen thấy nghe ngày cũ mà hiểu danh ngôn, khiến đã ban cho thuốc Cam lộ chẳng thể dùng để được công hiệu cải lão hoàn đồng. Pháp môn dạy người của Phật Tổ từ xưa tuy có nhiều đường chẳng ngoài tam học Giới Định Huệ, nghĩa là nhân giới sanh định, nhân định phát tuệ. Tiết mục rõ ràng, Kinh chẳng qua Lăng Nghiêm. Đến như lời Tổ không gì bằng một cuốn Vĩnh Gia Tập. Túc hạ nên học thuộc, nghiền ngẫm, trong đó có yếu quyết nhập định dụng tâm. Như nói:

*Khéo khéo lúc dụng tâm  
Khéo khéo không tâm dụng  
Không tâm khéo khéo dụng  
Thường dụng khéo khéo không.*

Lại như:

*Sau vọng tâm nên lặng lặng  
Tánh linh tri thường rõ ràng  
Vô ký mơ màng phải tỉnh sáng  
Khế hợp chân không luôn đúng đắn.*

(Vọng tâm chi hậu tịch tịch  
Linh tri chi tánh lịch lịch  
Vô ký hôn muội chiêu chiêu  
Khế bổn chân không đích đích.)

Đây là thần phù của sự dụng tâm. Như bốn điều chớ làm, ba điều tỉnh xét chính là giới, trong đây đủ hết. Kỳ thực công phu tu tâm chẳng ra khỏi ba món chỉ, quán, đẳng trì (thiền). Trong tập

này, xa-ma-tha là chỉ, bà-xá-na là quán, ưu-tất-xoa là chỉ quán song vận tức định huệ đẳng trì.

Hãy khuyên tròn những chỗ bế tắc trong tập, lạng hơi ngưng thần, nếu chẳng hiểu đừng hiềm gởi thư hỏi hoài. Đến chỗ chỉ quán thẳng tắt, cho viết lại một tờ để bù vào chỗ thiếu hôm nay.

Lại,

Một đoạn nhân duyên này là việc rất dễ mà rất khó. Vì vô lượng kiếp đến nay, đời đời kiếp kiếp tập nhiễm lưu chuyển, tập khí sâu lại dày. Hôm nay được một niệm phát lòng tin, mới trong sớm chiều mà muốn cạn dòng dài muôn kiếp. Phương thế này thật chẳng dễ dàng. Ngay một niệm tâm hồi đầu này cũng rất khó phát. Đây là hạt mầm linh minh do căn lành nhiều kiếp, gặp lúc nảy mầm bây giờ mới nhú lên, rồi nở hoa phô bày thực sự. Toàn do luôn luôn tài bồi chăm sóc. Nếu không thì sẽ khô cháy ngay. Gặp cảnh gặp duyên dùng sự xử sự, lâu dần thuần thực. Lại thêm công chỉ quán thì có thể dần dần giải thoát. Nhưng vì chúng ta vốn tự giải thoát, do đó nếu phiền não, không giải thoát thì chẳng phải lỗi của pháp mà là tự tâm trói buộc vậy. Bởi do xưa nay thế tình nồng hậu, tập nhiễm chín muồi, chỗ quen thì khó quên, nên chạm đến liền phát. Vì thế nói: “Ta chưa thấy người mền đức bằng mền sắc”. Nếu đem kia đổi đây thì chỗ sống tự chín, chỗ chín tự sống. Sống thì lợt lạt, lợt lạt thì xa, xa thì đậm bạc, đậm bạc thì quên, quên thì chẳng cần cầu thoát mà tự chẳng trói buộc. Cứ thế mãi thì tâm này được định, muôn ngàn trạng thái trước mắt xem như hoa đốm hư không, như trăng đáy

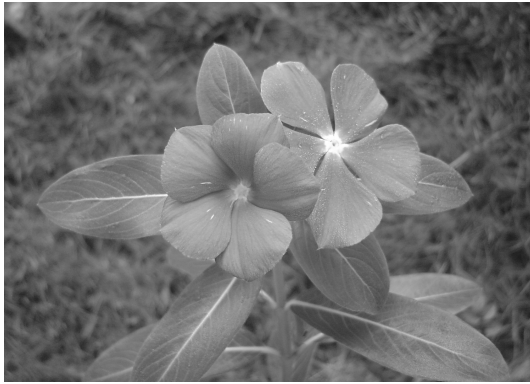
nước, như sóng nắng, sông băng, vốn không thể buộc ràng, lại còn cầu thoát gì nữa? Túc hạ nói: Lời “vật bất thiên” của Triệu Công được đắc lực. Đây trừ phi túc hạ là bậc đại căn khí, còn không thì chẳng thể nhập vào cửa cổng của lão này. Riêng câu “Nhật nguyệt lệ thiên” chẳng thấu triệt, thì biết về Triệu Công chẳng suốt, chẳng suốt thì chẳng phải đắc lực thật. Lời này lão nhân nghĩ đến mấy năm, rốt cuộc ở trong tâm ta riêng tự tĩnh. Từ đó về sau, chỗ ứng duyên đắc lực phần nhiều nhờ lời lão này. Túc hạ vừa ra cửa đã thấy tin, thật chẳng phải là duyên nhỏ, lão nhân chẳng tiếc vì túc hạ nói phá. Lại sợ túc hạ ngày sau sẽ mắng lão tăng. Túc hạ nếu đem câu này đặt vào lòng, ở tất cả chỗ động tác làm việc, tất cả chỗ thanh sắc tài lợi, tất cả chỗ cảnh duyên nghịch thuận, tất cả chỗ mừng, giận, buồn, vui, tất cả chỗ yêu ghét, lấy bỏ. Hễ gặp cảnh lưu động liền lấy ấn này, ấn một ấn, ấn đứng xem nó thế nào là chỗ chẳng dời (chẳng đổi)? Thế nào là chỗ thường tĩnh lặng? Thế nào là chỗ chẳng trôi chảy? Thế nào chỗ chẳng động? Thế nào là chỗ chẳng khắp? Như thế khán qua khán lại, đột nhiên bùng vỡ, khán thấu lời này thì mới biết lão nhân chẳng dối túc hạ, mới tin bản chân chẳng tự lừa dối vậy.

## Dạy Hoàng Duy Hằng

Túc hạ tuy nói: “Hương về đạo mà trong đây mắt mũi chưa được sáng suốt, thường đem thế pháp, Phật pháp, cùng Tông với Giáo chẳng khỏi cho là hai, thì tất cả ghét thương, nghịch thuận, lấy bỏ, tốt xấu, bần cùng, thịnh đạt, động tĩnh... ắt là đều bị chia hai”. Hải Ấn luôn luôn vì túc hạ nói “Phật Tổ nguyên không có pháp thực cho người. Nhưng chỉ vì người mà nói rõ việc sẵn có của mỗi người”. Tông Cảnh nói: “Lấy nhất tâm làm tông, chiếu vạn pháp làm gương”. Chỉ do chúng ta không thể biết nhất tâm nên Phật thuyết giáo để chỉ. Chúng ta chẳng thể thấy tự tâm nên Tổ mượn thiên để dạy. Cả hai đều bất đắc dĩ. Nay túc hạ nói: “Tập theo giáo, tinh thần chẳng khỏi mệt mỏi, theo tông như cỡi thuận gió”. Đây là túc hạ tập khí Bát-nhã nhiều đời sây dầy. Đại khái như thế. Đối với Hải Ấn tôi, cả hai đều hư dối, đều không nói khó dễ. Nếu túc hạ không đạt được tự tâm thì tông là tà giải, tà nhiễm, đều rơi vào hang ổ của thức tình, mà giáo cũng vọng tri, vọng kiến, lạc vào ngôn thuyết nói năng cả, chẳng phải chỗ cứu cánh chơn thật. Riêng chẳng biết kinh giáo là mắt Phật, thiên là tâm Phật, cả hai chẳng phải hai, há có kia đây. Hải Ấn tôi dạy người xem kinh, tham thiên đều chẳng phải thuộc loại tri kiến này. Túc hạ hôm nay hiểu như thế, chẳng những cô phụ Hải Ấn cũng lại cô phụ tánh linh của mình. Từng nhớ khi có người hỏi rằng: “Cổ nhân lúc đói ăn cơm, lúc mệt đi ngủ đều là đạo. Người thời nay đói ăn mệt ngủ vì sao chẳng

phải đạo?” Thì đáp rằng: “Cổ nhân ăn cơm chỉ là ăn cơm, đi ngủ chỉ là đi ngủ. Do đó là đạo. Người nay ăn cơm chẳng chịu ăn cơm, đi ngủ chẳng lo đi ngủ, suy tính lung tung, do đó trái đạo”. Từ đấy mà xem, túc hạ hằng ngày chỉ đem lông mày vén lên, quát một tiếng khiến thần kinh quý sợ, thiên ma vỡ mật, âm quỷ hồn tiêu, một hét hét lui, được bốn địa tinh tinh lặng lặng, tác tư chẳng khoác, trần trùng trục, sạch bon bon. Theo gia phong này cần đọc sách cứ đọc sách, không đọc thì gấp bỏ một bên, chẳng cho đeo một chữ. Muốn làm văn thì làm văn, chẳng làm thì dẹp một bên, chẳng cho nghĩ tính loạn xạ. Cho đến uống trà ăn cơm, cần ngủ cứ ngủ, cần đại tiện tiểu tiện, cứ đại tiện tiểu tiện, chạm đến liền xong, chẳng cho sau đó nghĩ lường giống như hồn quỷ vất vớ. Tuy khô khô sạch sạch, trong trong, trắng trắng, cũng chẳng cho ngồi trong chỗ khô sạch trong trắng. Như thế “đơn đao trực nhập”, một niệm thẳng đến trước thì đọc sách thấy cổ nhân, làm văn cũng chỉ nhắm từ trong lòng mình phát ra miệng, không có trước sau, lúc hàm súc (giấu cái đẹp bên trong) liền là thổ lộ, lúc thổ lộ cũng là lúc hàm súc. Như thế chẳng bị chỗ động, tĩnh, sáng, tối... chuyển, chẳng bị các thứ khéo léo dời đổi. Đó là bậc đại nhân đỉnh đạc, là vị khó lường. Túc hạ tin không? Nếu quả thấy tin được thì khởi lên nhắm đây mà vào.

Trân trọng, trân trọng.



## **Dạy Cư Sĩ Mã**

Người học đạo, điều quan trọng nhất: tâm sanh tử phải tha thiết. Thứ nhì: biết thân là gốc khổ, tâm là gốc vọng tưởng tạo nghiệp. Thứ ba: chân thật khán phá, công danh, phú quý, thanh, sắc, tài lợi ở đời đều là hư dối chẳng thực. Thứ tư: sợ đời này tạo ác nghiệp tương lai sẽ đọa địa ngục, chịu các thứ khổ không người cứu giúp. Thứ năm: biết mạng căn hiện tại chỉ trong khoảng một hơi thở này, nếu hơi thở này dứt thì muốn cầu việc tham thiền, học đạo, làm phước như ngày nay trọn chẳng thể cầu được nữa, hưởng là hưởng phú quý ư? Người học đạo nếu có được năm tâm này, giờ giờ khắc khắc ôm ấp trong lòng thì tự nhiên lãnh đạm trước tất cả cảnh



giới phù hoa, tâm địa tự nhiên trong sạch, đem chỗ học từ trước, bao nhiêu tri kiến, học vấn, miệng lưỡi khéo léo, tất cả buông hết, phát tâm bồ-đề, dứt hẳn rượu thịt, chẳng tham, chẳng yêu, trì giới, tu phước, tạo các công đức để làm căn bản tải đạo. Luôn luôn đọc kinh điển Đại thừa, trợ phát tự tâm, mở tri kiến Phật, mới có thể quán. Chỉ quán tâm này, quảng đại tròn sáng, thanh tịnh rỗng lặng, một pháp không thể được, vọng niệm vốn không, cũng không sanh diệt, mà căn thân này, tất cả động tác như người huyễn, nguyên không tâm thức. Tất cả cảnh giới trước mắt giống như hoa đốm giữa hư không, chợt khởi chợt diệt, xưa nay chẳng có. Duy chỉ một niệm viên minh, rõ ràng chẳng mờ. Niệm này cũng không, đó là chánh niệm. Dụng tâm như thế, trong mười hai thời, động tĩnh, nhàn rồi bận rộn, đều như như chẳng động; nghịch thuận, tốt xấu, oán thân đều bình đẳng. Tùy thuận thế duyên, làm các công đức, một việc, một pháp đều thành tịnh hạnh viên diệu. Hành như thế gọi là Bồ Tát hạnh. Đạo nhân nếu như thế dụng tâm có thể nói chẳng ra khỏi trần lao mà làm Phật sự, hiện thân Tể quan mà thuyết pháp, nghĩa là báo được ân Phật, báo được ơn nước. Ông bửu tánh lanh sáng, phát tâm hướng về đạo nên tôi đặc biệt chỉ dạy như thế. Xin tặng cho hiệu là cư sĩ Tịnh Diệu. Nếu ông không phụ tánh linh của mình thì chớ quên lời này.

Trân trọng.

## **Dạy Vương Sinh Cầu Thọ Giới, Đổi Tên Tục**

Wương Sinh tên Đình Tá, tự là Tử Chiêm. Ý của Sinh cho tên mình tục và tự thì phạm đến người xưa, thỉnh huyệt nhân đổi tên mới. Huyệt nhân vui vẻ bảo ông rằng:

- Lạ thay cho tư chất của ông! Truyện có nói: “Nếu ngày đổi mới, ngày ngày đổi mới, ngày càng thêm mới ” (Câu nhật tân, nhật nhật tân, hựu nhật tân). Nay chí nguyện của ông là bỏ cái cũ, nên ta sẽ làm mới hết. Không những mới cái tên của ông mà mới luôn tâm ông. Tên là khách của thực, tâm là thực của đức. Nếu chẳng nghĩ đến thực mà mong tên rộng thì chẳng phải đức vậy. Do đây mà quán, chẳng những ông tục ở tên mà còn tục ở tâm, nghĩa là người tục chẳng phải ở áo mão, lời nói, dung mạo mà là thói quen nhiễm ô ở tánh đức vậy. Tánh đức chúng ta vốn sáng, do ngày ngày nhiễm tham dục, mắt chạy theo sắc tà, tai theo tiếng dâm, mũi theo mùi hôi, lưỡi theo vị bậy, thân theo xúc chạm hư vọng, tâm theo nghĩ tà. Sáu cái chen lẫn, chìm đắm mê mờ trong đó, nung đức dần dần nhiễm quen thói thành tánh, cho là có sẵn, là cố nhiên, cho nên rong ruổi mãi trong cảnh hôn mê. Tánh đức vốn sáng, trở thành vật khác. Đâu biết cái ta cố nhiên

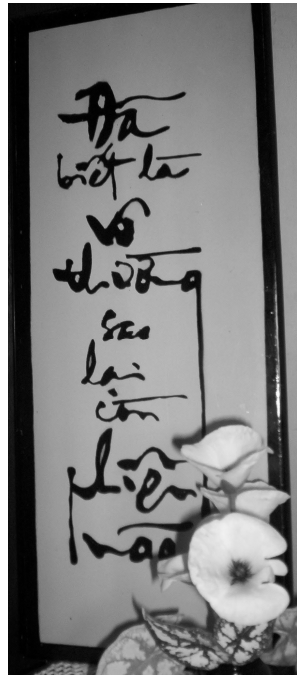
này có phải là chính ta xưa cũ không? Thánh nhân thương xót là thương xót chỗ này, nên ban nước giới để tẩy rửa. Hơn nữa, giới chẳng phải là vật gì khác mà chính là trí quang sẵn có của tự tâm, tức nhà Nho gọi là minh đức. Nay người này trí quang chẳng sáng nên minh đức ngày càng mờ. Nay minh đức trở về với thiên chân, ắt phải sáng trí quang mà phá mờ tối, mờ tối bị phá, bốn thể hiện, trí quang sáng, thì các chương tiêu. Đức Phật chúng ta sở dĩ cấm sát sanh để thành tựu nhân, cấm trộm cắp để thành tựu nghĩa, cấm tà dâm để lập lễ, cấm nói dối để đôn đốc tín, cấm uống rượu để sáng trí. Ngũ giới đủ thì đủ ngũ thường, bớt lục tình thì tam nghiệp trong sạch. Đây nghĩa là rửa sạch tập nhiễm cũ tiến đến ngày càng mới, bỏ cái ta xưa cũ mà tạo sự chuyển hóa mới. Nên huyền nhân cũng đổi tên là Ngôn, tự là Tử Luân, đem danh tự này mà phụng trì giới Phật như theo mệnh vua vậy. Ông hãy cố gắng.



## **Dạy Chu Tử Tiềm**

Năm màu khiến mắt người mù, năm âm khiến tai người điếc, năm vị khiến miệng người lảm, rong ruổi sẵn bản khiến tâm người phát cuồng. Đây là giới của Lão Tử. Không phải lễ chớ nhìn, không phải lễ chớ nghe, không phải lễ chớ nói, không phải lễ chớ động. Lại nói: “Lúc nhỏ, khí huyết chưa ổn định thì phải giữ gìn ngăn cấm sắc. Đến trưởng thành khí huyết mới cứng chắc thì răn giữ chớ tranh đấu. Kịp đến già, máu huyết đã suy, ngăn ngừa chớ sở đắc”. Đây là giới của Khổng Tử.

Chẳng giết, chẳng trộm, chẳng dâm, chẳng vọng ngôn ỷ ngữ, không hai lưỡi, ác khẩu, chẳng tham, sân, si. Đây là giới của Phật. Ôi! Vì tánh chúng ta vốn tự lạnh sáng, trong sạch, chỉ vì tập nhiễm vấy bẩn. Ngày càng chìm đắm trong mê mờ chẳng tỉnh. Chỉ trong khoảng mắt, tai, miệng, mũi, thân tâm cùng thanh, sắc, hương, vị, xúc, pháp, đối đãi nhau, dính khấn, buộc ràng, dẫn dắt tâm tranh đấu. Mê hoài chẳng quay trở lại. Nên thánh nhân bi mẫn đặt ra giới luật, muốn đem trừ tập nhiễm cũ, đoạn dứt trần tập mà hồi phục chân tâm thanh tịnh của mình. Do đây mà quán, giới tại ta mà đủ tại tâm, tu cho thân là nghĩa đạo chẳng xa người. Nên nói: “Thánh cách xa rồi ư? Theo đây tức là thần”. Chúng ta muốn đến nguồn của đại đạo, chỉ ở chỗ thuần căn phụng trì theo đây mà thôi. Chu Tử tuổi trẻ có chí tha thiết hướng thượng chú tâm về đây, nên tôi nhân đó viết thư này mà dạy.



## **Dạy Sa Di Tổ Định**

Ông thường thấy chợ búa ở đời bày bán la liệt thịt chặt, nấu mà người đi qua, không mấy ai không trở mắt nhìn thèm nhỏ dãi và đều muốn nếm một miếng. Đây là tình thường. Mỗi lần thấy đồ đệ ta xưng là sa-môn, Thích tử, thân ở rừng Chiên Đàn, chân đạp đất Thanh Lương, trải qua chợ Đại Pháp bày diệu vị Cam Lộ đề hồ, mà lại coi khinh như thuốc độc, không đáng thương sao?

Tuy nhiên vì chưa biết ném qua nên khiến cho biết, há chịu thua cái tình thềm thịt sao? Đức Phật chúng ta đầu tiên ra đời liền đem Ba-la-đề-mộc-xoa để dạy người. Đây là đem cam lồ bày ở khắp đường, mong mỗi người người ném đến, để đồng vào làng bất tử. Có mấy người đi qua mà chịu ném? Tôi tùy duyên vào thành Vương Xá, dừng ở vườn rừng đấng Từ Thị, vừa mở chợ Cam Lộ có Sa-di Tổ Định, từ Ngô Hưng đến tham vấn cõi Phật trang nghiêm, pháp môn tối thượng. Nhân đó chỉ vào trong rừng, thì được ném pháp vị Cam Lộ này. Nói là pháp Cam Lộ tức là bốn giới trọng căn bản.

Than ôi! Người ta chìm đắm miệt mài đã lâu trong trường sanh tử, tạo xong khổ cụ giường đồng đều nương bốn cái dâm, sát, đạo, vọng mà lập. Cho đến Tịnh Độ Trang Nghiêm của chư Phật cũng đều từ chỗ đoạn bốn cái này mà thành tựu. Nên nói: Đoạn hẳn tâm dâm, mới thành Phật đạo... Nay Sa-di toan bỏ ngôi gạch làm tòng lâm. Chuyển đất dơ thành tịnh độ, nếu chẳng lật phá bốn căn làm bốn mặt hồ thanh lương, há có thể biến ba độc thành ba loại giải thoát ư? Thế nên Lão nhân Hải Ấn khen rằng: Phật tử nếu muốn thành tựu pháp môn công đức vô tận, phải nên khéo léo học Ba-la-đề-mộc-xoa này là đệ nhất nghĩa đế. Tất cả pháp môn đều từ đây mà vào.

## **Dạy Ngô Công Mẫn**

Không Sanh hỏi Phật: “Làm thế nào an trụ? Làm thế nào hàng phục được tâm?” Phật đáp: “Nên như thế trụ, như thế hàng phục tâm”. Lại nói: “Nên không chỗ trụ mà sanh tâm”. Lại nói: “Tin tâm thanh tịnh tức sanh thực tướng”. Nhưng thực tướng không có tướng thì ở đâu có sanh? Bởi vì sanh tức vô sanh, thì trụ vốn không trụ. Tin tâm như thế thì ngũ uẩn thanh lương, một niệm chóng không, các vọng diệt hết, hàng phục như thế thì không phải hàng phục mà thật hàng phục. Công Mẫn tin tâm rất thuần nhất, theo tôi xin thọ giới Bồ Tát. Lại hỏi phương pháp gìn giữ tâm. Tôi bảo cho phương pháp điều phục như thế. Lại đổi tên tự là Điều Phục. Còn như tướng tức vô tướng thì chẳng thể đem vô tướng làm vô tướng. Nên lại đặt đó làm định khóa, hằng ngày chẳng đổi, lâu dần thuần nhất, dứt hết các tướng, chóng khế hợp vô sanh. Tức là chỗ nói lòng tin thanh tịnh liền sanh thực tướng.

## **Dạy Hai Ông Trùng Và Hoàn**

Ngũ nói: “Quân tử bên trong chẳng hậu trọng thì ngoài chẳng có uy. Sự học thì chẳng bền chắc”. Lại nói: “Trong không chủ chẳng lập, ngoài không chính chẳng hành”. Lời này tuy nhỏ có thể lấy để dụ việc lớn. Đó là Đạo học Thánh hiền, thế và xuất thế, chẳng có ai chẳng tự chính tâm, thành ý, tu thân, mà đến được chỗ “cách vật trí tri”, “minh tâm kiến tánh”. Nên Khổng Tử vì Nhân lấy ba điều tỉnh xét, bốn điều chớ làm, làm đầu. Đức Phật chế tâm lấy tam nghiệp, thất giác chi làm gốc. Xem khắp nhân vật xưa nay từ trên xuống dưới, người thành bậc đại khí mở mang nghiệp lớn, ánh sáng chiếu khắp vũ trụ, rõ ràng làm sự phạm cho người, chưa có ai chẳng do đây mà đến đó, do thô mà đến chỗ cực kỳ tinh tế, do gần mà đến chỗ rất xa. Nay, người học phần đông lấy tai miệng cho là thực học. Cho cái thấy của mình là chân tham. Cho bàn luận phù phiếm là thuận vật. Cho phóng túng là thích tình. Cho sự



xuôi theo là dung chúng. Lấy buồng lung làm dưỡng chí, cho ăn no ở yên là điều thân, cho duyên tưởng là chính tâm, cho thúc liễm là khổ hình, cho đoan trang là ngạo nghễ, cho khắc niệm là tự làm khổ, cho tinh trì là làm duyên, làm bộ. Cho đạo nghiệp là vật lâu dài, cho thân thể là kim cương, cho sanh tử là việc thừa. Thân chẳng lập, tâm chẳng tham cứu, đạo nghiệp chẳng thành, học vấn chẳng tinh. Đây là lý do mà đời càng xuống thấp, đạo càng suy vi, tâm ngày càng mờ mịt, chí ngày càng tiêu mất, thói quen ngày càng tệ hại, hạnh thì ngày càng thiếu bạc. Kinh điển ngày càng suy đồi, Phật pháp ngày càng hủy diệt. Đuổi gió bắt bóng, người hậu học không nơi nương tựa, mong thấy thực chất trong sạch hoàn toàn trong sự tu của chúng ta có thể được sao?

Khổng Tử nói: “Bậc thánh nhân ta chẳng làm được mà có thể thấy được. Thấy được người bền bỉ, hằng không thay đổi thì có thể thành thánh nhân vậy ” (Thánh nhân ngô bất đắc nhi kiến chi hỹ. Đắc kiến hữu hằng giả. Tư khả hỹ). Cho nên mộng của Chu Công, lời than của Phụng Điền, quân tử có chí há cứ thả lỏng mình ư? Hai ông cố gắng lên!



## **Dạy Giang Ngô Du**

Cùng túc hạ mỗi miệng đã 10 năm. Như dạy người uống rượu phải chừa rượu, phải nghiêm trang. Không được không nghiêm trang cung kính. Nói chung sự cung kính đó là thái độ của người say. Nay đọc thư tay của túc hạ, vừa hốt nhiên từ trong mộng say thức dậy. Khiến người động lòng thương xót, rồi mừng rỡ hoan hỉ. Vì ở đời đều say, nếu mọi người đều như túc hạ thì chẳng quý một mình tôi tỉnh. Thường bảo Tô Tử là gã lưỡi đầy một miệng, ông ta mong cầu phú quý, hăng hái không ai bằng, mỗi lần lưỡi biếng, treo tóc lên xà nhà, đâm đui để đối trị cho tròn chí nguyện. Hướng giá trị của bạc thánh hiền xuất thế một người được Vô thượng diệu đạo mà đem bao

nhieu vàng ra so sánh cho được? Việt Vương gặp cái nhục Cối Kê, chí muốn báo thù vua Ngô, bèn nằm gai nếm mật hơn mười hai năm, mới xong nghiệp bá. Vậy mà tham ái nhiều kiếp há ngang với thù Ngô? Bị giam hãm tối tăm trong sanh tử, khốn nhục hình hài há ngang với cái nhục Cối Kê? Nếu túc hạ chẳng ôm mối hận, nghiêng răng mà quên tâm nằm gai nếm mật, chẳng thể cột tóc xà nhà, đâm đui cho đau, thì lấy gì để đáp đền cái chí ban đầu? Rửa cái nhục lớn được? Được nghe, trên cùng lập đức, kế đó lập công, sau nữa lập danh. Túc hạ thật có thể đem cái trên cùng tự khích lệ thì nghèo mà có thể vui. Ngoài ra có gì chạm đến tâm? Khổng Tử nói: “Kẻ sĩ để chí nơi đạo mà còn hổ thẹn, ăn không ngon, mặc không đẹp thì chưa đủ cùng họ bàn luận”. Cổ nhân cũng nói: “Nếu có được cái vui đạo nghĩa thì hình hài có thể gạt ra ngoài”. Hình hài đã gạt ra ngoài thì ngoài việc này còn gì nữa. Vậy còn gì có thể chạm đến tâm, hết lo lắng, mà không khoáng đạt ư? Mong túc hạ cố gắng lên.

## **Dạy Vương Mục Trương Và Chu Thế Phụ**

Người ta thường bảo: “Trời sinh muôn vật chỉ có người là tối linh”. Đây là Cổ Ngữ vậy. Tôi cho đó không đúng. Sao vậy? Vì người cùng muôn vật đều đầy đủ tánh linh giác, tánh này chia đồng đều mọi vật, đâu từng có gián cách giữa người và vật. Rốt cuộc sở dĩ khác với vật vì vật có đủ mà chẳng biết. Người thì biết cái đủ này. Người biết vốn đủ mà sống trọn vẹn là thánh, biết nên sống trọn vẹn mà chẳng thể chóng trọn vẹn là hiền. Người biết mà chịu mong cho trọn vẹn là trí. Người biết mà chẳng chịu quay trở lại mong cầu là ngu. Biết mà không chân thật, mong cầu thái quá gọi là cuồng. Biết mà chẳng sáng, chấp một giới hạn cho là tất đáng gọi là hẹp hòi nóng nảy. Đến như người chẳng biết mà vọng cầu gọi là quái, cùng bọn chẳng biết mà chẳng cầu là vật mà thôi.

Than ôi! Đây là người cùng vật khác nhau, chỉ ở chỗ biết cùng chẳng biết, cầu cùng chẳng cầu. Tuy cách nhau hào ly mà được và mất xa nhau vạn dặm. Trộm xem Tam Tề quân tử ai

chẳng lòng bực bội, miệng tám tức, miệt thị ngàn xưa, phỉ nhổ công danh. Tuy sự nghiệp như Y, Chu vẫn chẳng đủ xem. Kịp khi hỏi đến tâm tánh thì trở mắt ngậm miệng. Bàn về cái diệu của tâm thì đều cười cợt vỗ tay, đến lúc nói về Phật thì ngó mông lung chẳng đoái hoài. Ôi! Biết có tâm mà không biết có Phật, thì giống như biết hai lần năm mà chẳng biết mười.

Thế nên đạo thuật chẳng sáng, mà bậc anh minh hào kiệt cũng chẳng khỏi bị vùi lấp ở đây. Đây chẳng phải lỗi của biết mà kỳ thực là lỗi của không biết. Lại chẳng phải lỗi của không biết, kỳ thực là lỗi của không tin tâm. Tôi trộm nghĩ không phải thật không tin tâm mà vì chưa có người đem chân tâm mà nói cho biết. Nếu như sớm chiều đem chân tâm thật ngữ huân tập, đào luyện dần dần quen thuộc. Tuy chẳng thể tự tin, cũng sẽ theo đó biến đổi. Quân tử ở đời thấy nghe là chuyện thường của tai mắt, thì sự thông minh trời ban cũng sẽ cùng sự thấy nghe mà biến đổi. Nên nói: Tập tục đời đời con người, người hiền cũng không thoát khỏi. Lời đó đáng sợ thay! Than ôi! Tiếng than đêm dài vì ai mà nổi lên.

Tôi nay để thân ở biển đông, núi trống đầm lớn, xông vào hiểm trở, đập vào chỗ cơ nguy cũng đến mấy lần, suýt chẳng thoát khỏi miệng hùm; người biết ta bảo tâm ta lo, người không biết ta bảo ta mong cầu điều gì. Đây sở dĩ ôm lời than đêm dài mà nuốt nước mắt cùng biển đông đua chảy. Tuy nhiên một lần khói bay, đại địa mùa xuân bừng dậy, một chiếc lá lia cành, mà khắp trời thu đến. Vì cảm chẳng sâu nên ứng

chẳng tới. Sang năm mới, đất này có hai, ba quân tử đủ cốt trượng phu, thấy tin tự tâm mờ hôi tuôn thắm hai nách, mà điệu Dương Hòa sắp thấy. Tôi đem xương hóa sóng dài, có gì ăn năn?

Vương Sinh Mục Trương, Chu Sinh Thế Phụ, ngày Đông Quý Tỵ, đến thưa hỏi Hải Ấn, đạo vị thiên nhiên này, đại khái không có mảy may khư khư tục tập. Tôi thàn than: “Đây là những nam tử kỳ khôi”. Tuy nhiên Mục Trương, Mục Trương! Thế Phụ, Thế Phụ! Đã biết cái “bổn hữu” mà chịu tìm cầu, thì tôi cũng mong mỗi ở hai ông. Chẳng mong ông làm Phật mà mong hiện thân Tể quan, Cư sĩ thuyết pháp, sẽ thấy cội rễ Bát-nhã sâu dày; tập tục nông hậu, chăm chỉ chuyển hóa. Những người non yếu cõi này, như người hoặc vật đều được dựng lập, đều được dạy dỗ để sanh về làng Cực Lạc. Ông hãy cố gắng! Ông hãy cố gắng! Vì đâu mà xưng là quân tử?



## Dạy Đồ Sinh

Khổng Tử nói: “Chỗ ba quân có thể đoạt chức nguyên soái, còn kẻ thất phu chẳng thể đoạt chí của hấn”. Lại nói: “Ăn cơm để cầu chí, quả có thể cầu sao?” Kha Chi (Mạnh Tử) nói rằng: “Giữ cái chí, đừng làm bạo cái khí”. Đây là thánh hiền dạy người, phơi bày hết gan mật. Phàm châu chấu nổi giận giơ càn chống lại bánh xe, cái chí này quả bằng thế sao? Tôi thường xem người học ở đời, người thì nói có chí ở công danh, hoặc có chí ở phú quý, hoặc nói có chí ở trung hiếu. Nêu lên điều gì cũng hay đẹp, kịp đến vừa gặp vũ nhục, lo lắng, hoạn nạn, đói rét, nghèo, bệnh, những chuyện chẳng vừa lòng thì khí tiêu thần tan, thở than khốn khổ không xiết, vừa gặp kẻ ngỗ nghịch thì phần hận chẳng kể đến thân, tửu sắc dâm dăng thì vui đến quên đời. Thế nên tôi thường nói rằng: “Cái chí chưa thấy như lời dạy của Khổng Tử, là chẳng thể đoạt, như lời dạy của Mạnh Tử là gìn giữ nó”. Đây cũng không khác, vì ăn cơm chưa từng cầu vậy.

Than ôi! Vũ nhục, ưu hoạn, đói lạnh, nghèo bệnh, ngang ngược, tửu sắc chẳng lớn đối với bánh xe, mà người chẳng phải nhỏ đối với châu chấu nhưng trọn không có một phen phần nộ để chống cự. Đây là vì cố sao? Người học tìm hiểu sâu chỗ này thì mới có thể đem “chí” mà nói với họ.

## Duy Tâm Kệ

Tịch diệu chẳng nghĩ nghĩ  
Viên mãn tâm chơn thật  
Rộng lớn đủ oai thần  
Biến hiện việc vô lượng.  
Thế này là các cấu  
Chẳng bỏ duyên nhiễm tịnh  
Thế và xuất thế gian  
Thành tựu các nghiệp thiện  
Các thiện như không hoa  
Xưa nay vốn chẳng có  
Vì không có gì cả  
Nên nói là chân thường  
Khéo đạt nghiệp tánh không  
Khéo huyền chẳng thể hoặc  
Chẳng đắm cũng chẳng chán  
Như lý quán thật kỹ.  
Chỗ khởi tức vô sanh  
Ngay niệm tự không tịch  
Trọn không mé trước sau  
Một niệm như Tu-di.  
Động tĩnh như bình đẳng  
Gió cảnh giới chẳng động  
Tịch diệt vui thường diệu  
Thanh tịnh như hoa sen  
Vào sâu bùn trần lao  
Chẳng nhiễm bợn thế gian  
Ôm châu như ý này  
Tùy chỗ cầu chẳng thiếu  
Thần quang chiếu tằm tối  
Giác khắp các hàm thức.



(Tịnh diệu bất tư nghi  
Viên mãn chơn thật tâm  
Quảng đại cụ oai thần  
Biến hiện vô lượng sự  
Kỳ thể ly chư cấu  
Bất xả nhiệm tịnh duyên  
Thế dữ xuất thế gian  
Thành tựu chúng thiện nghiệp  
Chúng nghiệp như không hoa  
Bổn lai vô sở hữu  
Dĩ vô sở hữu cố  
Cố thuyết tức chơn thường  
Thiện đạt nghiệp tánh không  
Bất vi huyễn kỹ hoặc  
Bất trước diệt bất yếm  
Như lý đế thực quán.  
Khởi xứ tức vô sanh  
Đương niệm tự không tịnh  
Liễu vô tiền hậu tế  
Nhất niệm nhược Tu-di  
Động tịnh bình đẳng như  
Cảnh giới phong bất động  
Tịch diệt diệu thường lạc  
Thanh tịnh nhược liên hoa  
Thâm nhập trần lao nê  
Bất nhiễm thế gian cấu  
Hoài tử như ý châu  
Tùy cầu vô sở pháp  
Thần quang chiếu ám minh  
Phổ giác chư hàm thức.)

## **Cư Sơn Kệ**

Tạm bời người trong núi  
Ở núi có gì vui?  
Ngày no ba bữa cháo  
Đuỗi dài hai chân ngủ  
Đá tảng làm giường thiên  
Ráng mây làm mền đắp  
Gió nhẹ thổi rặng tùng  
Tổ sáng ý Tây sang  
Khoác rụng hoa trong mây  
Lột hết mây trong mắt  
Một niệm dứt các bên  
Rõ không còn sau trước  
Tĩnh lại hai mắt tro  
Nhìn lại việc trong mộng  
Mò vớt trăng trong nước  
Trở lại thành trì độn  
Ném cả phàm lẫn thánh  
Mới rời khỏi khổ mẹ  
Một vật cũng chẳng đem  
Vẫn là nghĩa thứ hai  
Thấu qua cửa vô sự  
Mới xong kể ở núi.

(Tá vấn sơn trung nhân  
Sơn cư hữu hà thú?  
Nhật bão tam đốn chúc  
Trường thân lưỡng cước thù  
Bàn thạch tác thiền sàng  
Vân hà vi cái bị  
Vi phong súy u tùng  
Phát minh Tây lai ý  
Bát lạc vân lý hoa  
Quát trừ nhân trung ế  
Nhất niệm tuyệt trung biên  
Liễu vô tiền hậu tế  
Giác lai song nhãn không  
Hồi thị mộng trung sự  
Lao lộc thủy để nguyệt  
Khước phiên thành độn trệ  
Phàm thánh nhất tề phao  
Phương thoát nương sanh lụy  
Nhất vật bất tương lai  
Du thị đệ nhị ngã  
Thấu xuất vô sự quan  
Thủy toại cư sơn kế.)

## Thị Niệm Phật

*Niệm Phật vốn vì siêu sanh tử  
Trước phải cần biết tâm tử sanh.  
Si ái chính là rễ tử sanh  
Không nhổ rễ này khó giải thoát.  
Si ái tức là tâm niệm Phật  
Tức đem niệm Phật dứt si ái.  
Si ái nếu bay niệm niệm đoạn  
Tâm tâm Di-đà toàn thân hiện.  
Đây tức chính là chân tinh tấn  
Chẳng thể tạm quên trong một niệm.  
Tịnh Độ ở ngay trong tâm tịnh  
Chẳng được tìm kiếm ở bên ngoài.*

(Niệm Phật bốn vi siêu sanh tử  
Tiên tu yếu thức sanh tử tâm  
Si ái tiện thị sanh tử căn  
Bất bặt kỳ căn nan giải thoát  
Si ái tức thị niệm Phật tâm  
Tức tương niệm Phật đoạn si ái  
Si ái nhược năng niệm niệm đoạn  
Tâm tâm Di-đà toàn thân hiện  
Tức thử tiện thị chân tinh tấn  
Bất khả nhất niệm tạm vong khước  
Tịnh Độ tự tại tịnh tâm trung  
Bất đắc hướng ngoại biệt tầm mịch.)

## **Dạy Thiên Nhân Đại Trạch**

*Vạn dặm đến là ai?  
Đến để vì việc gì?  
Trong giầy mò mấy ngón  
Vốn không ở chỗ khác.  
Nếu tìm ở bên ngoài  
Chạy đến tận chân trời  
Cứ chạy đi chạy lại  
Pháp này vốn không trụ.  
Thử hỏi tăng Tào Khê  
Bồ-đề có cây chử?  
Nếu chẳng được một cành  
Uổng phí sắm hành lý.*

(Vạn lý vi thù lai  
Lai phục vi để sự?  
Ngoa lý mô chỉ đầu  
Nguyên bất tại biệt xứ  
Nhược hưởng ngoại biên tâm  
Tẩu tận thiên nhai lộ  
Lai lai khứ phục lai  
Thử pháp nguyên vô trụ  
Thí vấn Tào Khê tăng  
Bồ-đề khả hữu thọ?  
Nhược bất đắc nhất chi  
Uổng phí mại đơn bố.)



## Quán Thân

*Thân này như bọt nước  
Chợt hiện cũng chẳng bền  
Trẻ thơ cho là ngọc  
Bắt lấy chẳng đầy tay  
Hướng là ở trong đó  
Tham lam làm nguồn tội  
Chỉ dùng mắt trí xem  
Rốt cuộc làm gì đó.*

(Thị thân như thủy bào  
Sạ hiện diệt bất cữu  
Si nhi dĩ vi châu  
Thủ chi bất doanh thử  
Hướng phục ư thủ trung  
Đa tham vi tội tẩu  
Duy tại trí nhân quan  
Tất cánh hà sở hữu.)

## Quán Tâm

*Tâm này vốn không hình  
Chỉ thì chẳng thể thấy  
Khởi diệt không đầu mối  
Mau như chớp trong không  
Vọng tưởng theo trần lao  
Nai khát đuổi sóng nắng  
Đáng than người kim cổ  
Đều ép lành làm tiện.*

(Thử tâm bốn vô hình  
Thị chi bất khả kiến  
Khởi diệt liễu vô đoan  
Tấn nhược không trung diện  
Vọng tưởng trục trần lao  
Khát lộc bôn dương diệm  
Kham ta kim cổ nhân  
Đô áp lương vi tiện.)

## **Dạy Cư Sĩ Lục Nhất**

*Sự đời thoáng như mộng  
Tình người rỗng như mây  
Tuy biết trong chợ trần  
Tâm tĩnh liền lìa xa  
Dấu gần đâu trái tục  
Tâm không há ở nhà  
Chỉ xem nước dơ bẩn  
Lóng lặng mọc hoa sen.*

(Thế sự hốt như mộng  
Nhân tình không như vân  
Tuy tri trần thị lý  
Tâm tĩnh tức ly quần  
Tích cận ninh vi tục  
Tâm không khởi tại gia  
Đản khán ô trọc thủy  
Trạm trạm xuất liên hoa.)





## **Dạy Thiên Nhân Quý ở Kim Sơn**

*Tóc trắng sầu khó mờ  
Bụi trần đường chẳng thông  
Thân ở trong cảnh người  
Tâm nằm sâu vạn núi.*

*Ngày ngày trong trần lao  
Sớm sớm chốn thương ghét  
Chẳng biết bởi việc gì  
Cứ vì nó bận rộn.*

*Biển khổ sâu không đáy  
Việc phù sinh có bờ  
Chẳng biết trong ba cõi  
Nơi nào là quê nhà.*

(Bạch phát sầu nan giải  
Hồng trần lộ bất thông  
Thân cư nhân cảnh nội  
Tâm tại vạn sơn trung.

Nhật nhật trần lao lý  
Triêu triêu ái ố trường  
Ất tri nhân thậm sự  
Chuyên nhất vị tha mang.

Khổ hải thâm vô để  
Phù sinh sự hữu nhai  
Bất tri tam giới nội  
Hà xứ thị quy gia.)

## Núi Bồ Đề

*Chẳng đến núi Bồ-đề  
Sao biết cảnh Bồ-đề  
Riêng có người trong núi  
Quên lời tâm tự xét  
Đáng thương tâm địa thanh lương  
Vô có tham sân xuất hiện  
Sấm chớp trong tâm nổi lửa  
Đốt tiêu tự tánh thiên chân.*

(Bát đạo Bồ-đề sơn  
An thức Bồ-đề cảnh  
Độc hữu sơn trung nhân  
Vong ngôn tâm tự tỉnh  
Khả tích thanh lương tâm địa  
Vô doan bính xuất tham sân  
Thích lịch tâm trung hỏa khởi  
Thieu tàn tự tánh thiên chân.)

## Thành Tâm Dạy Đàm Chi

*Tâm chẳng chí thành thì chẳng sáng,  
Tánh không tĩnh thì không định,  
Tinh không tụ lại thì chẳng hoàn toàn,  
Thần chẳng ngưng thì không nhàn dật,  
Chí không chuyên nhất thì chẳng hết lòng,  
Khí chẳng nuôi dưỡng thì không hòa,  
Giận tức mà không trừng trị thì không bình,  
Lòng dục không lấp được thì không bớt,  
Học mà không giảng thì không rộng rãi,  
Hơi mà không biện thì chẳng thông,  
Tiết chẳng lập thì chẳng kiên vững,  
Tháo không giữ gìn thì không cứng mạnh.*

Thế nên cái học của người quân tử ở chỗ trọng những cái người ta khinh, thêm những cái người ta giảm, lấy những cái người ta bỏ, được những cái người ta không. Cho nên đạo lớn đức rộng, thân thông thả, danh được quý trọng; siêu vượt, không ai bì được.

# **Khắc Tựa**

## **Đại Thừa Khởi Tín Luận**

Đạo “chỉ thẳng” chẳng phải đợi đến Đạt-ma ở Tây sang, mà đức Thế Tôn của chúng ta đã riêng vì một đại sự này mà xuất hiện ở đời. Nghĩa là chỉ đem tri kiến Phật để khai ngộ cho chúng sanh. Nên nói: “Chỉ một sự thật này, có cái thứ hai nào khác thì chẳng phải chân”. Xem như thế thì đức Phật thuyết một Đại tạng giáo trong suốt bốn mươi chín năm đâu có gì chẳng phải là pháp “trực chỉ nhất tâm”? Chỉ vì chúng sanh căn cơ ám độn, nên Phật đại từ bi đem tâm lão bà tha thiết rũ mọi phương tiện mà khai thị chỉ cho tất cả quay về đệ nhất nghĩa đế.

Than ôi! Cái mê của chúng sanh quá cứng chắc. Ngay khi Phật nhập diệt chưa được bao lâu mà tà kiến đã nổi lên, phá hoại chánh pháp. Chẳng kể ngoại đạo mà thôi, ngay đến đệ tử Phật cũng thân tập quyền thừa chấp đó là cái thấy của mình, tự diệt chánh pháp, hướng nữa là ai khác! Vì thế hai tông tánh tướng ở Tây Vực, mỗi tông dựng lập môn đình khác nhau thậm chí chia nước sông mà uống. Sau đó khá lâu, hơn sáu trăm năm, có đại sư Mã Minh xuất hiện làm một cuộc chấn hưng lớn lao, tóm thâu áo nghĩa của Lăng Già... Một trăm bộ kinh Đại thừa, trước tác Đại Thừa Khởi Tín Luận để phá tà chấp, mở rộng cửa nhất tâm pháp giới, nhiếp hội tánh tướng vào một nguồn, đưa ba thừa về chỗ chí cực, khoảng trong một vạn lời. Ngay cho các nhà có nổi lên lại cũng

không thể tăng thêm một chữ. Có thể bảo là tấm gương tròn sáng để tu hành.

Than ôi! Mã Minh là tông sư truyền tâm theo Lăng Già để tạo luận. Đạt-ma là ty tổ của Thiền tông cũng chỉ Lăng Già để ấn tâm. Sở dĩ như thế chính vì sợ người tu hành đời mạt pháp, chính nhân không được sáng, rơi vào tà kiến mà phá hoại chánh pháp. Sao người thân giáo gần đây chẳng lo minh tâm, chỉ chấp vào văn tự ngữ ngôn cho là cứu cánh. Còn người tham thiền lại dùng tu mù làm việc hưởng thượng, mạt sát giáo thừa; cam rơi vào chỗ ngu mê, cố thủ thiên chấp cho là tất đáng? Một cuốn luận này chính là sách chỉ nam cho cả Giáo và Thiền vậy; là gương sáng của nhất tâm, mà so sánh cho là văn tự há chẳng lắm lớn sao!

Ô hô! Ở Ấn Độ, cái chấp tánh tướng đã bị Mã Minh cực lực đả phá... Còn phương này, sự thiên chấp của Giáo - Thiền thì có Khuê Phong viết “Thiền Nguyên Thuyên”, Vĩnh Minh lại sưu tập 100 cuốn Tông Cảnh phát minh yếu chỉ tánh tướng một nguồn, như “Bạch nhật lệ thiên” mà kẻ hậu học chẳng thèm nhìn đến. Như thế há là người chơn thật tham cứu đại sự sao?

Tôi lúc trẻ đã bỏ giảng nghĩa. Ban đầu nghe các kinh chẳng biết nói gì, liền dốc chí tham cứu. Khi tánh được khai mở, trở lại xem văn tự, thì thật là như đẩy cửa rơi chốt. Nên có viết Lăng Già Bút Ký và Lăng Nghiêm Huyền Cảnh, đều là đem giáo thừa chỉ quay về một đường hưởng thượng, nhưng mà những người học tập kinh điển ở đời lại cho là tôi không theo xưa, còn người tham thiền

lại cho tôi là ông thầy văn tự. Tôi tuy lưỡi có dài quét đất cũng chẳng làm sao được? Không lạ lùng sao? Họ xem Mã Minh, Long Thọ, Khuê Phong, Vĩnh Minh là người ở ngoài tông môn, cho một Đại tạng kinh là giấy lau mũ đàm, lại trách thuyết phát minh nhất tâm là văn tự, mà chấp cơ duyên của chư Tổ là việc hưởng thưởng. Nhưng cơ duyên không phải là văn tự sao? Tôi bảo là người cố thủ vọng tưởng, tăng trưởng ngã mạn mà tham thiền, thì chẳng bằng người thân trì kinh luận là hạt giống chính nhân Bát-nhã. Lại nữa, tham thiền cần liả tâm ý thức; đã có thể liả tâm ý thức để cầu hưởng thưởng, há chẳng thể liả văn tự để ngộ ý chỉ ngoài lời sao? Cái tệ này của pháp môn chẳng phải là lỗi của người học. Bởi vì thầy trò chánh nhân chẳng sáng, có lỗi vọng chấp cái thấy của mình.

Luận này Cựu Tôn Hiền Thủ sơ giải do Trường Thủy ghi lại quá rắc rối, người học hoang mang, mờ mịt không thể tra cứu. Tôi theo bản sơ giải cựu, bỏ bớt những chỗ phiền phức, giản lược cho nhất quán, lời dường như không đầy đủ nhưng vì ý nghĩa bài sơ của Tổ là giải thẳng, đem bản văn mà sơ cho thông suốt, muốn người học theo ngay một cửa này mà vào. Như thế thì Giáo có thể liả lời mà được nghĩa, còn Thiền cũng chẳng rơi vào đường tà, là cái chìa khóa cửa lớn để cứu sự mật pháp. Bản giải này người xem phần đông vui mừng vì rất thẳng tắt nên đã khắc ở An Thành Chung Nam. Nay lại khắc ở Tân An. Người xướng đạo trợ duyên đều là pháp lữ tử chúng một thời vậy.

# **Bài Tựa**

## **Diệu Pháp Liên Hoa Kinh**

### **Thông Nghĩa**

Tôi năm mười chín tuổi cạo tóc theo tiên sư Vô Cực, nghe Hoa Nghiêm huyền đàm, đối với tông chỉ pháp giới viên dung có niềm tin chắc thật, đến cái dụng thường trụ của hải ấn tam-muội, chợt khế ngộ bèn quay về tông pháp giới. Sau nghe kinh Pháp Hoa, bàn về thực tướng, mà tôi chẳng biết thực tướng ra sao. Lại nghe nói: “Nếu rõ thực tướng thì văn tự có thể lược bớt. Do đây hoài nghi rất cấp thiết. Mỗi lần bị ép giảng kinh, tôi đều rất mù mờ. Đến lúc đi hành khước phương Bắc, phàm tham vấn các bậc kỳ túc, tôi đều đem câu “Thế nào là thực tướng” để thưa hỏi. Nhưng rốt cuộc không có ai khai phát cho. Tôi mới để chí mộ tham thiền, chuyên tâm vào một đường hướng thượng. Từ đó tôi dẹp hết văn tự, vào núi Ngũ Đài tập khô thiền, nỗ lực nghiên cứu việc của chính mình suốt tám năm, được tự tin chút đỉnh.

Tôi trở về Đông Hải, một hôm chúng thỉnh thuyết kinh Pháp Hoa, giảng đến phẩm Phương Tiện, cảm ơn Phật thâm sâu, tôi bất giác rơi lệ khóc òa. Đối với ý chỉ thực tướng, một lần nữa hốt nhiên chẳng còn nghi ngờ. Nhưng đối với lời văn của kinh vẫn chưa thấu triệt hoàn toàn, dường như vật làm ngại mắt. Không bao lâu, vì việc hồng pháp, tôi có xúc phạm đến Hoàng Đế

khiến ngài nổi giận đày ra Lôi Dương. Đại sư Đạt Quán có hẹn với tôi đến Tào Khê lễ bái và đã đến đợi tôi ở Khuông Lô. Khi nghe tôi gặp nạn, ban đầu cho là chắc chết. Đại sư liền đến trước Phật, hứa tụng một trăm bộ Pháp Hoa để cầu nguyện cho tôi. Sau tôi về Nam, qua Long Giang, Sư đến từ biệt tôi trên sông, báo cho tôi biết việc hứa tụng kinh. Năm Bính Thân, suốt ba tháng đi đường, đến qua năm Mậu Tuất, tôi bèn kết pháp xā ở Lũng Bích Thanh Môn Ngũ Dương, tập hợp đệ tử chừng vài chục người, tụng kinh Pháp Hoa để trọn nguyện trước. Đại chúng thỉnh tôi diễn giảng, đến phẩm Hiện Bảo Tháp, rõ ràng như gặp vật cũ trong nhà, mới tin đây là Phật chỉ tri kiến Phật; cho đến tám phẩm sau phẩm Thần Lực, người xưa phán cho là lưu thông. Tôi xem kỹ biết là không đúng, bèn dùng bốn chữ “khai, thị, ngộ, nhập” để phán toàn kinh này thì sau là nhập tri kiến Phật. Trong hội những người nghe xong đều vui mừng hơn hở. Giảng xong, họ yêu cầu tôi ghi lại. Nhân đó tôi đặt tên là Kịch Tiết, đem bốn chữ thông suốt ý chỉ đầu đuôi một kinh.





## **Kính Sơn Tạt Lọc**

Sư ở Kính Sơn, cùng đệ tử tiếp kiến, những lời chỉ dạy hằng ngày đều là ấn chứng và lợi sanh rất là thân thiết, không nên để thất lạc. Tôi bình thường có thể lãnh ý chỉ mà không thể ghi nhớ. Sư nói sâu rộng mênh mông mà tôi mười ngày sau mới khởi ý này cho nên không nhớ được hoàn toàn đúng lời, thứ tự trước sau. Nay tôi ghi lại được. Những lời trước và những lời khai thị tiếp. Ghi hết vào làm pháp thoại Kính Sơn để tiện khắc bản rộng rãi, và không uổng lòng từ của đại sư ban bố.

Tất cả đại chúng đều cùng một lòng.

## **Đệ Tử Chu Lộ Ghi**

\* Một đại sự này phải bình thực thương lượng mới được thọ dụng. Đệ nhất chẳng được thích sự huyền diệu, môi mép như sóng môi, tôi bảo đó là đùa tinh hồn.

\* Việc này nếu không do tham cứu mà vào thì không đắc lực, nếu không có dùng kinh ấn chứng thì không được chánh tri kiến, nếu không ở nơi cảnh duyên mà rèn luyện thì cũng chỉ là việc bóng sáng ngoài cửa. Đến khi gặp cảnh giới bát phong nghịch thuận thì liền bị dao động, cướp

mất, chẳng thấu qua được. Nếu dùng tông nhập, dùng giáo ấn, dùng cảnh duyên hàng ngày để nghiệm, chỉ ở trên cảnh nhẹ nhàng thoát ra, không tâm dính mắc thì đó chính là chỗ dụng tâm đặc lực. Có thể lấy cảnh duyên tự khám nghiệm. Cũng chẳng cần nương hoàn toàn vào lời nói của thiện tri thức mà cho là pháp thực. Cẩn chặt thoại đầu, chẳng phải mong sáng tỏ thoại đầu, mà chỉ nhờ thoại đầu để phát nghi, chặt đứt vọng tưởng. Tham cứu cần phải lìa chỗ thoại đầu mà tham cứu. Hễ hạ được nghi tình mới đặc lực. Cổ Đức nói: “Lìa lưới câu ba tấc, ông làm sao nói?” Người xưa để tâm vào đấy, nghi cho đến lúc tình thức chẳng tới, lời nói chẳng thông. Chỗ bức bách cùng cực mới vọt ra một chút bóng sáng. Gọi là Lôi Quang Tam Muội. Chính nên tiến bước, không được vui mừng. Nếu nhận đây là đúng, tức là có chút ít cho là đủ, toàn thể đều bị cái điểm sáng này che mất, không lộ ra được. Về sau phát xuất ra đều bị nó sai khiến, hàm tàng trong bát thức còn có tập khí nhiều đời chủng tử vi tế chột hiện tiền. Nếu chỗ dùng sức chẳng được phải mượn sức chú để tiêu trừ chúng.

Hỏi: Chỗ không đồng của trí và thức.

Đáp: Chỉ là một niệm hiện lượng tối sơ là trí, vừa chuyển đến cái thứ hai thì thành tỷ lượng, là rơi vào tình tưởng. Lại nói: Dính khẩn vào tình là thức, không dính khẩn vào tình là trí. Cẩn chặt thoại đầu là nắm đứng con đường tình thức đến, chẳng cho khởi niệm thứ hai.

\* Tham ngộ cũng chẳng phải là việc rất khó. Trong ba tháng vững tâm nhất định thấy chỗ đặt

chân. Đệ nhất chẳng được còn tâm đợi ngộ tức là chờ đợi cái ngộ khác bên ngoài. Ngay đây liền là tấm ván ngăn, công phu không thể vào lại được.

\* Lại nói: việc này cần phải là người dũng mãnh mới làm được.

\* Người lợi căn đã nhiều đời được trí huệ, đời này gặp duyên, ngay đó liền xong. Có người chẳng do tham mà vào, chỉ cần bảo nhậm thấu thoát như Lục Tổ.

Còn người độn căn thì thế nào? Chỉ cần tự nhận ra mình. Độn căn chẳng có gì khéo, chỉ từ chỗ độn mà đắc lực.

\* Cẩn chặt thoại đầu. Trong tất cả giờ đều dùng được hết, liền có thể đi trên núi đao, đóng lửa. Dùng được nhằm liền là chỗ được định lực. Nếu có may mắn tránh né, thì toàn thân đọa lạc.

\* Người tham thiền chẳng được ngồi trên đất sạch trong, khiết bạch. Đây là hầm giam hãm ngàn kiếp muôn đời, tôi muốn vì chúng nói phá cho rõ ràng nên làm bài ca Đảm Bản.

\* Giáo nhơn, tông nhơn vốn không hai nhơn. Sư Vĩnh Minh nêu tông, toàn trích lời kinh để ấn nhập. Sợ người cứ một bề hướng bên đường không giáo nghĩa mà lầm đặt chân. Nếu không được con mắt giáo liền rơi vào tà kiến. Tôi chú giải các kinh sách Kim Cang, Pháp Hoa, Lăng Già, Lăng Nghiêm... theo từ chỗ tình thức chẳng đến, bên đường không giáo nghĩa vọt ra nắm lấy. Lại muốn đem giáo ấn tông, người học sẽ tự được.

\* Tôi lúc ở Đông Hải, một tối ngồi thiền, thân và thế giới đều không, hải ấn phát quang,

cảnh giới núi sông chấn động, có chốc lát ngộ nhập, vào được tương-ứng-huệ, chỗ Lăng Nghiêm viết đang khẩn cấp (trói chặt), hốt nhiên ở trước mắt. Tôi vội vàng đốt đuốc viết, tay viết không kịp dừng, đến hết canh năm là viết xong Lăng Nghiêm Huyền Cảnh. Thị giả ra hầu thấy đuốc tàn còn trên bàn, lấy làm lạ lòng.

\* Bồ Tát đều lấy lợi sanh làm sự nghiệp. Nếu chẳng thấu qua các thứ pháp thế gian thì không thể đầu cơ lợi sanh được.

\* Người học Phật trước phải phát tâm đại bi, phá chấp ngã làm chủ.

\* Công án cũ, người đời nay cứ đem tâm vọng tưởng đo lường thì mũi kim cũng chẳng đúng. Dù hội được, nói được, cũng không có chút sức nào trên phần mình.

\* Trong động hội được dễ vào, trong tĩnh vào được vô lực. Từ tri kiến người khác mà vào không có sức mạnh, trong tự tánh mà hội nhập mới đắc lực.

Hỏi: Theo duyên tiến được là thế nào?

Đáp: Duyên có hai. Duyên kiến văn thì có thối thất, duyên cảnh giới thì không thối thất. Hư thực không đồng.

Chúng sanh dục nhãn, Nhị thừa sanh nhãn, Bồ Tát vô sanh nhãn, Phật tịch diệt nhãn. Chỉ một tri kiến Phật là chính. Lại có tri kiến Bồ Tát, tri kiến Nhị thừa, tri kiến chúng-sanh, tri kiến ngoại đạo, các thứ tri kiến này đều sai lầm. Sở dĩ Thế Tôn dùng các thứ phương tiện chỉ cốt người rõ

nhất tâm. Nhập vào chánh tri kiến, gọi là tri kiến Phật.

\* Rõ được tâm sanh diệt tịch diệt là rõ được sanh tử.

\* Thế nào là hưởng thụ? Chỉ có cái buông xuống.

\* Lời Tổ sư, câu câu sống. Người học cho là pháp thực, thì câu câu chết.

\* Công phu hằng ngày chỉ cần xem thấu vọng niệm, không bị nó sai sử, chớ không có chỗ dụng tâm nào khác.

\* Nếu lúc quán tất cả không chẳng được thì sao?

Chỉ rõ biết là giả thì tất cả có thể không, tất cả có thể nhẹ.

\* Bồ Tát ở Cực Lạc làm việc gì? Tôi cần phải kéo ông ta ra.

\* Niệm câu A-di-đà , vốn đồng với một thoại đầu, người đời nay lại hiểu là đến Tây Phương.

\* Tất cả là huyền. Ai ai cũng hiểu được. Nhưng cần phải có chủ trương tác dụng về huyền, mới không bị huyền chuyển. Lúc tôi ở Hải Ấn, chợt nhớ công án “Lục Tổ nửa đêm bị người đến chặt đầu” liền muốn học định lực ấy. Mỗi đêm tôi mở cửa tập quán tưởng, giả như có người đến đòi mượn đầu, tôi cũng hoan hỉ cho ngay. Đêm nay như thế, đêm mai cũng vậy. Lâu ngày biết mình có sức định. Một đêm, bỗng nghe báo có ăn trộm vào, tôi nói:

- Hãy gọi họ đến.

Đốt đuốc sáng, tôi ngồi ngay ngắn không có chút tâm sợ sệt. Người ấy đến cửa, bò lết không dám vào, một người thật to lớn. Tôi nói:

- Trong đây không có gì cả!

Và sai người vào khố lấy hai trăm tiền ra cho.

Nếu trước không có chủ trương thì đã sợ hết vía rồi.

\* Khi tôi ở trong núi Ngũ Đài, tiếng huyền não như trăm vạn cuộc chiến, không có một giây nào yên. Một hôm nghe tiếng suối thường ngày chảy hết sức mạnh bạo, chợt không nghe nữa. Tôi vừa khởi nghĩ: “Sao vậy?” Lại nghe. Tôi bèn đến chỗ nước phun mạnh nhất, ngồi mấy ngày. Ngồi lâu, tiếng nước vắng lặng. Từ đây tiếng nước tuy chảy không dứt mà tôi như không nghe. Sau này ở yên trong núi, không bị tiếng huyền não làm động nữa.

\* Lúc tôi ở Đông Hải, gặp Hoàng Thái Hậu sai nội quan đem nhiều bạc đến cho, tôi chẳng dám cự tuyệt. Nhưng độ sức mình không thể lạm sử dụng, nghĩ đến những nơi đói khát, nên nhờ của Thái Hậu để bố thí, nội quan không chịu. Tôi liền báo mỗi huyện, những người được nhận bạc, tạo một tập sách đáp lại. Như vậy, sau hai cung nghe được đều rất vui. Và đến lúc bị nạn, nhờ sức của một việc này, bèn biết lúc gặp tài vật chẳng thể cầu thả.

\* Lúc ở Lãn Nam, nhân tình chưa thuần thục. Tại bờ núi tôi không làm sao cho họ quen với mình được; không thể thân cận. Có một đứa

bé muốn đến gần mà sợ tôi. Một hôm tôi học cách sử tử giống con, nên cố gắng chống ngược thân để làm quen, hái trái rừng cho nó, rồi càng ngày càng thân, nó không sợ tôi nữa. Từ đó, người ta gặp tôi không còn né tránh, đến làm quen.

\* Lúc tôi đến thăm Mổ Tổng Phủ. Ông cầm lại bảo đứng chờ dưới sân. Đến giờ đóng cửa cũng chẳng thấy cho đứng lên. Tôi hiểu ra bèn ứng tiếng hô tên tuổi xin yết kiến. Quay lại nhìn các cửa thấy không thể ra được, nó nặng như nghìn cân. Không biết làm sao, tôi lại gắng xưng tên tiếp kiến. Sau mới được đứng lên đi. Hôm sau tham yết cũng lại như vậy. Suốt một năm chẳng đếm xỉa gì đến. Những người chung quanh bảo ông ta là quan võ, đâu biết ông ta phá lệ thường tiếp đãi thiện tri thức. Cuối cùng ông ta hẹn ngày đồng đến yết kiến Vũ Viện. Tổng phủ sắm một chiếc thuyền, trang bị thức ăn, hoa quả, như đãi khách quý rồi mới thỉnh tôi qua thuyền làm lễ mời ngồi trên, thưa:

- Chẳng phải tôi không biết tiếp đãi ngài. Nhưng biết ngài là người khí cốt cao ngạo nên tôi mới như thế để làm thành cho nhau.

Ông vui vẻ chuyện trò rồi quỳ gối từ biệt. Hóa ra trong đám tử quan cũng có người tâm sâu xa như thế! Sao lại nói là võ biên ư!

\* Đọc sách không để tâm thể nhận thì không dùng được. Tôi chú giải Lão Tử đến chỗ “Thiên chi đạo, kỳ du trường cung hồ!” (Đạo của Trời giống như gương cung sao!) Thêm mấy ngày, suy nghĩ cho thích hợp mà không thể được. Tôi

bèn mượn người một cây cung, giương lên và treo lên vách, nằm ngồi đều ngắm nó. Hai ngày sau chợt ngộ chữ “trương” là đối với chữ “thi” (thi-trương là một mặt giữ, một mặt buông) mà nói. Lúc buông cung, bề cung cao có dư mà dây thấp không đủ thì không dùng được, và khi giương cung, đề cao mà nâng thấp, lấy bớt chỗ cong mà phụ vào chỗ dây tiêu thì trên dưới quân bình có thể bắn trúng được. Thiên đạo toàn lấy động làm dụng. Chủ trương cho mà không chủ trương nhận. Giải thích như thế là thích hợp vậy. Đến hai câu “trọng vi khinh căn” (nặng là căn bản của nhẹ), cũng phải hết mấy năm, không dám giải ầu. Đúng ngay ngày về Nam, tôi ngồi một mình trong thuyền tình cảnh buồn bã. Cái hiểu về khinh-trọng, tinh-tháo chợt hiện rõ trước mắt, mới ngộ ý chỉ lời của Thái Thượng. Bởi vì chính thân mình thử nghiệm và sau lại thấy. Vậy thì chưa thể bảo lời trình bày trên giấy chẳng có mùi vị chơn thật. Nên tôi chú thích một cuốn Đạo Đức Kinh mà trải qua mười ba năm mới xong bản thảo, chẳng phải là sơ sài.

Tôi viết kinh phải ngưng thần nhập quán, thể khế tâm Phật, thì đầu mối mới vọt ra. Nếu phải suy nghĩ thì không dùng trúng rồi.



## **Cách Thức**

# **Giáo Hóa Chúng Sanh**

Sách nói: Thánh nhân không ra đời thì vạn cổ như đêm dài đen tối, nên Phật Thích-ca Văn của ta thị hiện ở vương cung, xuất gia ở Tuyết Sơn, sáu năm khổ hạnh, ngộ đạo thành Phật, rồi thuyết pháp độ sanh ở vườn Lộc Uyển. Lúc đức Phật chưa ra đời, ở Ấn Độ có chín mươi sáu phái ngoại đạo, mỗi phái lập môn đình xưng là sư trưởng. Đến khi Phật thành đạo thuyết pháp, tất cả ngoại đạo đều quy y xuất gia làm đệ tử Phật, y theo giáo pháp tu hành, chứng quả A-la-hán, nên trên hội Linh Sơn có một ngàn hai trăm năm mươi người vốn đều là ngoại đạo, ngay lúc đó, những người tin Phật thì quy y Phật pháp, y giáo vâng làm, còn người không tin thì sanh kinh nghi cho đến nổi tạo các ma hại, hủy báng mà bị đọa vào ác đạo chẳng thể kể. Như thế thì biết ngày nay, những nơi chưa hành theo Phật pháp đều do lúc Phật chưa ra đời có trí hay ngu, hiền hay bất tiểu; tuy có nghi hay tin không phải một, đều vì chẳng biết bản hoài xuất thế của Phật chúng ta và phép tắc của phương tiện độ sanh có thứ lớp. Nên nay tôi lược thuật thứ tự của phương tiện độ sanh cho người chưa nghe, chưa tin Phật pháp, biết chúng ta là tăng, pháp môn hóa sanh chẳng

phải là một việc, một hạnh, một môn mà có thể vào được, nên nói: “Phương tiện có nhiều cửa, quy nguyên tánh chẳng hai”.

Tóm lại trong bốn mươi chín năm đều tùy thứ tự căn cơ lớn nhỏ, sâu cạn, nên nói kinh giáo chẳng nên vượt bậc. Mong mọi người nên biết rõ, chớ cho là lời tầm thường.

Phật vì một đại sự nhân duyên xuất hiện ở đời, nghĩa là khai thị cho chúng sanh tri kiến Phật, khiến họ ngộ nhập. Chỉ một việc này thôi chứ không còn gì khác. Một đại sự là muốn chúng sanh biết sanh tử là một việc lớn. Tri kiến Phật tức là Phật tánh sẵn có của mỗi một chúng sanh, do mê Phật tánh này mà thành sanh tử; nay muốn ra khỏi khổ sanh tử, thì phải lấy sự ngộ tri kiến Phật làm nghĩa đầu tiên. Như thế há chẳng phải Phật chỉ thẳng tâm người, thấy tánh thành Phật ra khỏi thế gian sao? Như thế thì Thiên đạo chỉ một đường ngộ tâm, chẳng phải đợi đến Đạt-ma từ Tây sang.

Nhưng Phật đặc biệt vì việc này mà ra đời, mà đâu dè chúng sanh từ nhiều kiếp đến nay, tham, sân, si, ái, phiền não, ác kiến, mê mờ quá sâu; chẳng kham chỉ ngay cho đại pháp ngộ tâm. Nên Ngài đem pháp Nhất thừa chia ra làm ba, do đây nên mới có bày ra thứ lớp tam thừa, nghĩa là Tiểu thừa, Trung thừa, Đại thừa. Cho đến có người không kham nổi pháp Tiểu thừa thì Ngài bày ra ngũ giới, thập thiện là thiện quả trời người, để họ khỏi đọa vào cái khổ của ba đường ác: địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh nên nói: “Chẳng giữ ngũ giới thì đường Nhân Thiên bị cắt đứt”. Nay chúng

ta là đệ tử Phật, tuân theo Phật dạy, lấy độ sanh làm sự nghiệp. Nếu không dùng phương tiện thứ lớp, dẫn dụ người vào đạo, rồi một ngày nào đó, đem đại pháp dạy họ thì ngược lại sẽ khiến họ sanh nghi báng, tự rước cái khổ tam đồ, đó là đem đề hồ làm thành độc dược, lỗi do không rành dẫn đường. Nên chúng ta tuân theo lời Phật chế, thiện nam tử tại gia gọi là Ưu-bà-tắc, nữ thì gọi là Ưu-bà-di, nên giữ ngũ giới để tu quả lành Trời Người.

Năm giới của người tại gia là:

1- Không sát sanh (Giới này cảm quả báo đời sau trường thọ và được quyến thuộc hòa hợp, hiện tại có con cháu hưng thịnh).

2- Không trộm cắp (Phàm cái gì không cho mà lấy đều là trộm. Giới này cảm quả báo đời sau được giàu có, ăn mặc đầy đủ, cầu được như ý).

3- Không tà dâm (Chẳng phải vợ mình mà sanh dâm dục gọi là tà dâm. Giới này cảm đời sau được vợ trinh lương, cha lành con hiếu, quyến thuộc lục thân hòa hợp).

4- Không nói dối (Phàm nói không đúng sự thật, gây chia rẽ hai bên, gọi là vọng ngữ. Giới này cảm quả báo đời sau, trí tuệ hơn người, lời nói chơn thật, ai nghe cũng tin, theo lời dạy mà làm).

5- Không uống rượu (Rượu làm hôn mê, rối loạn tâm tánh, phát cuồng sanh họa, là gốc của nghiệp ác. Giới này cảm quả báo đời vị lai, trí tuệ minh đạt, sự thấy biết siêu việt).

Trên đây là năm giới, khi Phật ra đời, lúc ban đầu vì người tại gia ở đời, đặc biệt đặt ra lời dạy này khiến người y theo giới tu nhân thì chẳng phụ đời này, khỏi đọa đường ác, mà còn có thể cảm đời sau không mất thân người, được sống lâu, giàu có, con cháu, gia đạo hưng thịnh, văn minh, thành đạt. Phàm đời nay, những người chức cao, quyền trọng, phú quý phong vinh, thông minh lợi đạt, đều là do giữ năm giới mà được. Năm giới này cũng là ngũ thường của nhà Nho, bất sát là nhân, bất đạo là nghĩa, không tà dâm là lễ, không uống rượu là trí, không nói dối là tín. Nên Phật pháp giúp cho vương đạo đem năm giới giáo hóa mọi người thì không tranh tụng, bớt hình phạt, nhà được an ổn, phong tục được thuần mỹ.

Đây là lời Phật bày nghi thức đầu tiên để giáo hóa chúng sanh. Nay người thế tục chẳng biết Phật pháp, toàn là người không có tâm thích thiện, mà nghịch lại sanh cái thấy báng Phật, báng Pháp, báng Tăng. Đó là tự mình cam chịu ngu mê, tự ôm đường khổ. Lại có một hạng người tuy có thể ăn chay, ăn rau mà không biết con đường tu hành chơn chánh của Phật pháp, lại nghe theo người tà vô vi, ngoại đạo, chẳng kính Phật Tổ, Trời Đất, chẳng hiếu đễ với cha mẹ, không đốt hương lễ bái Tam bảo, chỉ chuyên theo tà hạnh, tà thuyết, người mù dẫn bọn mù, tụ họp nói bậy, cho là truyền pháp, họ hoàn toàn không biết có con đường tu hành chơn chánh, mà ngược lại báng Phật Pháp Tăng, chấp cứng không giáo hóa được. Đây là người quá sức ngu si, là người

đáng thương xót! Nay chúng ta vâng theo chiếu chỉ, chính đây là những điều đang cấm.

Cúi mong các bậc cao minh quân tử ở đời, hãy biện rõ tà chánh, phải trái. Phạm gặp bọn này, hãy nên khai thị cho họ bỏ tà về chánh, không những hộ trì Phật pháp mà còn hỗ trợ vua cai trị. Học tà, học chánh đều là một niệm tâm lành. Đáng tiếc vì chẳng biết là tà, mà lầm đọa. Nay nếu biết là trái, sao lại không bỏ bọn tà mà làm người hiền lành chơn chánh, làm lương dân của đời Thánh?

Năm giới trên là Phật dạy tu nhân quả nhân đạo, Ngài lại bày đường mười nghiệp thiện, là nhân quả nhân thiên. Mười điều thiện là:

1- Ba nghiệp ác của thân: Sát sanh, trộm cắp, tà dâm. Nếu dứt được ba điều ác này thì gọi là ba đường thiện.

2- Bốn nghiệp ác của miệng: Nói láo, ỷ ngữ, hai lưỡi, ác khẩu. Nếu đoạn được bốn điều này gọi là bốn đường lành.

3- Ba ác nghiệp của ý: Tham, sân, si. Nếu đoạn ba điều này gọi là ba đường lành. Mười điều ác trên, người đời làm hằng ngày mà chẳng biết. Nay nếu có thể dứt mười điều ác này thì gọi là thập thiện, là nhân để sanh thiên. Đó là người thuần thiện. Mười điều thiện này chính là đạo chánh tâm, thành ý, tu thân của nhà Nho. Nếu quả có thể tu điều này, thì hiện đời là Thánh, là Hiền và nhất định cảm đời sau sanh ở thiên cung, hưởng cái vui thắng diệu. Đây thật sự muôn ngàn lần là hạnh chơn thật. Người đời vì sao ngu mê chẳng biết, lại chuyên hưởng theo tà đạo mà làm

cho được? Há chẳng phải cô phụ tâm này sao?

Ngũ giới, thập thiện ở trên là đức Phật của chúng ta đặc biệt vì người tại gia ở đời, bày ra kinh giáo muốn người y theo đây tu nhân thì chẳng mất phước của trời người. Đây là lời tuyên dạy từ kim khẩu của Phật chẳng phải lời bàn hư vọng. Nếu không tuân theo đây mà tu, thì đều là tà đạo, chẳng phải là chánh hạnh. Tuy chịu khổ tâm tu hành mà đều không lợi ích, ngược lại còn tăng thêm quả khổ. Đây là dùng khổ bỏ khổ. Đức Phật chúng ta đã đau khổ với nó quá kỹ rồi. Nay người đời nói năm bộ kinh, sáu cuốn sách, chính là ngoại đạo, tà nhân mà xưng càn là sư trưởng, lén trộm ngôn cú của Phật Tổ, góp nhặt loạn xạ những lời quê mùa ca vè thế tục để ngu hoặc dân. Đó là người tà đạo làm loạn chân lý. Nay thánh chỉ cấm, chính đều là bọn này. Người tại gia đã có lòng yêu điều thiện, sao chẳng quy y Tam bảo mà đem cái thấy tự ý thế trí thông minh lanh lợi rồi sanh tâm hạ liệt, coi thường ngũ giới, thập thiện, chẳng thêm làm, cho ưa thích thiên là Tối thượng thừa, chẳng tu ba nghiệp bèn đem công án hiện thành của Tổ sư, xem xong vài tấc, ghi nhớ trong bụng rồi ưa lợi khẩu, khoái dùng cơ phong cho đây là diệu ngộ của chính mình, hoàn toàn chẳng biết là trái. Hơn nữa lại phỉ báng kinh điển Đại thừa, cho là văn tự chẳng để tâm, cười tăng chân tu thật hành cho là Tiểu thừa, vọng khởi các thứ tà kiến, hoàn toàn chẳng tin có nhân quả tội phước, thậm chí khinh mạn Phật, khinh mạn Pháp, khinh mạn Tăng, họ đâu chẳng biết tự rơi vào hầm nghiệp chướng ngu mê, vợ con xúm

lại, đủ các khổ nhiệt nã đốt cháy, mà vọng chỉ trước mắt là đạo. Người ngu si như thế là người rất đáng thương xót! Mình đã có một niệm tâm hướng thượng, sao chẳng chân chân thật thật, hành công phu đúng đắn? Đó là chỗ nói “Nói được mười phần, chẳng bằng hành được một phần”, cứ nói bậy như thế, ví như người nghèo mà vọng xưng đế vương, tự chuốc tội bị tru lục, không đáng buồn sao?

Xin khuyên các bậc thiện lương ở đời, người thông minh lợi căn có chí ra khỏi sanh tử, nên tự lượng căn khí của mình, tham thiền chắc chắn là một đường hướng thượng vì đây là Phật Tổ chuyên vì người thượng thượng căn mà nói. Các người hãy tự mình kiểm điểm xem có phải là bậc thượng thượng căn không? Quả có thể ngay đây liền rõ hết sanh tử trăm kiếp chẳng? Nếu căn mình chẳng phải là thượng thượng thì nên lượng sức chính mình chuyên tâm tu môn Tịnh Độ, hồi hướng về Tây Phương, nguyện sanh về Cực Lạc, bỏ hẳn cái khổ ở Ta-bà. Một pháp môn này, người từ xưa tu nhân, tăng tục theo đây ra khỏi sanh tử không thể đếm hết. Chỗ nói “Vạn người tu vạn người đi” rất là ổn đáng, là đại pháp môn một mảy chẳng lầm. Tổ Sư nói: “Duy có đường tu hành tắt, chỉ niệm A-di-đà Phật”. Vì pháp môn này hoàn toàn không làm người lầm lạc. Nếu có thể buông hết thân tâm, theo đây tu hành, có quy tắc nên thực hành, tôi lược dạy ở sau đây:

Một môn Tịnh Độ, thường thường các bậc sĩ đại phu bàn luận đều cho là vì người trung hạ căn mà đặt ra. Nhưng không biết môn này nhiếp hết

cả ba căn, không cơ nào chẳng thâm, rất là quảng đại. Hơn nữa vừa đơn giản lại dễ thực hành. Ngay các Tổ sư ngày xưa, sau khi ngộ đạo, người hồi tâm hướng về Tịnh Độ không phải ít, như các đại Tổ sư Vĩnh Minh, Trung Phong... chẳng phải chỉ một người. Nhưng tu hành niệm Phật có ba căn thượng, trung, hạ chẳng đồng, nên cứu phẩm ở Tịnh Độ cũng nhân nơi căn cơ mà có khác biệt.

Tịnh Độ có ba loại:

- Thường tịch quang độ
- Thật báo trang nghiêm độ
- Phương tiện hữu dư độ. Đây tức là phàm thánh đồng cư độ.

Và ba cõi này tu nhân không đồng, nên chỗ cảm khác biệt. Nay tôi thử nói sơ lược.

**\* Thường tịch quang độ:** Tức là ở kinh Viên Giác nói là Đại Quang Minh tạng. Trong đây phàm thánh bình đẳng, y báo và chánh báo không phân biệt. Chỉ có pháp thân Phật trạm nhiên thường tịch, là cảnh giới chứng pháp thân của chư Phật. Đây chỉ có chư Tổ từ trước một niệm ngộ ngay pháp thân, diệu kế đồng thể, nhập vào cảnh giới Phật ở. Đấy chính là Tịnh Độ của người thượng thượng căn. Há có thể coi thường là vì người trung, hạ mà lập.

**\* Thật báo trang nghiêm độ:** Đây tức là hai mươi lớp thế giới Hoa Tạng, là cõi vi diệu của Phật Lô-xá-na của chúng ta, do tu hành khoáng kiếp chiêu cảm xứng với lượng pháp giới vô tận trang nghiêm như Hoa Nghiêm nói: “Trùng trùng vô tận thế giới trang nghiêm”. Đây là chỗ ở của



Báo thân Phật, là cõi Tịnh Độ của bậc Bồ Tát Thập địa chuyển đại pháp luân, là chỗ mà Nhị thừa Thanh văn chẳng thấy, chẳng nghe. Đây tức là những người được thọ ký trên hội Pháp Hoa, đời tu nhân nhiều kiếp, tương lai sẽ cảm ứng cõi Tịnh Độ một phần trong cõi này. Đây đâu phải chỗ hạng tầm thường dễ dàng đến được!

\* **Phương tiện hữu dư độ:** Cũng gọi là Phàm Thánh đồng cư độ. Đây chính là cõi hóa độ của Phật A-di-đà, có 9 phẩm phân biệt. Vì thế giới Hoa Tạng có hai mươi lớp. Từ lớp thứ nhất có vi trần số thế giới cõi Phật vây quanh, dưới nhỏ, trên lớn, như cái tháp lật ngược. Từ đây trở lên càng tăng gấp bội, đến lớp thứ 13 thì cõi Ta-bà này là cõi nằm ở trung tâm. Cõi Cực Lạc và Ta-bà bằng nhau. Từ giữa đến bên mé hoa lá phía Tây, nên nói qua 18 ngàn cõi Phật là kể luôn cõi Ta-bà, vì cõi Phật mười phương chỉ có Ta-bà là cực ác, đất, đá, cát, núi, dơ bẩn tràn đầy, tam đồ bát nạn, các khổ nhóm họp nên gọi là kham nhẫn, chúng sanh càng cường rất khó điều phục. Nên đức Phật Thích-ca chúng ta, dù đem Thập thiện để giáo hóa dẫn đạo nhân thiên mà chúng sanh vẫn chìm trong sanh tử chưa ra khỏi luân hồi. Nếu có tham thiên ngộ tâm, cũng lại rất khó ngộ ngay, nên Ngài thiết lập một môn cầu sanh Tịnh Độ gọi là vượt ngang ba cõi. Vì nương sức nguyện trong nhân của Phật A-di-đà rằng:

“Chúng sanh trong mười phương thế giới, nếu có người niệm danh hiệu tôi, mà không sanh nước tôi, thì tôi sẽ chẳng thành Phật”. Vì nương nguyện lực này, hễ ai niệm Phật thì Phật Di-đà

nhất định đến tiếp dẫn, được sanh vào cõi Tịnh độ kia. Cho nên dễ sanh. Nhưng Tịnh độ này mở ra 9 phẩm. Nếu người tham thiền ngộ tâm mà chưa thể quên tâm cảnh thì sanh thượng thượng phẩm. Có người niệm Phật nhất tâm chẳng loạn thì sanh thượng trung phẩm. Có người tham thiền chưa ngộ mà trì danh tinh thuần, vạn hạnh trang nghiêm thì sanh thượng hạ phẩm. Nếu người tu vạn hạnh, trì kinh Đại thừa, chuyên trì danh hiệu, chí nguyện vãng sanh thì sanh trong ba phẩm trung.

Có người tinh trì ngũ giới, thập thiện chuyên tâm niệm Phật, phát nguyện hồi hướng, chẳng kể tăng hay tục, phần nhiều sanh ba phẩm hạ. Đây tuy chưa đoạn phiền não, mà nếu được sanh nước đó, gặp Phật, nghe pháp, cũng ở địa vị bất thối chuyển, nhất định không rơi vào ba cõi sanh tử. Rồi từ đây phát nguyện trở lại ba cõi để độ sanh, thì đến đi tự tại, chẳng bị sanh tử khổ não níu giữ. Do đó Thiền sư Vĩnh Minh nói: “Nếu được thấy Di-đà lo gì không khai ngộ”. Một pháp môn này, một đời tinh thành có thể xong. Đã sanh lên đó rồi sẽ chóng thoát sanh tử, ra khỏi hắc luân hồi. Pháp môn thẳng tắt như thế, lại còn lo gì nữa mà không chịu tu, còn coi thường nó ư! Tham thiền liễu sanh tử khó, còn niệm Phật liễu sanh tử dễ, chỉ cần chúng ta một niệm tâm chân thật, chịu cực khổ thiết tha thôi. Người xưa sanh Tịnh Độ vô lượng, vô số đều là người đời mắt thấy được, nếu không tin thì có pháp nào đáng tin nữa? Nay kính khuyên bậc cao minh trí sĩ nên tin tự tâm, chẳng nên tin lầm thuyết tà. Ở trong pháp môn

này, người thiên tịnh kiêm tu rất nhiều. Như Vĩnh Minh nói: “Tham thiên niệm Phật, niệm Phật tham thiên”

*Có Thiên, có Tịnh độ  
Ví như cọp mang sừng  
Hiện đời làm thầy người  
Tương lai làm Phật, Tổ.*

Đây cũng là hạnh tối thượng cùng với người vọng xưng ngộ đạo đọa vào tội đại vọng ngữ, cách nhau một trời, một vực. Chỉ vì tất cả chúng sanh tự mê Phật tánh sẵn có nên đọa lạc vào ba cõi sanh tử, luân hồi trong sáu đường khổ nạn, suốt kiếp trầm luân, chẳng xa lìa được. Tất cả đều do tham, sân, si, ái, tạo chứa các ác nghiệp dâm, sát, trộm, vọng ngữ, rồi xả thân lại thọ thân. Tất cả đều vì dâm dục mà nhận tánh mạng, đời đời, kiếp kiếp, cha mẹ, vợ con, lục thân quyến thuộc, ân ái buộc ràng. Bị ngọn lửa lớn trong ba cõi thiêu đốt, không người nào thoát khỏi được.

Nên đức Bồn sư Thích-ca chúng ta ở cõi Thường Tịch Quang hưng khởi tâm đại bi cứu khổ, xả bỏ pháp lạc của tự tánh, từ trời Đâu Suất giáng xuống vương cung, nhập vào thai mẹ, rồi Ngài lại bỏ cha mẹ, vợ con, đoạn dứt ân ái thâm trọng của thế gian, bỏ ngay ngôi vua Kim Luân, chạy vào núi Tuyết, cạo bỏ râu tóc, chịu đói lạnh suốt sáu năm, hành trì khổ hạnh cho đến ngày ngộ đạo thành Phật. Đây là một lối vì sanh tử xuất gia bậc nhất.

Rồi sau khi thành Phật Ngài lại bị ma hại, chịu nạn kim thương, mã mạch, các thứ kham

nhấn vút bỏ thân mạng, chịu hết vô lượng nạn ma oán, thuyết pháp bốn mươi chín năm. Chỉ là một niệm từ bi vì muốn độ chúng sanh, cứu họ ra khỏi khổ mà thôi. Chỉ một việc này chớ không còn việc nào khác, nên một ngàn hai trăm năm mươi đệ tử trên hội Linh Sơn đều là những bậc anh linh hào kiệt một thời, học hạnh của Phật, ai nấy đều xa lìa cha mẹ, vợ con, ân ái thế gian, nương Phật tu hành, rồi liễu ngộ ân ái, được ra khỏi sanh tử, chứng quả A-la-hán. Như ngài A-nan là em của Phật cũng theo xuất gia, theo chúng chịu cực khổ. Đây là cách thức độ đệ tử xuất gia của Phật chúng ta.

Lúc Phật ở đời, đệ tử theo Phật xuất gia, không biết pháp tu hành, nên Phật nhân sự việc mà thuyết giới khiến dừng ác, ngăn sai, được sự huân tu chơn chánh. Vì vậy người mới xuất gia gọi là Sa-di, Phật đặt 10 giới, cho đến Tỳ-kheo thì Ngài đặt 250 giới. Người nữ xuất gia thì gọi là Tỳ-kheo-ni, Ngài đặt 500 giới. Cho đến quốc vương, đại thần, tể quan, cư sĩ cùng những người tại gia, xuất gia, tứ chúng tiến tu đại giới Bồ Tát thì có kinh Phạm Võng, Ngài thuyết 10 giới trọng, 40 giới khinh, các giới luật này là gia pháp của pháp môn Phật. Nên nói: “Nếu người nào thọ giới của Phật tức là vào địa vị chư Phật”. Nếu làm tăng mà không thọ giới thì người ta gọi là gốc tặc, ăn trộm cà-sa của Phật, bán đứng Như Lai, chớ chẳng phải đệ tử Phật. Làm tăng vâng theo Phật pháp như thế thật chẳng phải dễ. Lúc Phật ở đời, tuổi thọ con người là một trăm tuổi. Phật đáng lý thọ một trăm năm, vì nghĩ đến đệ tử thời mạt

pháp vô phước nên Ngài chỉ trụ thế 80 năm; lưu lại phước của hai mươi năm chưa hết cho con cháu đời sau. Nên nay các đệ tử được cúng dường tứ sự đều là thọ dụng một phần công đức trong ánh sáng bạch hào của Phật, tức là cọng rau, hạt gạo của thí chủ, một phân một hào của thí lợi đều là phước điền còn sót lại của Phật.

Nay người vào làm tăng trong pháp môn mà lại không hề biết Phật là người nào, cũng chẳng biết mình làm việc gì? Chẳng biết vì sao bỏ cha mẹ, vợ con, cạo bỏ râu tóc, không ở nhà thế tục mà vào ở chùa? Lại cũng chẳng biết rằng mình không cày cấy, không dệt sợi mà cơm áo từ đâu tới? Chỉ cho rằng chính mình có khả năng, đi quyên hóa thí chủ cúng dường, mà lại không biết lòng tin của thí chủ, máu mủ khó tiêu, tương lai phải kéo cày, lòi bữa, đeo hàm sắt, mang yên, chịu bao nhiêu khổ để trả nợ.

Đây là mọi người nhất tề mê muội mà chẳng biết, nếu cứ thọ dụng như thế mà có giữ giới hạnh sơ sơ, trì kinh niệm Phật, giữ bốn phận thì cũng tạm được. Hướng lại hoàn toàn không biết tăng thế, chẳng thọ giới hạnh, phóng túng thân tâm phan duyên theo thân thuộc thế tục, ra vào không úy kỵ, chẳng tránh sự chê cười gièm pha cho đến vi phạm pháp cấm, hoàn toàn chẳng biết là trái, lại không phải chỉ có một loại. Trọn không biết vì sao xuất gia, vì sao xả tục, vì sao cạo bỏ râu tóc? Chẳng những không biết việc tu hành, mà ngay cả tâm thấp hèn lễ Phật, kính thờ Tam bảo, tuyệt nhiên quên mất, hỗn độn một đời, sống say chết mộng. Hoàn toàn chẳng biết

con đường chân chính tu hành, mà có gặp ai tu thì ngược lại cho là trái. Đây thật là người rất đáng thương xót!

Phật nói: “Tam đồ, địa ngục chưa phải là khổ, dưới lớp áo cà-sa mà mất thân người, mới thật là khổ”. Tóm lại là chẳng biết Tăng là gì? Nên kinh Tứ Thập Nhị Chương nói:

Phật bảo: “Tỳ-kheo các ông! Mỗi buổi sáng nên tự vò đầu”. Nếu chịu tự vò đầu thì phản tỉnh chính mình thật không còn râu tóc. Vì không biết quy củ xuất gia của Phật pháp, nên thầy không thành thầy, đệ tử cũng chẳng thành đệ tử, trên dưới đoạn dứt phận, cùng bầy cầm thú, chỉ biết sự cấp thiết của ăn mặc mà hoàn toàn chẳng biết việc sanh tử, chẳng sợ có cái khổ tam đồ ở tương lai.

Thế gian do thói quen này trở thành phong tục và cho là việc thường. Còn có người bỏ làng đi hành khước khắp nơi, mà cũng chỉ biết có cơm cháo ở tông lâm, chứ mờ mịt chẳng biết có Phật pháp thiền đạo. Đây lại thật là người rất đáng thương xót! Tuy nhiên, trong ấp có mười nhà, thì chắc chắn có người trung tín. Nay ở các núi hiện tại há không có bậc anh linh hào kiệt sao? Ở mỗi phương, nếu có một hai người chịu phát tâm hưng khởi, tự nhiên có cơ hội chuyển hóa.

Vì thế nay tôi chỉ mong các bậc có chí trụ ở chùa, mỗi người nên suy nghĩ xét mình quay đầu về, nên nghĩ đến việc lớn sanh tử, thống thiết sửa đổi lỗi trước, phát khởi một niệm tâm hướng về đạo. Sự phát tâm ban đầu, trước cần tham thỉnh thiện tri thức và thọ mười giới Sa-di. Nếu giữ

mười giới không phạm thì tiến lên 250 giới của Tỳ-kheo, mỗi một giới điều đều cẩn thận kiểm điểm cho đến tiến lên thọ giới Bồ Tát. Vì Phật thiết lập giáo pháp lấy tam học Giới-Định-Huệ làm căn bản Phật pháp, nghĩa là nhân giới sanh định, nhân định sanh huệ, đó là ba vô lậu học. Các giới tương ghi đủ trong giới kinh, mời mọi người tự kiểm xem chẳng cần kể kỹ.

Sau khi có thể thọ giới rồi, chẳng kể là ở một mình hay theo chúng, nhất định cần mỗi nửa tháng đến trước Phật tụng niệm giới phẩm. Ai có hủy phạm thì đối trước chúng sám hối, sửa lỗi bản thân, thì thân tâm thanh tịnh, nghiệp chướng được tiêu trừ. Đó là điều cốt yếu ra khỏi khổ não. Ai đã có thể trì giới là gốc tu hành thì nên gần gũi Phật pháp, dù không ra khỏi cửa, đi nơi khác nghe giảng, cũng nên tự mình phát tâm chuyên nhất trì tụng các kinh Đại thừa như Hoa Nghiêm, Pháp Hoa, Viên Giác, Lăng Nghiêm để trồng nhân duyên Bát-nhã, hoặc ai có chí chuyên tu một môn Tịnh Độ thì lấy niệm Phật làm hạnh chánh, tụng kinh Đại thừa làm hạnh trợ giúp, sáu thời phát nguyện hồi hướng, cầu ra khỏi đường khổ sanh tử. Như thế mới không phụ nhân duyên lớn lao của người xuất gia, cũng chẳng trôi sông đời này.

Nếu người có căn thượng thượng, phát tâm thoát ly nghiệp đời, đi các nơi tham thỉnh thiện tri thức, chí muốn tham cứu đến cùng đại sự sanh tử, chỉ cần đề lên một niệm thôi, chẳng cần cầu bên ngoài. Đây là căn khí tối thượng Nhất thừa. Nhưng nếu, phát tâm tự nhận, nhất định có lúc

phát minh liễu ngộ, thì do căn khí mỗi người, chỉ hưởng thế nào.

Như trên đã nói, trì giới, tu hành, tụng kinh, niệm Phật tuy chẳng thể chóng ngộ tự tâm mà cũng không bỏ phí thời giờ, cũng chẳng phụ duyên xuất gia. Nếu cứ nhỡn như buông lung thì đến chết cũng chẳng thành. Chẳng đáng thương lắm sao? Qua sông đời này, đọa lạc vào tam đồ, thì tương lai chẳng biết bao giờ mới ló đầu ra được.

Như trên đã nói, pháp tu hành của người xuất gia và tại gia, tuy cạn sâu không đồng, là pháp Phật thuyết trong hai mươi năm đầu. Phật thuyết pháp bốn mươi chín năm, pháp được thuyết có ba thừa là Tiểu, Trung, Đại thừa, hai mươi năm đầu chỉ nói hữu giáo gọi là Tiểu thừa, Phật nói có cái khổ sanh tử trong ba cõi có thể ra khỏi, có Niết-bàn Nhị thừa có thể cầu, có nhân quả lành Trời Người, có nhân quả ác nghiệp tam đồ, tất cả các pháp là thực có nên nói pháp Tứ đế. Đế tức là thực. Tứ đế là bốn pháp khổ, tập, diệt, đạo là thực. Thực có khổ có thể thọ.

Tập là tham, sân, si, ái, phiền não. Ngài nói phiền não này là nhân của các khổ, hay chiêu quả khổ nên nói thực, thực có tập của phiền não có thể đoạn.

Diệt là Niết-bàn thiên không của Nhị thừa, vượt ra ngoài ba cõi. Do ra khỏi sanh tử, chứng được Niết-bàn này, nên nói là thực, thực có Niết-bàn có thể chứng.

Đạo là phương pháp tu hành, là chỗ tu của Nhị thừa: chán khổ, đoạn tập, mộ diệt, tu đạo.



Nghĩa là bát bối xả, ngũ đình tâm quán: quán thân bất tịnh, quán thọ là khổ, quán tâm vô thường, quán pháp vô ngã, lại có quán tổng tướng niệm, biệt tướng niệm... Đây gọi là pháp tu ra khỏi khổ của người tiểu căn, là Tiểu thừa giáo.

Lại có một hạng căn khí có chút lanh lợi gọi là Trung thừa, tức là Phật mở rộng tứ đế trước, thuyết pháp thập nhị nhân duyên: vô minh duyên hành, hành duyên thức, thức duyên danh sắc, danh sắc duyên lục nhập, lục nhập duyên xúc, xúc duyên thọ, thọ duyên ái, ái duyên thủ, thủ duyên hữu, hữu duyên sanh, sanh duyên lão tử, ưu bi, khổ não.

Đó gọi là mười hai hữu chi. Mười hai chi này gồm nhân quả ba đời: quá khứ hai chi nhân là vô minh, hành; hiện tại năm chi quả từ thức đến thọ; hiện tại ba chi nhân là ái-thủ-hữu; vị lai hai chi quả là sanh-lão-tử ưu bi khổ não. Duyên là dẫn nghĩa là nhân quả luân hồi ba cõi, dẫn dắt lẫn nhau mà có. Vì người căn cơ bậc trung quán mười hai nhân duyên này có hai môn lưu chuyển và hoàn diệt. Nghĩa là từ vô minh đến lão tử... là môn lưu chuyển. Nếu vô minh diệt thì mười hai hữu chi đều diệt là môn hoàn diệt. Quán ngược xuôi như thế thì ngộ vô sanh. Chứng quả Bích chi Phật, Độc giác là pháp Trung thừa vậy. Pháp Nhị thừa này, Phật thuyết trong hai mươi năm vì những người căn cơ chậm lụt không kham thọ Đại thừa. Nên là quyền tạm. Sau hai mươi năm này, căn cơ dần dần thông thái, Phật mới thuyết Đại thừa Bồ Tát tu pháp Lục độ: Bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí tuệ. Sáu độ

này là chỗ tu của Bồ Tát đại thừa, gọi là Đại thừa. Nếu tu sáu độ này, riêng vì “hạ độ chúng sanh, thượng cầu Phật quả”. Pháp Lục độ này lấy Bát-nhã làm chủ, nên thời thứ hai Phật thuyết kinh Bát-nhã có 22 năm, kinh này nhiều nhất, đem qua Trung Hoa có 8 bộ Bát-nhã cộng sáu trăm quyển.

Kinh này hoàn toàn nói về trí tuệ chân không Bát-nhã, phá cái hữu kiến về Niết-bàn sanh tử của Nhị thừa, bàn rộng về Lục độ cho đến các pháp Tứ đế, Thập nhị nhân duyên đều lấy Bát-nhã chân không làm cực tặc, đào thải cái thấy “chấp có” trước, như tâm kinh Kim Cương, đều là tông cực của Bát-nhã. Vì Nhị thừa trước chấp không là thiên không, nghĩa là cái không đoạn diệt. Nay Bát-nhã là thật tướng chân không, do Phật thuyết tam quán: không, giả, trung là diệu môn thành Phật. Chỉ một bộ kinh Bát-nhã này thuyết riêng một không quán, nên là cửa đầu tiên nhập vào Đại thừa, là diệu pháp tu hành của Bồ Tát. Bát-nhã là tiếng Phạn, đây là trí tuệ, vì thế Bồ Tát lợi ích chúng sanh, lấy trí tuệ làm đầu. Chỗ nói: Không trí tuệ thì bị phương tiện cột, có huệ thì phương tiện mở. Nhưng một môn không quán này tuy ghi trong tám bộ Bát-nhã, kỳ thật rất mau tắt, thiết yếu. Chỉ ở Tâm kinh đã gồm đủ 14 hạnh nghiệp, một cuốn Tâm kinh lại riêng ở một câu “Chiếu kiến ngũ uẩn giai không” đã đủ hết nghĩa. Trong một câu này, nếu hạ thủ công phu thì chỉ ở một chữ “chiếu” mà thôi. Đây là pháp môn tối giản yếu. Nhưng thiền môn tu hành, công phu dụng công ban đầu chỉ một chữ “chiếu”,

tức là “pháp môn một chữ”. Phật đợi đến ba mươi năm mới nói. Xem đây thì pháp tu tâm há phải là chuyện phàm phu tầm thường quán là không, giả, trung đạo. Một đời giáo hóa để tu hành sao? Pháp môn một chữ này dạy cho Bồ Tát, là pháp Đại thừa vậy.

Bổn hoài xuất thế của Phật chỉ là muốn cho tất cả chúng sanh thành Phật, chớ không vì gì khác. Tức là 49 năm thuyết thời giáo một đời, nay là một Đại tạng kinh. Thấy đều là pháp môn học thành Phật. Phương tiện thành Phật chỉ có Lục độ vạn hạnh, đủ nhiều thứ cửa mà ý chính chỉ có tam quán là căn bản thành Phật. Tam quán là không, giả, trung đạo. Một đời giáo hóa chỉ thuyết ba quán này. Từ trước cho đến khi thuyết Bát-nhã là vừa mới thuyết xong một môn không quán. Như thế thì biết pháp chẳng phải dễ thuyết, cũng chẳng phải dễ vào. Trên hội Bát-nhã, những người Nhị thừa nghe pháp trong hội, đều cho Bát-nhã không phải thuộc về trí của mình, hoàn toàn không để ý, hướng là đích thân nhận lời Phật dạy. Đã 30 năm mà còn chẳng tin, chẳng nhập. Như hiện nay bọn phàm phu ác nghiệp, miệng miệng nói không, vọng nói pháp không, không Phật, không Tổ, không tu, không chứng, rồi tự xưng mình là người căn cơ thượng thượng, há chẳng phải quá dối lừa người. Nhưng Phật đã thuyết Bát-nhã chân không, rồi sau mới thuyết quán giả. Một môn quán này có nói trong kinh Giải Thâm Mật, nói về pháp môn Duy Thức, nghĩa là vì mê Như Lai tạng gọi là A-lại-da thức, nương thức Lại-da này đầy đủ ba phần, biến ra căn, thân và khí

giới. Tất cả đất đai sông núi, chúng sanh, thế giới. Đó là pháp giả, là cảnh giả, chỉ do thức biến, như bóng trong gương, như trăng đáy nước, tuy có mà chẳng thực, nên gọi là giả.

Hỏi: Nhưng Phật vì sao mà nói quán giả?

Đáp: Do trước, người Nhị thừa chấp Niết-bàn cho là có thực, rơi vào thiên không, nên Phật thuyết Bát-nhã là Chân không. Để phá cái kiến chấp Có, nên quán thật tướng Bát-nhã chân không. Lại có một loại Bồ Tát ưa cái không tăng thặng, chấp chỉ riêng Không mà không nhập vào cái Có (thiệt hữu) chẳng chịu độ sanh. Nên Phật thuyết tất cả chúng sanh, thân, tâm, thế giới đều chỉ do thức biến hiện, toàn là pháp giả, dùng pháp môn duy thức này hội Có- Không ; Ngài muốn hiển bày cái Có- tức- Không, cái Không- tức- Có, quán thẳng Duy thức để chứng Chân như. Đây là pháp môn dạy Bồ Tát, trước ra khỏi Không nhập vào Giả để độ sanh. Nên một môn quán này, có kinh Giải Thâm Mật... Lúc thuyết kinh dành cho Bồ Tát đại căn, đã có thể tin nhận. Còn Nhị thừa tiểu căn, rốt cuộc chẳng dám vào cõi tục lợi sanh. Vì thế Phật thuyết kinh Duy Ma, đem cư sĩ Tịnh Danh để thị hiện việc ở thế tục có vợ con, quyến thuộc, tạm mượn nhân duyên thăm bệnh cùng Văn-thù đối đáp pháp môn Bất nhị, quả trách Nhị thừa để kích phát tâm nhập tục độ sanh.

Kinh này gọi là chê thiên, trách tiểu, khen đại, tán viên. Vì Tiểu thừa chẳng nghĩ lường pháp môn, cứ khư khư cái thấy nhỏ hẹp của Nhị thừa. Ở đây Phật rất mực từ bi vì căn cơ nhỏ hẹp, dùng

các thứ phương tiện quyền xảo, ý muốn dẫn họ vào Đại thừa. Như thế thì biết việc Bồ Tát vào tục lợi sanh, chẳng phải người căn cơ thấp thỏi có thể kham được. Công giáo hóa hơn bốn mươi năm của Phật còn phí phương tiện thân lực như thế. Còn như hiện nay, người đang ở trong biển khổ ngũ trước, phiền não, sanh tử, miệng miệng nói Không, đàm thiên, thuyết đạo, tự động cho một việc hưởng thưởng là trách nhiệm của mình, chê bai chánh pháp, chẳng sợ nhân quả, chẳng biết thương mình, vọng tự đối gạt như thế sao? Vì xem phương tiện quyền xảo của Phật khi lợi sanh, đã khổ tâm biết bao, chẳng dám dễ dàng nói dạy người một chữ thành Phật. Người đời hễ nói thì siêu Phật, vượt Tổ. Như thế thì chẳng phải vọng hay sao? Chẳng đáng sợ sao?

Phật ra đời thuyết pháp bốn mươi chín năm, kinh điển gần một Đại tạng, đầu đuôi chỉ nói tám rõ tám chữ “Tam giới duy tâm, vạn pháp duy thức” từ đầu đến đây, đã trải bốn mươi năm mới thuyết rõ ra được ý nghĩa của một câu “Vạn pháp duy thức”. Vẫn còn chưa dám hiển thị ý chỉ duy tâm. Vì duy tâm là cực tặc của vạn pháp. Từ trước đến nay, các đại đệ tử đã nghe pháp môn duy thức, nên từ đây về sau, Phật bèn thuyết kinh Lăng Già để hiển thị pháp môn “Tam giới duy tâm”, muốn người ngộ ngay một tâm này, để làm cực tặc. Nên thân hai “Không Giả” trước, dứt hết hai đế, quay về một tâm. Sau đó viên mãn một tâm, tiêu dung vào trung đạo là lý cứu cánh. Nên kinh Lăng Già nói: “Tịch tịch là nhất tâm”, nhất tâm gọi là Như Lai tàng nghĩa là tàng thức. Tức là

Như Lai tàng không phải Không, không phải Có, chỉ thẳng một tâm lìa danh dứt tướng, tuyệt hẳn thánh phàm, chẳng thuộc giai cấp tu chứng. Chóng quán tàng tánh gọi là cảnh giới Tự Giác Thánh Trí, lìa ngay cả vọng tâm phan duyên. Nếu rõ vọng tưởng không có tánh tức ngộ vô sanh. Đó là pháp môn đốn giáo. Tổ sư Đạt-ma truyền cho Nhị Tổ là đại sư Huệ Khả, lấy kinh này làm tâm ấn. Vì thế kinh này dành cho người căn cơ thượng thượng, người Nhị thừa không có phần. Dưới cửa Tổ sư, người mới học tham thiền cần phải lìa tâm-ý-ý thức mà tham, lìa cảnh giới vọng tưởng mà cầu, ra khỏi đường phàm thánh mà học. Đó là thuần lấy kinh này làm tông cực. Kinh này là thuyết cực tặc của một tâm. Phật đã hơn bốn mươi năm dùng nhiều phương tiện khai thị, trải qua bao nhiêu pháp môn, nay mới thuyết kinh này. Người tiểu căn còn chẳng có phần, mà tăng tục bây giờ giáo nhân chưa sáng, chẳng biết đường tu hành, mù đui chẳng biết vọng tưởng phan duyên trong tâm của mình, hoàn toàn không biết nó khởi diệt bao nhiêu; ngày đêm chưa hề có một niệm thanh lương, mà lấy một việc hưởng thượng lìa tâm-ý-ý thức cho là trách nhiệm của mình, thoạt đầu cũng chưa từng mộng thấy mà mở lớn miệng thuyết thiền. Tâm tự dối như thế sao? Có thể nói là người rất không biết hổ thẹn, chẳng đáng sợ sao? Chẳng những người đời vô tri nói bậy mà ngay kẻ hậu học, tăng đồ trong pháp môn ta cũng hoàn toàn chưa hề nghe pháp môn Phật dạy tu tâm, hoàn toàn không biết công phu dụng tâm. Chỉ có mấy giờ vọng tưởng, hoàn toàn không có chánh kiến, liền xưng ngộ đạo, tự cho

là đủ. Thế thì ai đối? Ai làm? Xin can! Xin can!  
Cẩn thận! Cẩn thận!

Sau bốn mươi năm này Phật mới dạy pháp môn Nhất tâm, đủ thấy pháp chẳng dễ nói, chẳng dễ tu, chẳng dễ ngộ.

Đức Thế Tôn đặc biệt vì một đại sự nhân duyên mà xuất hiện ở đời, một đại sự nghĩa là tri kiến Phật của chúng sanh. Vì chúng sanh vốn đủ tri kiến Phật mà nay mê đi trở thành tri kiến vọng tưởng sanh tử, nhiều kiếp đến nay mê đi mà chẳng biết, ví như gà cùng tử ôm hạt châu làm ăn mà y uổng chịu cực khổ. Vì Phật hưng đồng thể đại bi, đặc biệt ra đời để khai thị cho chúng sanh, biết mình có tri kiến Phật sẵn có khiến cho ngộ nhập được. Ví như chỉ cho cùng tử hạt châu nằm trong ché áo, khiến cho y biết được lấy dùng. Nhưng tri kiến Phật tức là Nhất tâm mà kinh Lăng Già thuyết, gọi là Tự Giác Thánh Trí vậy. Phật một bề không dám nói liền, vì quán chúng sanh căn cơ ám độn, không kham nhận pháp này. Nên Phật lặng thinh không lo nói vội điều cốt yếu. Cho đến bốn mươi năm sau, dùng nhiều cách đào thải, căn cơ dần dần thuần thực, việc hóa duyên sắp xong, nên Ngài thuyết kinh Lăng Già, dạy pháp môn nhất tâm để hiển LÝ cứu cánh. Sau đó Ngài thuyết kinh Pháp Hoa, chỉ dạy thật tướng các pháp, để hiển SỰ cứu cánh. Đây là thứ lớp Phật thuyết pháp, do sự- lý rốt ráo mới hết được cực tắc của một tâm. Vì vậy các người Nhị thừa đến lúc này mới tin tâm Phật quyết định, không còn nghi, cũng ngộ được Phật tánh sẵn có của mỗi người, chắc chắn chẳng mất, ví như cùng tử lâu

ngày bỏ trốn qua nước khác, nay mới trở về gặp cha, cũng tin gia nghiệp của cha đều là của mình. Thân tâm đều tin nhận, có thể kham nổi nghiệp nhà, nên được trưởng giả giao phó tài sản cho. Người ta thường nói một kinh Pháp Hoa này như ông trưởng giả viết bức thư giao phó việc nhà, chính là bốn hoài cứu cánh của Phật lúc lợi sanh. Vì thế Phật bảo các đệ tử, thọ ký cho từng người, tương lai nhất định thành Phật. Lại nói: “Phàm có người nghe pháp, tất cả đều thành Phật”. Một đại sự nhân duyên này của Phật đã xong, gọi chung là giáo, chẳng bao lâu Ngài nhập Niết-bàn. Nhưng ở một thời Pháp Hoa, bốn hoài của Phật xuất thế lợi sanh đã tận. Đến kinh Niết Bàn thì hiển nghĩa Phật tánh, để thâm những cơ chưa hết của Pháp Hoa, và phá cái nghi chưa hết của các đệ tử đến trước, vì Phật thuyết pháp ai đến nghe cũng đều thành Phật. Đây thì Ngài sợ đệ tử trước đã nghe người xiển đề không có lòng tin, không cho thành Phật. Nghe điều này sẽ sanh nghi. Vì thế Phật thuyết kinh này, bao Xiển đề cũng có Phật tánh, mượn hình ảnh đồ tể Quán Ngạch buông dao đồ tể liền thành Phật. Đến đây tin chắc, phàm người có biết cuối cùng sẽ thành Phật, quyết định không nghi. Như thế mới hết ý nghĩa một phen xuất thế của Như Lai, công việc giáo hóa lợi ích chúng sanh đến đây đã xong. Nên bây giờ nhập Niết-bàn. Như trên đã nói, quy tắc Phật ra đời một đời thủy chung hóa độ chúng sanh, pháp môn thứ tự tu nhân, tuy quán chúng sanh sẵn có Phật tánh, ai ai cũng đầy đủ, không ai không mong thành Phật. Nhưng vì chướng phiền não dày, căn nghiệp tội sâu, Phật chẳng



kham dạy ngay Đại pháp. Nên Ngài đem pháp Nhất thừa phân biệt nói thành ba. Đây là lý do thiết lập Nhất thừa và Tam thừa. Vì thế trước kinh Lăng Già là quyền giáo Tam thừa; còn Pháp Hoa, Lăng Già là thật giáo Nhất thừa. Nên các nhà Thiên Thai phán định là giáo khai quyền hiển thật. Như thế thì biết bốn mươi năm đầu Phật thuyết quyền giáo vì căn cơ chẳng đồng vậy.

Trên đã nói đốn tiệm chẳng phải một, để thông suốt giáo nghĩa. Nhưng kinh Lăng Già chỉ ngay một tâm là Như Lai Thanh Tịnh thiền, thì giáo há chẳng phải là Thiền tông sao?

Đến như Thế Tôn tự nói: “Ta suốt bốn mươi năm không hề nói một chữ”. Rồi cuối cùng đưa cành hoa lên dạy chúng. Cả trăm vạn người đều mờ mịt không hiểu, chỉ có một mình Ca-diếp mỉm cười. Thế Tôn bèn nói: “Ta có chánh pháp nhân tạng Niết-bàn diệu tâm nay giao cho ông”. Đó là ý chỉ truyền riêng ngoài giáo, từ đây truyền đến A-nan, cho đến 28 tổ phương Tây, 6 tổ Đông Độ, Đạt-ma từ Ấn sang được coi là Thiền tông “Chẳng lập văn tự, chỉ thẳng tâm người, kiến tánh thành Phật” gọi là pháp môn truyền riêng. Nên từ Tào Khê về sau hai phái, năm tông, truyền đăng ghi 1700 người, đều là bậc đại sĩ ngộ tâm. Hễ có ngôn cú thì gọi là công án, vì thiền vốn ly ngôn, chỉ để lại một lời, nửa câu làm chứng cứ ấn tâm, như văn thư ở công đình tại thế gian, chẳng phải muốn người cho đây là pháp thực, đem miệng tai mà truyền bá, cho là tri kiến huyền diệu của chính mình.

Sự nghiệp của Phật đã nói xong một Đại

tạng giáo, đến như pháp môn nhất tâm không đầy đủ sao mà phải đưa cành hoa lên để làm tâm yếu? Đó là vì ý chỉ nhất tâm lia tướng ngôn thuyết, lia tướng danh tự, lia tướng tâm duyên. Vì từ trước, người nghe tuy ngộ bốn tâm nhưng chưa có thể lia tướng nên cuối cùng mượn cành hoa đưa lên để trừ dẹp tập khí chấp ngôn thuyết, tức là trị bệnh chấp danh ngôn, lấy đây làm cây gậy vàng. Người đời nay chẳng biết ý chỉ giáo - thiền một tâm là phương tiện hóa độ chúng sanh của Phật, mỗi người vọng chấp một mối cho là đúng đắn, nên chấp giáo không phải thiền, chấp thiền không phải giáo. Người chấp giáo không phải thiền, dĩ nhiên đã lầm lẫn mà người chấp thiền không phải giáo lại còn lầm quá xa! Vì người chấp thiền là chấp cái ngu của mình, vọng nhận cái thấy của mình đó là tự lầm, lại phỉ báng kinh Đại thừa liễu nghĩa cho là văn tự, đến nỗi cứu cánh chẳng thành, thật là người đáng thương. Tôi xem đời mạt pháp này, các nơi giảng đã ít, không có bậc tông tượng cho nên người ít tuổi lanh lợi, không có nghe nhiều, không trí huệ. Dù có người có chí hướng thượng lại không có chí quyết định lâu bền, vì không có bậc tri thức mắt sáng, chỉ có theo đời lừa dối đến nỗi lạc lầm rất nhiều. Đây thật là đáng vì họ mà rơi lệ! Rồi lại có Tăng đồ tự cho mình ngộ đạo, cuống hoặc ngu phu thế tục, tham cầu sự cúng dường, có ai quy y thì liền khai thị tham thiền làm một đường hướng thượng, có ai tin mình dù họ thoại đầu chưa thuần thực, vọng tưởng tung hoành như nước sôi cũng ấn chứng cho; cho là có chỗ ngộ nhập, đến nỗi rơi vào tà kiến, tai hại quá nhiều như thế, không thể không

biết sợ hãi mà tự răn mình. Theo ngu kiến của tôi, thì không phải không cần tham thiền, chỉ nói là tham thiền không được chân thật, lại không có chí quyết định sâu xa, vọng tự cho là ngộ, làm lắm người rất nhiều. Theo ngu ý của tôi thì nếu như xem kinh giáo mà chẳng thể tham thiền và người tham thiền mà không quyết định thì đều không bằng chuyên tâm tu tịnh nghiệp, chẳng để qua sông một đời. Người trí có thể tự xem, xin mọi người tự suy nghĩ may ra không tự dối mình.

Trộm xem các bậc sĩ đại phu, tế quan tham thiền liễu ngộ từ xưa chẳng phải ít ỏi rõ ràng trong Truyền Đăng có ghi không phải là một người. Trong hàng tế quan đời nay, người có chí ngoại hộ pháp môn, phần đông lấy tham thiền làm đường hướng thượng. Đây không phải là tầm thường, chắc chắn đã được nói đến. Bởi vì xưa có bậc theo pháp môn tham thiền mà chưa được đại ngộ triệt rồi phát nguyện hộ trì Phật pháp, cũng có các Tổ sư có nguyện lực lớn độ sanh và Bồ Tát thị hiện cứu thế, cũng có người khi xưa làm Tăng mà tham cứu chưa thấu triệt, do tập khí dẫn dắt, nên nay ra đời, tuy ở trong trần lao tục đế mà chỗ học tập ngày xưa, chủng tử Bát-nhã một niệm quang minh thấu lộ, chẳng thể ém đi, nên phát ra sự nghiệp văn chương công danh; để làm người ngoại hộ. Pháp môn có các phương tiện, tác dụng chẳng đồng mà cửa hạnh cũng không phải chỉ có một thứ, có người chuyên hướng thượng, có người chuyên công hạnh. Các Tổ sư cũng kiến lập Tam bảo chứng nguyện hộ pháp, có người chỉ lo sanh tử của chính mình, có người

cốt làm người trung hiếu, các thứ hạnh đều là Bồ Tát đạo, chẳng nên đem chỉ một hạnh môn trong Tăng đoàn mà nhìn, thì chỉ là người trong hàng ngũ Tăng già mà không biết hai tông giáo - thiền, cũng có người khổ hạnh đầu đà, cũng có người chuyên tu tịnh nghiệp, cũng có người chân thật theo hạnh môn, cũng có người tùy duyên làm Phật sự để trợ dương giáo môn, cũng có người trì tụng, viết chép kinh điển để cầu hạnh môn. Tất cả đều ở trong ánh bạch hào của Phật. Các thứ nhân duyên vì cầu Phật đạo cũng chẳng thể đem vợ cả nắm. Nên trong hàng tể quan, phàm người có thâm tâm hộ pháp, chỉ giữ một hạnh của Tăng là được, cũng chẳng cần quyết định ai ai cũng tham thiền mới là chánh hạnh. Vì tham thiền tuy hay, kỳ thực chẳng phải người tiểu căn có thể hành được.

Lúc Phật ở đời, trời người có cả trăm vạn mà chỉ có một mình Ca-diếp. Tổ Đạt-ma từ Ấn Độ sang chỉ được Nhị Tổ; ở Hoàng Mai hơn 700 người chỉ một mình Lục Tổ được ấn tâm. Há phải việc nhỏ sao? Nếu người trong Tăng chúng thì chỉ có một hạnh, khả dĩ là việc chính của pháp môn, khả dĩ giáo hóa chúng sanh, tức là Bồ Tát. Nên nói “Các thứ hạnh đều là Bồ Tát đạo.” Nếu có thể giữ một việc đã vượt khỏi bợn cơm cháo bình thường, bỏ trôi thời gian gấp vạn vạn lần rồi. Nghĩa là trong cái dở giữ cái hay thì không phải là người bỏ đi, trong cái hay giữ cái dở thì không phải là người toàn vẹn. Từ xưa cả thế và xuất thế gian, người toàn vẹn rất khó được.

Như trên tôi đã dài dòng nói về thứ lớp nghi

thức của Phật dùng hóa độ chúng sanh. Phật há không muốn người chóng ngộ tự tâm ngay đó thành Phật? Nhưng chỉ vì chúng sanh căn độn, chẳng thể không dùng quyền tạm để tiếp dẫn.

Cổ nhân nói: “Tăng đồ chẳng thể liễu ngộ tự tâm mà lưu tâm ở giáo pháp thì cũng không bỏ phí thời giờ.” Tôi thì bảo Tăng đồ bây giờ dù chẳng thể tham thiền, xem kinh, cũng có thể năng trì giới, tụng kinh, làm phước, hộ pháp, cũng có thể nói hơn bọn ma tầm thường vụn vặt.

Ở trong hàng cư sĩ, nếu người hay trì trai niệm Phật, trợ lực hoàng dương Tam bảo, đều là hạnh chân thật. Đó là chỗ mong mỏi của chư Phật, xin các bậc đại sĩ cao minh các nơi nên tự tin điều này. Cần thận chớ cho những lời của tôi là hư vọng.



## MỤC LỤC

Lời Nói Đầu	5
Dạy Cư Sĩ Dung Ngọc	7
Dạy Thiền Nhân Tự Am Hữu	12
Dạy Thiền Nhân Khánh Vân	13
Dạy Thiền Nhân Như Thường	14
Dạy Thị Giả Huệ	15
Dạy Đặng Ti Trực	17
Dạy Hành Nhân Khoan Lương	21
Dạy Chu Sống Nhụ	22
Dạy Lưu Bình Tử	26
Dạy Lương Đăng Tiêu	28
Dạy Thiền Nhân Tịch Giác	30
Dạy Lương Trọng Thiên	31
Dạy Lưu Trọng An	33
Dạy Thiền Nhân Song Luân Chiếu	35
Dạy Thiền Nhân Quán Trí Vân	39
Dạy Thiền Nhân Linh Giám	41
Dạy Thiền Nhân Bảo Tạng Tướng	42
Dạy Thiền Nhân Dạ Đài	44
Dạy Thiền Nhân Huệ Huyền Hưng Hậu	45
Dạy Lão Túc Nhân Thiên	47
Dạy Thiền Nhân Liễu Tế	49
Dạy Thiền Nhân Huyền Hữu Hải	50
Dạy Thiền Nhân Bốn Hoài Ẩn	53
Dạy Thiền Nhân Bốn Nguyên Giác	56
Dạy Trần Thiện Nhân	58
Dạy Thanh Liên Sinh	60
Dạy Ngô Khải Cao	61
Dạy Thiền Nhân Vô Tri Giám	63
Dạy Từ Thanh Chi	65
Dạy Thiền Nhân Nhược Đàm Thành	67
Dạy Thiền Nhân Quán Trí Vân	69
Dạy Thiền Nhân Ngưng Súc Không	70

Trả Lời Đức Vương	72
Đáp Tăng Hải Ấn	86
Đáp Cấp Giác Đoạn Huyền Nhiên	96
Tây Đường Quảng Trí	107
Đáp Đại Khiết	113
Pháp Ngữ Tịch Chiếu Khải Công	121
Am Vương Giới Chu Bạch Dân	126
Dạy Tiêu Huyền Phổ Tông Bá	131
Dạy Chu Tử Dân	133
Dạy Hoàng Duy Hằng	142
Dạy Cư Sĩ Mã	144
Dạy Vương Sinh	146
Dạy Chu Tử Tiềm	148
Dạy Sa Di Tổ Định	149
Dạy Ngô Công Mẫn	151
Dạy Hai Ông Trùng Và Hoành	152
Dạy Giang Ngô Dư	154
Dạy Vương Mục Trương Và Chu Thế Phụ	156
Dạy Đỗ Sinh	159
Duy Tâm Kệ	160
Cư Sơn Kệ	162
Thị Niệm Phật	164
Dạy Thiền Nhân Đại Trạch	165
Quán Thân	166
Quán Tâm	167
Dạy Cư Sĩ Lục Nhất	168
Dạy Thiền Nhân Quý ở Kim Sơn	169
Núi Bồ Đề	170
Thành Tâm Dạy Đàm Chi	171
Khắc Tựa Đại Thừa Khởi Tín Luận	172
Bài Tựa Diệu Pháp Liên Hoa Kinh	175
Kính Sơn Tựa Lục	177
Đệ Tử Chu Lộ Ghi	177
Cách Thức Giáo Hóa Chúng Sanh	185